

# ĐẠT MA TỔ SỰ LUẬN

**HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM**  
**NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

Địa chỉ: 65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com

Điện thoại: 04.39260024 Fax: 04.39260031

---

**Chịu trách nhiệm xuất bản**

Giám đốc Bùi Việt Bắc

**Biên tập:** Nguyễn Thế Vinh

**Trình bày bìa:** Ngọc Bảo

**Liên kết xuất bản**

Thiền viện Thường Chiếu

---

In 3.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm

Tại **Công ty Cổ phần In Khuyến Học Phía Nam**.

Số 9-11 Đường CN1, P.Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, Tp.HCM - ĐT: (08) 38.164.415.

Số đăng ký KHXB: 1049-2014/CXB/18-29/HĐ.

QĐXB: 958-2014/QĐ-HĐ. Ký ngày 31/05/2014.

ISBN: 978-604-86-2195-7

In xong nộp lưu chiểu quý III năm 2014



# ĐẠT MA TỔ SỰ LUẬN

THE ZEN TEACHING of  
BODHIDHARMA

*Compiled by* Thích Nữ Thuần Bạch

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

## INTRODUCTION

*This bi-lingual text of the Zen Teaching of Bodhidharma has been prepared for my English-speaking students and for the young generation of Vietnamese students of the Dharma. It is part of our ongoing program to present bi-lingual, contemporary versions of the classic texts of Zen Buddhism.*

*I would like to express my deep gratitude to Red Pine for graciously giving us permission to use his English translation, from the Chinese, of the Zen Teaching of Bodhidharma.*

*The Vietnamese translation and commentaries are from my headmaster, the Most Venerable Thích Thanh Từ. I have translated his commentaries and added my own, in English and Vietnamese.*

*I wish to thank my sisters in the convent for proofreading the Vietnamese text and for helping me check the Chinese characters.*

*The merits of this work are dedicated to all Zen practitioners.*

Thích Nữ Thuần Bạch

## LỜI ĐẦU SÁCH

*Quyển Đạt-ma Tổ Sư Luận song ngữ này được soạn thảo cho lớp Phật pháp tiếng Anh và cho giới trẻ người Việt học Phật. Đây là một phần việc trong chương trình giới thiệu những bản dịch hiện nay về văn bản Thiền cổ điển.*

*Tôi xin chân thành cảm tạ dịch giả Red Pine đã hoan hỷ cho phép sử dụng bản dịch Anh ngữ The Zen Teaching of Bodhidharma của ông từ nguyên văn chữ Hán*

*Bản dịch Việt ngữ và giảng giải tôi xin phép được sử dụng của Hòa Thượng Ấn Sư Thích Thanh Từ. Tôi đã dịch lời giảng của Hòa Thượng sang tiếng Anh và có thêm vài phụ chú.*

*Tôi cũng xin cảm ơn quý Sư Cô huynh đệ trong chùa đã tận tình giúp đỡ dò lỗi đánh máy tiếng Việt và xem lại nguyên văn chữ Hán.*

*Xin hồi hướng công đức hoàn thành quyển sách này cho tất cả những người học và tu thiền.*

Thích Nữ Thuần Bạch



# ĐẠT MA TỔ SỰ LUẬN

## THE ZEN TEACHING of BODHIDHARMA

*Vietnamese version:*

*Zen Master* **Thích Thanh Từ**

*English version & Foot Notes:*

**Red Pine**

*Footnotes translated in Vietnamese:*

**Thuần Bạch**





May 7, 2010

***Dear Mr. Red Pine,***

*I am Reverend Thich Nu Thuan Bach, abbess of Dieu Nhan Zen Convent, in Rescue, California. I am preparing a bi-lingual text of the Zen teaching of Bodhidharma for my dharma lessons and for the use of my Vietnamese and American students.*

*I have rearranged the content of Bodhidharma's three sermons into subject areas, such as Meritorious Works, True Seeing, Beholding the Mind, etc., in order to simplify my presentation and to encourage discussion among my students.*

*The Vietnamese translation, from the original Chinese text, is by Zen Master Thich Thanh Tu.*

*I would like permission to use your translation of the Bloodstream Sermon, the Wake-up Sermon, and the Breakthrough Sermon for the English half of the text for my classes.*

*This bi-lingual text will be printed in a limited quantity. It will be used by monks and nuns in Zen monasteries in Vietnam and the United States, as well as by my student groups. These books will be distributed at no charge, as the lay community of our convent has donated the funds to have them printed.*

*I hope that you will allow me to use your translation, so that I may proceed with printing arrangements. Your help is precious, as it will enable us to complete our task and to expound the teachings of Bodhidharma here and in Vietnam. This is also in accordance with the vows of all Buddhist authors to promulgate the Dharma and to enable large numbers of people to read the scriptures.*

*I appreciate being introduced to you by Doan Trang and I thank you for your assistance.*

*Sincerely,*

***Thich Nu Thuan Bach***

***Dear Thich Nu Thuan Bach,***

*I received a copy of your Vietnamese translation of Bodhidharma on Friday. It's looks great! I wish there were more bi-lingual books like this for Asian and Western Buddhists to use. When I first started studying Buddhism, I had to have two different books, one with English and one with Chinese. Putting them together makes so much sense. Congratulations! I hope your fellow nuns and practitioners find this book useful.*

*Bodhidharma's voice is so clear and so straightforward. He was a great teacher. Sometimes Buddhism becomes too complicated. When it does, it's always good to read a book like this.*

*Thanks again for sending me a copy. I also look forward to visiting your convent some day in the future.*

*Yours,*  
***Bill Porter***

## OUTLINE of PRACTICE

1. Many roads lead to the Path, but basically there are only two: reason and practice.

To enter by reason means to realize the essence through instruction and to believe that all living things share the same true nature, which isn't apparent because it's shrouded by sensation and delusion. Those who turn from delusion back to reality, who meditate on walls<sup>1</sup>, the absence of self and other, the oneness of mortal and sage, and who remain unmoved even by scriptures are in complete and unspoken agreement with reason. Without moving, without effort, they enter, we say, by reason.

2. To enter by practice refers to four all-inclusive practices<sup>2</sup>: suffering injustice, adapting to conditions, seeking nothing, and practicing the Dharma.

---

1 *Walls.* After he arrived in China, Bodhidharma spent nine years in meditation facing the rock wall of a cave near Shaolin Temple. Bodhidharma's walls of emptiness connect all opposites, including self and other, mortal and sage.

2 *Four... practices.* These are a variation of the Four Noble Truths: all existence is marked by suffering; suffering has a cause; the cause can be brought to an end; and the way to bring it to an end is the Eightfold Noble Path of right views, right thought, right speech, right action, right livelihood, right devotion, right mindfulness, and right zen.

# NHỊ CHỨNG NHẬP

1. Vào đạo có nhiều đường nhưng cốt yếu thì chỉ có hai đường chính là lý nhập và hạnh nhập.

LÝ NHẬP là nương nơi giáo để ngộ được tông. Tin sâu chúng sanh đồng có một chân tánh, chỉ vì khách trần và vọng tưởng che lấp nên không thể hiển bày. Nếu bỏ vọng về chân, ngưng trụ nhìn vách<sup>1</sup> thì không thấy có ta có người, phàm thánh đồng một, kiên trụ không dời đổi. Lại không tùy theo văn giáo, tức phù hợp với lý, không có phân biệt và lặng lẽ vô vi, gọi đó là lý nhập.

2. HẠNH NHẬP là nói về bốn hạnh<sup>2</sup>: báo oán hạnh, tùy duyên hạnh, vô sở cầu hạnh và xưng pháp hạnh.

---

1 Sau khi đến Trung Hoa, tổ Đạt-ma ngồi chín năm quay mặt vào vách đá (cửu niên diện bích) trong một hang động trên núi Thiếu Lâm. Pháp tu này còn gọi là “ngưng trụ bích quán,” tức là không phân biệt đối đãi, kể cả ngã/nhân, thiện/ác.

2 Bốn hạnh này là biến thể của Tứ Diệu Đế: 1/ Khổ, 2/ Tập, 3/Diệt và 4/Đạo đế, tức Bát thánh đạo gồm: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

### **3. First, suffering injustice.**

When those who search for the Path encounter adversity, they should think to themselves, “In countless ages gone by, I’ve turned from the essential to the trivial and wandered through all manner of existences, and I have often been angry without cause and guilty of transgressions without number. Now, though I do no wrong, I’m punished by my past. Neither gods nor men can foresee when an evil deed will bear its fruit. I accept it with an open heart and without complaint of injustice.” The sutras say, “When you meet with adversity don’t be upset, because it makes sense.” With such understanding you’re in harmony with reason. And by suffering injustice you enter the Path.

### **4. Second, adapting to conditions.**

As mortals, we’re ruled by conditions, not by ourselves. All the suffering and joy we experience depend on conditions. If we should be blessed by some great reward, such as fame or fortune, it’s the fruit of a seed planted by us in the past. When conditions change, it ends. Why delight in its existence? But while success and failure depend on conditions, the mind neither waxes nor wanes. Those who remain unmoved by the wind of joy silently follow the Path.

### **5. Third, seeking nothing.**

People of this world are deluded. They’re always longing for something - always, in a word, seeking.

### **3. Báo Oán Hạnh**

Người tu hành khi gặp cảnh khổ phải tự nghĩ rằng: “Ta từ xưa đến giờ trong vô số kiếp bỏ gốc theo ngọn, nên trôi lăn trong các cõi, khởi lòng oán ghét căm hận vô hạn. Đời nay tuy không có phạm những tội lỗi ấy, nhưng nghiệp ác gieo đời trước nay kết trái chín. Việc này không phải do trời hoặc người tạo ra cho mình, vậy ta phải cam nhận chịu, không oán trách.” Kinh nói: “Gặp khổ không buồn.” Vì có sao? Vì khi tâm [sanh hiểu như thế] sẽ phù hợp với lý. Mượn gốc oán thù để tiến vào đạo nên nói là hạnh báo oán.

### **4. Tùy Duyên Hạnh.**

Chúng sanh không có ngã tùy duyên nghiệp mà chuyển thành. Đồng thọ khổ vui đều từ duyên sanh. Nếu được quả báo thù thắng, đầy đủ vinh dự là do nhân lành đời trước mới được như thế. Khi duyên hết rồi thì cũng trở thành không. Có gì phải mừng? Được mất đều tùy theo duyên, tâm không vì vậy mà được thêm hoặc bớt mất. Như vậy ngọn gió hỉ chẳng làm động tâm, hằng thuận với đạo, nên nói là hạnh tùy duyên.

### **5. Vô Sở Cầu Hạnh**

Người đời hằng ở trong mê, mỗi chỗ đều có tham trước nên gọi là cầu.

But the wise wake up. They choose reason over custom. They fix their minds on the sublime and let their bodies change with the seasons. All phenomena are empty. They contain nothing worth desiring. Calamity forever alternates with Prosperity<sup>3</sup>. To dwell in the three realms<sup>4</sup> is to dwell in a burning house. To have a body is to suffer. Does anyone with a body know peace? Those who understand this detach themselves from all that exists and stop imagining or seeking anything. The sutras say, “To seek is to suffer. To seek nothing is bliss.” When you seek nothing, you’re on the Path.

#### **6. Fourth, practicing the Dharma**<sup>5</sup>.

The Dharma is the truth that all natures are pure. By this truth, all appearances are empty.

---

3 *Calamity... Prosperity.* Two goddesses, responsible for bad and good fortune, respectively. They appear in Chapter Twelve of the *Nirvana Sutra*.

4 *Three realms.* The Buddhist psychological equivalent of the Brahmanic cosmological triple world of *bhur, bhuvah, and svar*, or *earth, atmosphere, and heaven*. The Buddhist triple world includes *kamadhatu*, or the realm of desire-the hells, the four continents of the human and animal world, and the six heavens of pleasure; *rupadhatu*, or the realm of form-the four heavens of meditation; and *arupadhatu*, or the formless realm of pure spirit-the four empty or immaterial states. Together, the three realms constitute the limits of existence. In Chapter Three of the *Lotus Sutra* the three realms are represented by a burning house.

5 *Dharma.* The Sanskrit word *dharma* comes from *dhri*, meaning *to hold*, and refers to anything held to be real, whether in a provisional or in an ultimate sense. Hence, the word can mean *thing, teaching, or reality*.



Người trí ngộ được lẽ chân, lý ngược với thế tục, nên tâm an trụ ở vô vi mặc cho thân hình tùy nghi vận chuyển. Vạn hữu đều không, có gì đáng mong thích? Hễ có ông Thiện liền có ông Ác kề bên<sup>3</sup>. Ở lâu trong ba cõi<sup>4</sup> vẫn như trong nhà lửa. Có thân đều là khổ, được gì mà an vui. Rõ suốt được chỗ này nên bỏ các hữu, dứt nghĩ tưởng mong cầu. Kinh nói “Còn cầu đều khổ, không cầu mới an vui.” Nên biết không cầu mới thực là đạo hạnh, nên nói là hạnh vô sở cầu.

## 6. Xứng Pháp Hạnh<sup>5</sup>.

Lý tánh thanh tịnh gọi là Pháp. Tin hiểu lý này thì tất cả tướng đều không.

---

3 Ông Ác và ông Thiện là hai vị thần hộ pháp trong chương 12 kinh Niết-bàn.

4 Ba cõi theo đạo Phật gồm có:

1/ dục giới - địa ngục, bốn châu của cõi người và súc sanh, và sáu tầng trời dục giới; 2/ sắc giới – bốn tầng thiền định; 3/ vô sắc giới – tứ không.

Trong chương 3 kinh Pháp Hoa ba cõi được tượng trưng bằng nhà lửa.

5 Chữ “pháp” tiếng Phạn là *dharma* từ chữ *dhri*, có nghĩa nắm giữ, và chỉ cho lẽ thật, cả nghĩa tương đối (phương tiện) lẫn tuyệt đối (cứu cánh).

Defilement and attachment, subject and object don't exist. The sutras say, "The Dharma includes no being because it's free from the impurity of being, and the Dharma includes no self because it's free from the impurity of self."

Those wise enough to believe and understand this truth are bound to practice according to the Dharma. And since that which is real includes nothing worth begrudging, they give their body, life, and property in charity, without regret, without the vanity of giver, gift, or recipient, and without bias or attachment. And to eliminate impurity they teach others, but without becoming attached to form. Thus, through their own practice they are able to help others and glorify the Way of Enlightenment.

And as with charity, they also practice the other virtues. But while practicing the six virtues<sup>6</sup> to eliminate delusion, they practice nothing at all. This is what's meant by practicing the Dharma.

\*

---

<sup>6</sup> *Six virtues.* The paramitas, or *means to the other shore*: charity, morality, patience, devotion, meditation, and wisdom. All six must be practiced with detachment from the concepts of actor, action, and beneficiary.

Không nhiễm không trước, không đây (*chủ thể*) không kia (*đối tượng*). Kinh [*Duy-ma-cật*] nói: “Pháp không có chúng sanh vì lìa cấu uế của chúng sanh. Pháp không có tướng ngã vì lìa cấu uế của ngã.”

Người trí tin hiểu được lý này nên nói xứng với pháp mà hành. Pháp thể vốn không xan tham nên đối với thân mạng và tiền của thực hành hạnh bố thí tâm không tiếc lẫn. Thấu suốt ba lẽ không – [*người cho, của cho và người nhận*] - thì không nương không mắc. Chỉ cần dẹp bỏ trần cấu, giáo hóa xứng hợp chúng sanh mà không chấp tướng đây là tự hành. Đã làm lợi người lại thêm trang nghiêm đạo Bồ-đề.

Năm độ khác cùng với bố thí cũng như vậy. Vì trừ vọng tưởng tu hành lục độ<sup>6</sup>, mà không có sở hành, nên nói là xứng pháp hạnh.

\*

---

6        Lục độ, còn gọi là lục ba-la-mật, là sáu pháp đưa qua bờ giác ngộ bên kia: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Thực hành cả sáu pháp mà không dính mắc vào ý niệm người hành động, việc hành động và người thọ hưởng.

## BLOODSTREAM SERMON

7. Everything that appears in the three realms comes from the mind<sup>7</sup>. Hence, Buddhas<sup>8</sup> of the past have taught and future Buddhas teach mind to mind without bothering about definitions<sup>9</sup>.

8. *But if they don't define it, what do they mean by mind?*

9. You ask. That's your mind. I answer. That's my mind. If I had no mind, how could I answer? If you had no mind, how could you ask? That which asks is your mind. Through endless kalpas<sup>10</sup> without beginning, whatever you do, wherever you are, that's your real mind that's your real buddha.

---

7 *Mind.* A verse from the Avatamsaka Sutra is paraphrased here: "The three realms are just one mind." The sixth Zen patriarch, Hui-neng, distinguishes mind as the realm and nature as the lord.

8 *Buddhas.* Buddhism doesn't limit itself to one buddha. It recognizes countless buddhas. After all, everyone has the buddha-nature. There's a buddha in every world, just as there's awareness in every thought. The only necessary qualification for buddhahood is complete awareness.

9 *Without definitions.* The absence of definitions or explanations in the transmission of the Dharma is a touchstone of Zen Buddhism. It doesn't necessarily mean without words but, rather, without restrictions as to the mode of transmission. A gesture is as good as a discourse.

10 *Kalpa.* The period from a world's creation until its destruction; an aeon.

## HUYẾT MẠCH LUẬN

7. Ba cõi cùng khởi đồng về một tâm<sup>7</sup>.

Phật<sup>8</sup> trước Phật sau lấy tâm truyền qua tâm, không lập văn tự<sup>9</sup>.

8. *HỎI: Nếu chẳng lập văn tự thì lấy gì làm tâm?*

9. *ĐÁP:* Ông hỏi ta, tức là tâm của ông. Ta đáp ông, tức là tâm của ta. Ta nếu không tâm, nhân đâu mà hiểu để đáp lời ông. Ông nếu không tâm, nhân đâu mà hiểu để hỏi ta. Hỏi ta, tức là tâm ông. Từ vô thi kiếp<sup>10</sup> đến nay, tất cả thi vi vận động, trong tất cả thời nào và tất cả chỗ đều là bản tâm của ông, đều là bản Phật của ông.

---

7 Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tam giới duy tâm.” Lục tổ Huệ Năng biện rõ tâm chỉ cho cõi giới và tánh chỉ cho ông chủ.

8 Đạo Phật không chỉ giới hạn vào một vị Phật, mà thừa nhận vô số Phật. Mọi người đều có Phật tánh. Mỗi quốc độ đều có một vị Phật, y như có tỉnh giác trong từng một niệm. Đặc tính duy nhất cần thiết cho Phật đạo là tỉnh giác.

9 “Không lập văn tự” trong sự truyền thừa là viên đá nền của Thiền tông. Không hẳn là không dùng đến chữ nghĩa lời nói, nhưng hơn thế không hạn cuộc trong cách thức truyền thừa. Một động tác cũng tốt như một lời nói.

10 Kiếp là thời kỳ cho một thế giới tạo dựng rồi hủy diệt.

This mind is the buddha<sup>11</sup> says the same thing. Beyond this mind you'll never find another buddha. To search for enlightenment<sup>12</sup> or nirvana<sup>13</sup> beyond this mind is impossible.

The reality of your own self-nature<sup>14</sup>, the absence of cause and effect, is what's meant by mind.

11      *This mind is the buddha.* This is Mahayana Buddhism in a nutshell. Once a monk asked Big Plum what Matsu taught him. Big Plum said, "This mind is the buddha." The monk replied, "Nowadays Matsu teaches *That which isn't the mind isn't the buddha.*" To this Big Plum responded, "Let him have *That which isn't the mind isn't the buddha.* I'll stick with this mind is the buddha." When he heard this story, Matsu said, "The plum is ripe." (Transmission of the Lamp, Chapter 7)

12      *Enlightenment.* Bodhi. The mind free of delusion is said to be full of light, like the moon when it's no longer obscured by clouds. Instead of undergoing another rebirth, the enlightened person attains nirvana, because enlightenment puts an end to karma. The faculty of hearing is more primitive, but sight is man's accustomed source of knowledge about reality; hence the use of visual metaphors. The sutras, though, also talk about worlds in which buddhas teach through the sense of smell.

13      *Nirvana.* Early Chinese translators tried some forty Chinese words before finally giving up and simply transliterating this Sanskrit word, which means absence of breath. It's also defined as the only calm. Most people equate it with death, but to Buddhists nirvana means the absence of the dialectic that breath represents. According to Nagarjuna, "That which is, when subject to karma, samsara, is, when no longer subject to karma, nirvana." (Madhyamika Shastra, Chapter 25, Verse 9)

14      *Self-nature.* Svabhava. That which is of itself so. Self-nature depends on nothing, either causally, temporally, or spatially. Self-nature has no appearance. Its body is no body. It's not some sort of ego, and it's not some sort of substrate or characteristic that exists in or apart from phenomena. Self-nature is empty of all characteristics, including emptiness, and yet it defines reality.

Tức tâm là Phật<sup>11</sup> cũng lại như thế. Trừ tâm này ra, trọn không có Phật nào khác có thể được. Là tâm này tìm Bồ-đề<sup>12</sup>, Niết-bàn<sup>13</sup> trọn không có lẽ phải.

Tự tánh<sup>14</sup> chân thật chẳng phải nhân chẳng phải quả. Pháp tức là nghĩa của tâm.

---

11 “Tức tâm là Phật” tóm gọn cả Phật giáo đại thừa.

Một lần tăng hỏi Đại Mai: “Mã Tổ có lời gì dạy người?”

Đại Mai đáp: “Tức tâm tức Phật.”

Tăng nói tiếp: “Gần đây Mã Tổ lại nói phi tâm phi Phật.”

Đại Mai nói: “Mặc cho ông già ấy phi tâm phi Phật, ta cứ tức tâm tức Phật.”

Về sau khi Mã Tổ nghe chuyện này, liền nói: “Trái mai đã chín.”

(Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, chương 7)

12 Bồ-đề là giác ngộ, khi tâm hết mê, sáng suốt tròn đầy như vàng trắng thoát khỏi mây che. Thay vì đi tái sanh qua kiếp khác, người giác ngộ nhập Niết-bàn, vì giác ngộ đã chấm dứt nghiệp.

13 Ban đầu Trung Hoa tìm khoảng bốn mươi từ để dịch, cuối cùng bỏ hết chỉ dịch âm chữ Phạn *niết-bàn*, có nghĩa là không còn hơi thở.

Còn có nghĩa vắng lặng. Số đông cho là chết, nhưng nghĩa theo đạo Phật là vắng lặng hết những gì liên quan đến hơi thở. Theo Long Thọ: “Khi còn nghiệp là còn luân hồi, khi hết nghiệp là Niết-bàn.” (Luận Trung Quán, chương 25 câu 9)

14 Tự tánh, chữ Phạn là Svabhava, nghĩa là tự mình. Tự tánh không tùy thuộc vào điều gì, dù là nhân quả, phương tiện, hoặc hư không. Tự tánh không hình tướng. Thân của tự tánh là không thân. Không phải một dạng của ngã, và không phải một kiểu nền tảng hoặc đặc tính hiện hữu trong hoặc ngoài các hiện tượng. Tự tánh rộng không tất cả tính chất, kể cả cái không, và như thế là thực tại.

Your mind is nirvana. You might think you can find a buddha or enlightenment somewhere beyond the mind, but such a place doesn't exist.

**10.** Trying to find a buddha or enlightenment is like trying to grab space. Space has a name but no form. It's not something you can pick up or put down. And you certainly can't grab it. Beyond this mind you'll never see a buddha. The buddha is a product of your mind. Why look for a buddha beyond this mind?

**11.** Buddhas of the past and future all talk about this mind. The mind is the buddha, and the buddha is the mind. Beyond the mind there's no buddha, and beyond the buddha there's no mind. If you think there's a buddha beyond the mind, where is he? There's no buddha beyond the mind, so why envision one? You can't know your real mind as long as you deceive yourself. As long as you're enthralled by a lifeless form, you're not free. If you don't believe me, deceiving yourself won't help. It's not the buddha's fault. People, though, are deluded. They're unaware that their own mind is the buddha. Otherwise they wouldn't look for a buddha outside the mind.

**12.** Buddhas don't save buddhas. If you use your mind to look for a buddha, you won't see the buddha. As long as you look for a buddha somewhere else, you'll never see that your own mind is the buddha.



Tự tâm là Bồ-đề. Tự tâm là Niết-bàn. Nếu nói ngoài tâm có Phật và Bồ-đề có thể được thì không có lẽ phải.

**10.** Phật và Bồ-đề ở chỗ nào? Thí như có người lấy tay nắm bắt hư không được chăng? Hư không chỉ có tên, không tướng mạo, cho nên nắm không được, buông không được, không thể bắt cái không. Trừ tâm này mà tìm Phật trọn không thể được. Phật là tự tâm có được, hơn đâu là tâm này để tìm Phật bên ngoài?

**11.** Phật trước Phật sau chỉ nói cái tâm kia. Tâm tức là Phật. Phật tức là tâm. Ngoài tâm không Phật. Ngoài Phật không tâm. Nếu nói ngoài tâm có Phật thì Phật ở đâu? Nếu nói ngoài tâm đã không Phật thì làm sao khởi thấy Phật? Như vậy làm dối còn đáp đối nhau thì không thể nào rõ được bản tâm. Chừng nào còn bị ngoại vật vô tình nhiếp phục thì không có phần tự do. Nếu lại chẳng tin, tự dối vô ích.

Phật không lỗi lầm, chúng sanh điên đảo, không biết tự tâm là Phật. Nếu biết tự tâm là Phật thì không nên tìm Phật ngoài tâm.

**12.** Phật không độ Phật. Đem tâm tìm Phật mà không biết Phật. Chỉ là tìm Phật ở bên ngoài thì trọn không biết tự tâm là Phật.

Don't use a buddha to worship a buddha. And don't use the mind to invoke a buddha<sup>15</sup>. Buddhas don't recite sutras<sup>16</sup>. Buddha don't keep precepts<sup>17</sup>. And buddhas don't break precepts. Buddhas don't keep or break anything. Buddhas don't do good or evil.

**13.** To find a buddha, you have to see your nature<sup>18</sup>. Whoever sees his nature is a buddha. If you don't see your nature, invoking buddhas, reciting sutras, making offerings, and keeping precepts are all useless.

Invoking buddhas results in good karma, reciting sutras results in a good memory; keeping precepts results in a good rebirth, and making offerings results in future blessings - but no buddha.

---

15      *Invoke a buddha.* Invocation includes both visualization of a buddha and repetition of a buddha's name. The usual object of such devotion is Amitabha, the Buddha of the Infinite. Wholehearted invocation of Amitabha assures devotees of rebirth in his Western Paradise, where enlightenment is said to be far easier to attain than in this world.

16      *Sutra.* Meaning *string*, a sutra strings together the words of a buddha.

17      *Precepts.* The Buddhist practice of morality includes a number of prohibitions: usually 5 for laymen, nearly 250 for monks, and anywhere from 350 to 500 for nuns.

18      *See your nature.* Whether called *self-nature*, *buddha-nature*, or *dharma-nature*, our nature is our real body. It's also our false body. Our real body isn't subject to birth or death, appearance or disappearance, but our false body is in a state of constant change. Seeing our nature, our nature sees itself, because delusion and awareness aren't different. For an exposition of this in English, see D. T. Suzuki's *Zen Doctrine of No Mind*.

Cũng không được đem Phật lễ Phật. Không được đem tâm niệm Phật<sup>15</sup>. Phật chẳng tụng kinh<sup>16</sup>. Phật chẳng trì giới<sup>17</sup>. Phật chẳng phạm giới. Phật không trì phạm, cũng không tạo thiện ác.

**13.** Nếu muốn tìm Phật phải thấy tánh<sup>18</sup>. Tánh tức là Phật. Nếu chẳng thấy tánh thì niệm Phật, tụng kinh, trì trai giữ giới đều vô ích.

Niệm Phật được nhân quả, tụng kinh được thông minh. Giữ giới được sanh cõi trời, bố thí được phước báo, nhưng tìm Phật trọn chẳng được.

---

15 Niệm Phật kể chung quán tưởng Phật và niệm danh hiệu Phật. Đối tượng của lòng sùng kính là đức Phật A-di-đà, vị Phật vô lượng quang.

Thành tâm niệm Phật A-di-đà bảo đảm tái sanh về Tây phương, nơi ấy dễ giác ngộ hơn ở thế gian này.

16 Kinh là sợi dọc (kết với sợi ngang để hình thành một tấm vải), nên kinh điển nối kết với lời Phật dạy.

17 Giới luật là điều cấm, thông thường 5 giới cho cư sĩ tại gia, 250 giới cho tỳ-kheo tăng và 350 đến 500 giới cho tỳ-kheo ni.

18 Cho dù gọi là tự tánh, Phật tánh, hoặc Pháp tánh, thể tánh chúng ta chính là chân thân, và không rời thân hư giả này. Chân thân bất sanh bất diệt, trong khi thân hư giả thường xuyên biến đổi. Thấy tánh là thể tánh tự thấy, bởi vì mê giác không hai. Xem sách Vô Niệm của D.T. Suzuki (bản dịch tiếng Việt).

**14.** If you don't understand by yourself, you'll have to find a teacher to get to the bottom of life and death<sup>19</sup>. But unless he sees his nature, such a person isn't a teacher. Even if he can recite the Twelvefold Canon<sup>20</sup>, he can't escape the Wheel of Birth and Death, he suffers in the three realms without hope of release.

---

19      *Life and death.* Shakyamuni left home to find a way out of the endless round of life and death. Anyone who follows the Buddha must do the same. When it was time to transmit the robe and bowl of the Zen lineage, Hung-jen, the fifth Zen patriarch, called his disciples together and told them, "Nothing is more important than life and death. But instead of looking for a way out of the Sea of Life and Death, you spend all your time looking for ways to earn merit. If you're blind to your own nature, what good is merit? Use your wisdom, the prajna-nature of your own mind. All of you, go write me a poem." (*Sutra of the Sixth Patriarch*, Chapter One)

20      *Twelvefold Canon.* The twelve divisions of the scriptures recognized by Mahayana Buddhism. These divisions, which were made to separate different subjects and literary forms, include *sutras*, sermons of the Buddha; *geyas*, verse repetitions of sutras; *gathas*, chants and poems; *nidanas*, historical narratives; *jatakas*, stories of previous buddhas; *itivrittakas*, stories of past lives of disciples; *adbhuta-dharma*, miracles of the Buddha; *avadana*, allegories; *upadesa*, discussions of doctrine; *udana*, unsolicited statements of doctrine; *vaipulya*, extended discourses; and *vyakarana*, prophecies of enlightenment.

**14.** Nếu tự mình không minh liễu, phải tham cầu thiện tri thức để rõ cội gốc sanh tử<sup>19</sup>. Nếu không thấy tánh không gọi là thiện tri thức. Nếu không được như thế, dù có giảng nói được mười hai bộ kinh<sup>20</sup> cũng chẳng ra khỏi sanh tử luân hồi tam giới, chịu khổ không có ngày ra.

---

19 Đức Thích-ca Mâu-ni xuất gia cầu đạo giải thoát khỏi luân hồi sanh tử. Khi ngũ tổ Hoằng Nhẫn đến lúc truyền y bát gọi các đệ tử đến, bảo: “Người đời sanh tử là việc lớn, các ông trọn ngày chỉ cầu phước điền, chẳng cầu ra khỏi biển khổ sanh tử, tự tánh nếu mê thì phước nào có thể cứu? Các ông, mỗi người hãy đi, tự xem trí tuệ của mình, nhận lấy tánh Bát-nhã nơi bản tâm mình, mỗi người làm một bài kệ đến trình cho ta xem.” (Kinh Pháp Bảo Đàn, Phẩm Hành Do).

20 Mười hai bộ kinh gồm [theo Trí Độ Luận của Long Thọ] như sau: 1/ Khế Kinh, 2/ Trùng Tụng, 3/ Thọ Ký, 4/ Phúng Tụng, 5/ Tự Thuyết, 6/ Nhân Duyên, 7/ Thí Dụ, 8/ Bản Sự, 9/ Bản Sanh, 10/ Phương Quảng, 11/ Vị Tăng Hữu và 12/ Luận Nghĩa.

Long ago, the monk Good Star<sup>21</sup> was able to recite the entire Canon. But he didn't escape the Wheel, because he didn't see his nature. If this was the case with Good Star, then people nowadays who recite a few sutras or shastras and think it's the Dharma are fools. Unless you see your mind, reciting so much prose is useless.

**15.** To find a buddha all you have to do is see your nature. Your nature is the buddha. And the buddha is the person who's free: free of plans, free of cares. If you don't see your nature and run around all day looking somewhere else, you'll never find a buddha. The truth is, there's nothing to find. But to reach such an understanding you need a teacher and you need to struggle to make yourself understand. Life and death are important. Don't suffer them in vain. There's no advantage in deceiving yourself. Even if you have mountains of jewels and as many servants as there are grains of sand along the Ganges, you see them when your eyes are open. But what about when your eyes are shut?

---

21 *Good Star.* In Chapter Thirty-three of the *Nirvana Sutra*, Good Star is said to be one of Shakyamuni's three sons. And, like his brother Rahula, he became a monk. Eventually, he was able to recite and explain the entire sacred literature of his time and thought he had attained nirvana. In fact, he had only reached the fourth dhyana heaven in the realm of form. And when the karmic support for such attainment ran out, he was transported bodily to the hell of endless suffering.

Xưa có tỳ-khưu Thiện Tinh<sup>21</sup> tụng được mười hai bộ kinh, vẫn tự không khỏi luân hồi vì không thấy tánh. Thiện Tinh đã như thế, người thời nay mới giảng được năm ba bốn kinh luận cho là Phật pháp, là người ngu vậy.

Nếu không biết được tự tâm, tụng đọc bao nhiêu văn thơ suông trơn không có chỗ dùng.

**15.** Nên cốt yếu phải thấy Phật, phải thấy tánh. Tánh tức là Phật. Phật tức là tự tại, là người vô sự vô tác.

Nếu chẳng thấy tánh thì trọn ngày mờ mịt, ở bên ngoài mà tìm kiếm Phật, xưa nay không thể được. Tuy là không một vật có thể được, nếu cầu được hội phải tham thiện tri thức. Thiết yếu phải khổ nhọc mà cầu khiến cho tâm mình hội giải việc lớn sanh tử, không được bỏ qua một đời, tự dối vô ích. Dù bao nhiêu trân bảo nhiều như núi, quyền thuộc đông như cát sông Hằng, mở mắt thì thấy, nhắm mắt lại nào có thấy gì?

---

21 Tỳ-kheo Thiện Tinh: Trong chương 33 kinh Niết-bàn, tỳ-kheo Thiện Tinh là một trong ba người con của thái tử. Như La-hầu-la, ngài đi tu. Ngài thông thuộc, tụng đọc và giảng nói toàn bộ kinh điển thời bấy giờ và tự nghĩ rằng mình đã chứng Niết-bàn. Thực sự ngài chỉ mới đạt đến tứ thiền của cõi sắc giới. Và khi quả báo của sự chứng đắc này hết, ngài bị rơi vào địa ngục vô gián.

You should realize then that everything you see is like a dream or illusion.

**16.** If you don't find a teacher soon, you'll live this life in vain. It's true; you have the buddha-nature. But without the help of a teacher you'll never know it. Only one person in a million becomes enlightened without a teacher's help.

If, though, by the conjunction of conditions, someone understands what the Buddha meant, that person doesn't need a teacher. Such a person has a natural awareness superior to anything taught. But unless you're so blessed, study hard, and by means of instruction you'll understand.

**17.** People who don't understand and think they can do so without study are no different from those deluded souls who can't tell white from black. Falsely proclaiming the Buddhadharma, such persons in fact blaspheme the Buddha and subvert the Dharma. They preach as if they were bringing rain. But theirs is the preaching of devils<sup>22</sup>, not of buddhas. Their teacher is the King of Devils and their disciples are the Devil's minions. Deluded people who follow such instruction unwittingly sink deeper in the Sea of Birth and Death.

---

<sup>22</sup> *Devils.* Buddhists, like the followers of other faiths, recognize a category of being whose sole purpose is to sidetrack would-be buddhas. These legions of devils are led by Mara, whom the Buddha defeated the night of his enlightenment.



Cho nên biết tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn.

**16.** Nếu chẳng gặp tìm thầy học đạo thì bỏ trôi sông một đời vô ích. Phật tánh vốn tự có, nếu chẳng nơi nơi mà ngộ thì trong muôn người ít có được một.

Nếu tự mình do duyên mà tự ngộ được ý của Phật, tức chẳng cần tham học nơi thiện tri thức. Đây tức là người ‘sinh nhi tri chi’. Nếu chưa ngộ giải thì phải siêng năng khổ học để tham học, như lời dạy mới được ngộ.

**17.** Người không hiểu [nghĩ rằng] không học cũng được thì đồng với người mê không thể phân biệt trắng đen mà dối nói lên yếu chỉ của Phật dạy, đó là chê bai Phật và nói dối pháp. Những người như vậy nói pháp như mưa, trộn là ma nói<sup>22</sup>, không phải Phật nói. Thầy của họ là ma vương, đệ tử của họ là ma dân, làm mê người bất giác rơi vào biển sanh tử.

---

22 Phật gia, cũng như tín đồ các tôn giáo khác, xếp vào nhóm ma những kẻ làm lạc hướng những người muốn thành Phật. Đoàn nhóm ma này do Ma vương lãnh đạo và đã bị Phật đánh bại trong đêm thành đạo.

**18.** Unless they see their nature, how can people call themselves buddhas? They're liars who deceive others into entering the realm of devils.

**19.** Unless they see their nature, their preaching of the Twelfefold Canon is nothing but the preaching of devils. Their allegiance is to Mara, not to the Buddha. Unable to distinguish white from black, how can they escape birth and death?

**20.** Whoever sees his nature is a buddha; whoever doesn't is a mortal. But if you can find your buddha-nature apart from your mortal nature, where is it? Our mortal nature is our buddha-nature.

Beyond this nature there's no buddha. The buddha is our nature. There's no buddha besides this nature. And there's no nature besides the buddha.

**21.** *But suppose I don't see my nature, can't I still attain enlightenment by invoking buddhas, reciting sutras, making offerings, observing precepts, practicing devotions, or doing good works?*

**22.** No, you can't.

**23.** *Why not?*

**24.** If you attain anything at all, it's conditional, it's karmic. It results in retribution. It turns the Wheel.

**18.** Chỉ do người không thấy tánh mà dối xưng là Phật. Những chúng sanh là kẻ đại tội nhơn, dối gạt tất cả chúng sanh khiến vào trong cảnh giới ma.

**19.** Nếu chẳng thấy tánh nói được mười hai bộ kinh trọn là ma nói, là nhà ma và quyền thuộc của ma, không phải là nhà Phật và đệ tử của Phật. Đã chẳng biện bạch được trắng đen thì nương vào đâu mà khỏi được sanh tử?

**20.** Nếu thấy tánh tức là Phật. Chẳng thấy tánh tức là chúng sanh. Nếu lìa tánh chúng sanh riêng có Phật tánh thì không thể được. Phật hiện nay ở chỗ nào? Tánh chúng sanh tức là Phật vậy. Ngoài tánh không có Phật. Phật tức là tánh.

Trừ ngoài tánh này, không Phật có thể được. Ngoài Phật cũng không tánh có thể được.

**21. HỎI:** *Nếu chẳng thấy tánh thì niệm Phật, tụng kinh, bố thí, giữ giới, tinh tấn, rộng làm những điều phước lợi, được thành Phật chăng?*

**22. ĐÁP:** Chẳng được.

**23. LẠI HỎI:** *Nhơn sao chẳng được?*

**24. ĐÁP:** Có một ít pháp nào có thể được, ấy là pháp hữu vi, nhân quả, thọ báo, là pháp luân hồi.

And as long as you're subject to birth and death, you'll never attain enlightenment. To attain enlightenment you have to see your nature. Unless you see your nature, all this talk about cause and effect is nonsense. Buddhas don't practice nonsense. A buddha is free of karma, free of cause and effect.

To say he attains anything at all is to slander a buddha. What could he possibly attain? Even focusing on a mind, a power, an understanding, or a view is impossible for a buddha. A buddha isn't one-sided. The nature of his mind is basically empty, neither pure nor impure. He's free of practice and realization. He's free of cause and effect.

**25.** A buddha doesn't observe precepts. A buddha doesn't do good or evil. A buddha isn't energetic or lazy.

A buddha is someone who does nothing, someone who can't even focus his mind on a buddha. A buddha isn't a buddha. Don't think about buddhas. If you don't see what I'm talking about, you'll never know your own mind.

**26.** People who don't see their nature and imagine they can practice thoughtlessness all the time are liars and fools. They fall into endless space. They're like drunks. They can't tell good from evil. If you intend to cultivate such a practice, you have to see your nature before you can put an end to rational thought. To attain enlightenment without seeing your nature is impossible.

Chẳng khỏi sanh tử thì khi nào mà thành được Phật đạo? Thành Phật phải thấy tánh. Nếu chẳng thấy tánh thì nói nhân quả ấy là pháp ngoại đạo. Nếu là Phật thì không tập theo pháp ngoại đạo. Phật là người không có nghiệp, không nhân quả.

Nói có một ít pháp có thể được trọn là phỉ báng Phật thì nương vào đâu mà thành? Dù có trụ trước vào một tâm, một năng, một giải, một kiến, Phật trọn không chấp nhận. Phật không có tri phạm. Tâm tánh vốn không, cũng chẳng có cấu tịnh. Các pháp không tu không chứng, không nhân không quả.

**25.** Phật không trì giới. Phật không tu thiện. Phật không tạo ác. Phật không tinh tấn. Phật không giải đãi. Phật là người vô tác.

Không ai có thể trụ tâm nơi Phật được. Phật chẳng là Phật. Chớ khởi hiểu về Phật. Nếu không hiểu được nghĩa này thì trong tất cả thời, tất cả chỗ đều không hiểu được bản tâm.

**26.** Nếu chẳng thấy tánh thì trong tất cả thời, nghĩ tạo cái tướng vô tác là người đại tội, là người si, rơi vào cái không vô ký, mờ mờ mịt mịt như người say, chẳng biện rõ tốt xấu. Nếu tu pháp vô tác trước phải thấy tánh, nhiên hậu mới dứt duyên lự. Nếu chẳng thấy tánh mà thành Phật đạo, không có lẽ phải vậy.

Still others commit all sorts of evil deeds, claiming karma doesn't exist. They erroneously maintain that since everything is empty, committing evil isn't wrong. Such persons fall into a hell of endless darkness with no hope of release. Those who are wise hold no such conception.

**27.** *But if our every movement or state, whenever it occurs, is the mind, why don't we see this mind when a person's body dies?*

**28.** The mind is always present. You just don't see it.

**29.** *But if the mind is present, why don't I see it?*

**30.** Do you ever dream?

**31.** *Of course.*

**32.** *When you dream, is that you?*

**33.** *Yes, it's me.*

**34.** And is what you're doing and saying different from you?

**35.** *No, it isn't.*

**36.** But if it isn't, then this body is your real body. And this real body is your mind. And this mind, through endless kalpas without beginning, has never varied. It has never lived or died, appeared or disappeared, increased or decreased. It's not pure or impure, good or evil, past or future. It's not true or false. It's not male or female.

Có người bài bác cho là không nhân quả, làm việc ác, dối nói rằng vốn là không, làm ác không có lỗi. Những người như thế đọa vào địa ngục vô gián hắc ám, hằng không có ngày ra. Nếu là người trí không nên khởi hiểu thấy biết như thế.

**27. HỎI:** Đã nói thi vi vận động trong tất cả thời đều là bản tâm, khi sắc thân vô thường (qua đời) tại sao chẳng thấy bản tâm?

**28. ĐÁP:** *Bản tâm thường hiện tiền, ông tự chẳng thấy.*

**29. HỎI:** Tâm đã hiện tại, có sao chẳng thấy?

**30. SU HỎI:** Ông từng có nằm mộng chẳng?

**31. ĐÁP:** *Từng nằm mộng.*

**32. HỎI:** Khi nằm mộng đó là bản thân ông chẳng?

**33. ĐÁP:** *Đúng là bản thân tôi.*

**34. LẠI HỎI:** Ngay khi mộng, ông nói năng thi vi vận động với ông khác hay là chẳng khác?

**35. ĐÁP:** *Chẳng khác.*

**36. SU NÓI:** Nếu đã chẳng khác thì thân này vốn là Pháp thân của ông, bản tâm ông. Tâm này từ vô thủy kiếp đến nay chẳng khác, chưa từng sanh tử, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng thêm chẳng bớt, chẳng sạch chẳng nhơ, chẳng tốt chẳng xấu, chẳng đến chẳng đi, cũng không phải không quấy. Không tướng nam tướng nữ,

It doesn't appear as a monk or a layman, an elder or a novice, a sage or a fool, a buddha or a mortal. It strives for no realization and suffers no karma. It has no strength or form.

It's like space. You can't possess it and you can't lose it. Its movements can't be blocked by mountains, rivers, or rock walls. Its unstoppable powers penetrate the Mountain of Five Skandhas and cross the River of Samsara. No karma can restrain this real body.

But this mind is subtle and hard to see. It's not the same as the sensual mind. Everyone wants to see this mind, and those who move their hands and feet by its light are as many as the grains of sand along the Ganges, but when you ask them, they can't explain it.

They're like puppets. It's theirs to use. Why don't they see it?

**37.** The Buddha said people are deluded. This is why when they act they fall into the River of Endless Rebirth. And when they try to get out, they only sink deeper. And all because they don't see their nature. If people weren't deluded, why would they ask about something right in front of them? Something so hard to fathom is known by a buddha and no one else. Not one of them understands the movement of his own hands and feet. The Buddha wasn't mistaken. Deluded people don't know who they are.



Không tăng tục, già trẻ, không thánh không phàm, cũng không Phật không chúng sanh, cũng không tu chứng, cũng không nhân quả, cũng không gân cốt, cũng không tướng mạo.

Ví như hư không, nắm không được buông không được. Núi sông vách đá không thể chướng ngại, ra vào qua lại, thần thông tự tại thấu núi ngũ uẩn, qua sông sanh tử, tất cả nghiệp câu thúc Pháp thân này không được.

Đây là tâm vi diệu khó thấy. Tâm ấy chẳng đồng với sắc tâm. Tâm này mọi người đều muốn thấy, và trong ánh sáng này đưa tay giở chân nhiều như Hằng sa mà hỏi đến đều nói không thể được.

Dường như người gỗ, đều tự mình thọ dụng mà sao chẳng biết?

**37.** Phật nói tất cả chúng sanh đều là người mê, do đó tạo nghiệp đọa trong sông sanh tử. Muốn ra khỏi chỗ chìm đắm trở lại vào, chỉ vì không thấy tánh. Chúng sanh nếu không mê như đâu hỏi việc trong ấy?

Không có một người hội được. Tự nhà mình vận tay động chân thân đâu mà chẳng biết? Nên biết thánh nhân nói không lầm, chỉ tại người mê tự không hiểu rõ.

Only the wise know this mind, this mind called dharma-nature, this mind called liberation. Neither life nor death can restrain this mind. Nothing can. It's also called the Unstoppable Tathagata; the Incomprehensible, the Sacred Self, the Immortal, the Great Sage. Its names vary but not its essence. Buddhas vary too, but none leaves his own mind.

**38.** The mind's capacity is limitless, and its manifestations are inexhaustible. Seeing forms with your eyes, hearing sounds with your ears, smelling odors with your nose, tasting flavors with your tongue, every movement or state is all your mind. At every moment, where language can't go, that's your mind.

**39.** The sutras say, "A tathagata's forms are endless. And so is his awareness." The endless variety of forms is due to the mind. Its ability to distinguish things, whatever their movement or state, is the mind's awareness. But the mind has no form and its awareness no limit. Hence it's said, "A tathagata's forms are endless. And so is his awareness."

**40.** A material body of the four elements is trouble. A material body is subject to birth and death. But the real body exists without existing, because a tathagata's real body never changes. The sutras say, "People should realize that the buddha-nature is something they have always had."

Nếu trí tuệ minh liễu được tâm này mới gọi là Pháp tánh, cũng gọi là giải thoát. Sanh tử không câu thúc, tất cả pháp không câu thúc được y, nên gọi là Đại Tự Tại Vương Như Lai, cũng gọi là bất tư nghị, cũng gọi là thánh thể, cũng gọi là trường sanh bất tử, cũng gọi là đại tiên. Tên gọi tuy chẳng đồng, nhưng thể chỉ là một. Thánh nhân bao nhiêu cách phân biệt mà vẫn không lìa tự tâm.

**38.** Tâm lượng rộng lớn và ứng dụng không cùng. Ứng nơi mắt thì thấy sắc, ứng nơi tai thì nghe tiếng, ứng nơi mũi thì ngửi mùi, ứng nơi lưỡi thì nếm vị ... cho đến thi vi vận động đều là tự tâm. Trong tất cả thời chỉ có “ngôn ngữ đạo đoạn” tức là tự tâm.

**39.** Cho nên nói sắc của Như Lai vô tận, trí tuệ cũng lại như thế. Sắc vô tận là tự tâm. Tâm thức khéo hay phân biệt tất cả, cho đến mọi vận động đều là trí tuệ. Tâm không hình tướng, trí tuệ cũng lại vô tận. Cho nên nói rằng: “Như Lai sắc vô tận, trí tuệ cũng vậy.”

**40.** Sắc thân tứ đại tức là phiền não. Phàm là sắc thân phải chịu sanh diệt. Pháp thân thì thường trụ, nhưng không chỗ trụ. Pháp thân Như Lai thường không biến đổi. Kinh nói: “Chúng sanh nên biết Phật tánh vốn tự có.”

Kashyapa<sup>23</sup> only realized his own nature.

**41.** Our nature is the mind. And the mind is our nature. This nature is the same as the mind of all buddhas. Buddhas of the past and future only transmit this mind. Beyond this mind there's no buddha anywhere. But deluded people don't realize that their own mind is the buddha. They keep searching outside. They never stop invoking buddhas or worshipping buddhas and wondering.

Where is the buddha? Don't indulge in such illusions. Just know your mind. Beyond your mind there's no other buddha. The sutras say, "Everything that has form is an illusion." They also say, "Wherever you are, there's a buddha." Your mind is the buddha. Don't use a buddha to worship a buddha.

**42.** Even if a buddha or bodhisattva should suddenly appear before you, there's no need for reverence. This mind of ours is empty and contains no such form. Those who hold onto appearances are devils. They fall from the Path. Why worship illusions born of the mind? Those who worship don't know, and those who know don't worship. By worshipping you come under the spell of devils.

---

23 *Kashyapa*. Also called Mahakashyapa, or the Great Kashyapa. He was one of the Buddha's foremost disciples and is credited with becoming the first Zen patriarch in India. When the Buddha held up a flower, Kashyapa smiled in response, and the transmission of the zen mind began.

Ngài Ca-diếp<sup>23</sup> chỉ là ngộ được bản tánh.

**41.** Bản tánh tức là tâm. Tâm tức là tánh, tức đồng với tâm chư Phật. Phật trước Phật sau chỉ truyền tâm này. Trừ tâm này ra, không có Phật nào có thể được. Chúng sanh điên đảo không biết tự tâm là Phật, hướng ra ngoài tìm cầu, trọn ngày miên man niệm Phật lễ Phật.

Phật ở chỗ nào? Chẳng nên khởi thấy như thế. Chỉ biết tự tâm. Ngoài tâm không có Phật khác. Kinh nói: “Phàm có tướng đều là hư vọng.” Lại nói: “Ở chỗ hiện tại tức là có Phật.” Tự tâm là Phật. Không nên đem Phật lễ Phật.

**42.** Giả sử có Phật và tướng mạo Bồ-tát hiện tiền, cũng không cần thiết kính lễ. Tâm ta vốn không tịch, không có tướng mạo ấy. Nếu chấp tướng tức là ma, trọn rơi vào đạo tà. Nếu là huyền từ tâm khởi, chẳng nên lễ lạy. Lễ là không biết. Biết là không lễ. Lễ thì bị ma thu nhiếp.

---

23 Đại Ca-diếp là đệ tử thượng thủ của Phật, được truyền thừa làm tổ thứ nhất Thiền tông Ấn Độ, khi trên hội Linh Thứu, Phật đưa cành hoa lên, ngài mỉm cười (niêm hoa vi tiếu).

I point this out because I'm afraid you're unaware of it. The basic nature of a buddha has no such form.

Keep this in mind, even if something unusual should appear. Don't embrace it, and don't fear it, and don't doubt that your mind is basically pure. Where could there be room for any such form? Also, at the appearance of spirits, demons, or divine beings<sup>24</sup>, conceive neither respect nor fear. Your mind is basically empty. All appearances are illusions. Don't hold on to appearances.

**43.** If you envision a buddha, a dharma, or a bodhisattva and conceive respect for them, you relegate yourself to the realm of mortals. If you seek direct understanding, don't hold on to any appearance whatsoever, and you'll succeed. I have no other advice.

The sutras say, "All appearances are illusions." They have no fixed existence, no constant form. They're impermanent. Don't cling to appearances, and you'll be of one mind with the Buddha. The sutras say, "That which is free of all form is the buddha."

**44.** *But why shouldn't we worship buddhas and bodhisattvas?*

---

<sup>24</sup> *Spirits, demons, or divine beings.* Spirits are disembodied beings. Demons include various gods of the sky (*devas*), the sea (*nagas*), and the earth (*yakshas*). Divine beings include Indra, lord of the thirty-three heavens, and Brahma, lord of creation.

E người học đạo không biết nên phải biện bạch lẽ này. Chư Phật Như Lai trên thể tánh trọn không có những tướng mạo như thế.

Cần phải ở nơi ý. Dù có gặp những cảnh giới khác lạ, quyết chẳng cần chấp nhận, cũng chớ sanh kinh sợ, chẳng cần nghi ngờ. Tâm ta xưa nay thanh tịnh, chỗ nào có những tướng mạo như thế? Cho đến những tướng thiên long, dạ xoa, quỷ thần, đề thích, phạm vương<sup>24</sup> cũng chớ đem lòng kính trọng hay sợ hãi. Tâm ta xưa nay rỗng rang lặng lẽ. Tất cả tướng mạo đều là tướng hư vọng, chỉ chớ chấp tướng.

**43.** Nếu khởi thấy Phật thấy Pháp, và tướng Phật tướng Bồ-tát mà sanh kính trọng là tự đọa vào trong ngôi vị chúng sanh vậy. Nếu muốn thẳng đó lãnh hội chớ chấp nhận tất cả tướng liền được. Lại không có lời nào khác.

Huyền không có tướng nhất định, ấy là pháp vô thường. Chỉ không chấp tướng là hiệp thánh ý kia vậy. Cho nên kinh nói: “Lìa tất cả tướng tức gọi là chư Phật.”

**44. HỎI:** *Tại sao không được lễ Phật và Bồ-tát?*

---

24 Thiên long là trời và rồng dưới biển. Dạ xoa (*yakshas*) ở trên trái đất. Đề thích là vua cõi trời 33. Phạm vương là vua cõi trời sắc giới.

**45.** Devils and demons possess the power of manifestation. They can create the appearance of bodhisattvas in all sorts of guises. But they're false. None of them are buddhas. The buddha is your own mind. Don't misdirect your worship.

**46.** Buddha is Sanskrit for what you call aware, miraculously aware. Responding, perceiving, arching your brows, blinking your eyes, moving your hands and feet, it's all your miraculously aware nature. And this nature is the mind. And the mind is the buddha. And the buddha is the path. And the path is zen<sup>25</sup>. But the word zen is one that remains a puzzle to both mortals and sages. Seeing your nature is zen. Unless you see your nature, it's not zen.

**47.** Even if you can explain thousands of sutras and shastras<sup>26</sup>, unless you see your own nature yours is the teaching of a mortal, not a buddha. The true Way is sublime. It can't be expressed in language.

---

<sup>25</sup> *Zen.* First used to transliterate *dhyana*, the Sanskrit term for meditation. Bodhidharma is credited with freeing zen from the meditation cushion, using the term instead in reference to the everyday, straightforward mind, the mind that sits without sitting and that acts without acting.

<sup>26</sup> *Thousands of sutras and shastras.* A catalogue of the Chinese Buddhist Canon, or Tripitaka, made in the early sixth century lists 2,213 distinct works, about 1,600 of which were sutras. Many sutras have been added to the Tripitaka since then, but even more have been lost. The present Canon includes 1,662 works.



**45. ĐÁP:** Thiên ma-ba-tuần, a-tu-la thị hiện thần thông. Họ đều có thể tạo ra tướng mạo Bồ-tát, các thứ biến hóa đều là ngoại đạo, đều không phải Phật. Phật là tự tâm, chứ làm lẽ bái.

**46.** Phật là lời nói của Ấn Độ, ở Trung Hoa gọi là giác tánh. Giác là linh giác: ứng cơ tiếp vật, nương mảy chớp mắt, vận tay khoa chân, đều là tánh linh giác chính mình. Tánh tức là tâm. Tâm tức là Phật. Phật tức là đạo. Đạo tức là thiên<sup>25</sup>.

Một chữ thiên, thánh và phạm chẳng thể lường được. Thấy thẳng nơi bản tánh gọi là thiên. Nếu chẳng thấy bản tánh tức không phải thiên.

**47.** Giả sử nói được ngàn kinh muôn luận<sup>26</sup> nếu chẳng thấy tánh thì chỉ là phạm phu, không phải Phật pháp. Chí đạo u thâm, không thể nào do nói mà hội được.

---

25 Thiên: Đầu tiên dịch từ chữ Phạn *dhyana* nghĩa là thiền định. Tổ Đạt-ma đã mang Thiền ra khỏi pháp tọa thiền trên bồ đoàn. Tổ dùng chữ Thiền quy chiếu về sinh hoạt hằng ngày, trực chỉ tâm, cái tâm ngồi mà không ngồi và làm mà không làm.

26 Văn bản Tam tạng kinh điển vào đầu thế kỷ 6 liệt kê 2,213 công trình trước tác trong đó khoảng 1,600 đầu sách là kinh. Từ đó có thêm vào tạng nhiều kinh khác, nhưng cũng có kinh bị thất lạc. Kinh tạng hiện nay có 1,662 bộ kinh luận.

Of what use are scriptures? But someone who sees his own nature finds the Way, even if he can't read a word. Someone who sees his nature is a buddha. And since a buddha's body is intrinsically pure and unsullied, and everything he says is an expression of his mind, being basically empty, a buddha can't be found in words or anywhere in the Twelvefold Canon.

**48.** The Way is basically perfect. It doesn't require perfecting. The Way has no form or sound. It's subtle and hard to perceive. It's like when you drink water: you know how hot or cold it is, but you can't tell others. Of that which only a tathagata knows men and gods remain unaware. The awareness of mortals falls short. As long as they're attached to appearances, they're unaware that their minds are empty. And by mistakenly clinging to the appearance of things they lose the Way.

**49.** If you know that everything comes from the mind, don't become attached. Once attached, you're unaware.

But once you see your own nature, the entire Canon becomes so much prose. Its thousands of sutras and shastras only amount to a clear mind. Understanding comes in midsentence. What good are doctrines?

**50.** The ultimate Truth is beyond words. Doctrines are words. They're not the Way. The Way is wordless. Words are illusions.

Kinh điển giáo lý bằng cứ vào đâu mà có thể đến? Chỉ cần thấy được bản tánh, một chữ chẳng biết cũng được. Thấy tánh tức là Phật. Thánh thể xưa nay thanh tịnh. Có ngôn thuyết đều là thánh nhân từ tâm khởi dụng. Dụng thể xưa nay danh rỗng. Nói còn không đến được thì mười hai bộ kinh bằng cứ vào đâu mà đến được?

**48.** Đạo vốn viên thành, không dụng tu chứng. Đạo không phải thanh sắc, vi diệu khó thấy, như người uống nước lạnh nóng tự biết, không nên nói ra với người nào khác. Chỉ có Như Lai hay biết, ngoài ra người và trời... các loài không thể biết, trí phàm phu không đến, sở dĩ chấp tướng là vì không rõ được tự tâm xưa nay là không tịch. Vọng chấp tướng và tất cả pháp tức đọa trong ngoại đạo.

**49.** Nếu biết các pháp từ tâm sanh thì không nên chấp. Chấp tức không biết.

Nếu thấy bản tánh thì mười hai bộ kinh đều là văn tự nhân. Ngàn kinh muôn luận chỉ làm sáng tâm. Vì lời nói mà khế hội thì giáo sẽ dùng vào chỗ nào?

**50.** Chỗ chí lý thì tuyệt ngôn thuyết, giáo là ngôn từ, thật không phải đạo. Đạo vốn vô ngôn, ngôn thuyết là vọng.

They're no different from things that appear in your dreams at night, be they palaces or carriages, forested parks or lakeside pavilions. Don't conceive any delight for such things. They're all cradles of rebirth. Keep this in mind when you approach death. Don't cling to appearances, and you'll break through all barriers. A moment's hesitation and you'll be under the spell of devils. Your real body is pure and impervious. But because of delusions you're unaware of it. And because of this you suffer karma in vain. Wherever you find delight, you find bondage. But once you awaken to your original body and mind, you're no longer bound by attachments.

**51.** Anyone who gives up the transcendent for the mundane, in any of its myriad forms, is a mortal. A buddha is someone who finds freedom in good fortune and bad. Such is his power that karma can't hold him. No matter what kind of karma, a buddha transforms it. Heaven and hell are nothing to him. But the awareness of a mortal is dim compared to that of a buddha, who penetrates everything, inside and out.

**52.** If you're not sure, don't act. Once you act, you wander through birth and death and regret having no refuge. Poverty and hardship are created by false thinking. To understand this mind you have to act without acting. Only then will you see things from a tathagata's perspective.

Nếu ban đêm trong mộng thấy lầu các, cung điện, voi ngựa, cây cối, đình ao... tức là thân tướng. Đối với những tướng như thế chẳng được khởi niệm ưa thích, trợn là chỗ thác sanh. Cần phải tại nơi ý thì khi lâm chung không được chấp tướng tức trừ được chướng. Như tâm dấy khởi tức bị ma nhiếp phục. Pháp thân xưa nay thanh tịnh, không thọ nhận, chỉ vì mê nên bất giác bất tri. Nhơn đây nên vọng thọ quả báo. Khi nào có ưa thích sẽ không được tự tại. Hiện nay nếu ngộ được thân tâm xưa nay sẽ chẳng nhiễm tập.

**51.** Nếu từ thánh vào phàm, thị hiện mọi loài sai khác là vì chúng sanh,

Cho nên thánh nhân nghịch thuận đều tự tại. Tất cả nghiệp câu thúc các ngài không được. Những bậc thánh có oai đức lớn, bất cứ nghiệp nào cũng bị các bậc thánh chuyển. Thiên đường địa ngục không làm gì được các ngài. Còn phàm phu thì thần thức hôn mê, không đồng với thánh nhân trong ngoài đều sáng suốt.

**52.** Nếu có nghi thì không nên làm, nếu có làm phải trôi lăn trong sanh tử, sau rồi hối hận không thể nào cứu được. Bần cùng khổ khổ đều từ vọng tưởng sanh. Nếu rõ tâm ấy thì phải thay nhau khuyến khích. Chỉ không làm mà làm, tức vào được tri kiến của Như Lai.

**53.** But when you first embark on the Path, your awareness won't be focused. You're likely to see all sorts of strange, dreamlike scenes. But you shouldn't doubt that all such scenes come from your own mind and nowhere else.

**54.** If, as in a dream, you see a light brighter than the sun, your remaining attachments will suddenly come to an end and the nature of reality will be revealed. Such an occurrence serves as the basis for enlightenment. But this is something only you know. You can't explain it to others.

**55.** Or if, while you're walking, standing, sitting, or lying in a quiet grove, you see a light. Regardless of whether it's bright or dim, don't tell others and don't focus on it. It's the light of your own nature.

**56.** Or if, while you're walking, standing, sitting, or lying in the stillness and darkness of night, everything appears as though in daylight, don't be startled. It's your own mind about to reveal itself.

**57.** Or if, while you're dreaming at night, you see the moon and stars in all their clarity, it means the workings of your mind are about to end. But don't tell others. And if your dreams aren't clear, as if you were walking in the dark, it's because your mind is masked by cares. This too is something only you know.

**53.** Người sơ phát tâm thần thức thấy đều bất định. Nếu trong mộng chợt thấy cảnh lạ không cần phải nghi, chính là tự tâm sinh khởi không phải từ bên ngoài.

**54.** Nếu như trong mộng thấy hào quang xuất hiện, sáng hơn mặt trời, đó là dư tập chóng hết, thấy được pháp giới tánh. Nếu có được việc này, tức là nhân thành đạo. Chỉ nên tự biết, không nên nói với ai.

**55.** Hoặc trong vườn rừng vắng vẻ, đi, đứng, ngồi hay nằm, mắt thấy hào quang hoặc lớn hoặc nhỏ.

Chớ nói với ai, cũng đừng chấp nhận. Đó là quang minh của tự tánh.

**56.** Hoặc trong chỗ tối đêm vắng, đi, đứng, ngồi, nằm, mắt thấy hào quang chẳng khác ban ngày, không nên lấy làm lạ, đều là tự tâm muốn phát sáng.

**57.** Hoặc ban đêm nằm mộng thấy trăng sao rõ ràng, đó là tự tâm các duyên muốn dứt. Cũng đừng nói cho ai biết. Trong mộng nếu mờ mịt tối tăm, ví như đi trong nhà tối, cũng là tự tâm phiền não, chướng nặng. Chỉ nên tự biết.

**58.** If you see your nature, you don't need to read sutras or invoke buddhas. Erudition and knowledge are not only useless but also cloud your awareness. Doctrines are only for pointing to the mind. Once you see your mind, why pay attention to doctrines?

**59.** To go from mortal to buddha, you have to put an end to karma, nurture your awareness, and accept what life brings. If you're always getting angry, you'll turn your nature against the Way. There's no advantage in deceiving yourself. Buddhas move freely through birth and death, appearing and disappearing at will. They can't be restrained by karma or overcome by devils.

**60.** Once mortals see their nature, all attachments end. Awareness isn't hidden. But you can only find it right now. It's only now. If you really want to find the Way, don't hold on to anything. Once you put an end to karma and nurture your awareness, any attachments that remain will come to an end. Understanding comes naturally. You don't have to make any effort. But fanatics<sup>27</sup> don't understand what the Buddha meant. And the harder they try, the farther they get from the Sage's meaning. All day long they invoke buddhas and read sutras.

---

<sup>27</sup> *Fanatics.* Among the followers of various Buddhist and non-Buddhist religious sects, those most subject to denigration as fanatics were those who engaged in asceticism and self-torture or who followed the letter and not the spirit of the Dharma.



**58.** Nếu thấy bản tánh, chẳng cần đọc kinh niệm Phật, học rộng nhớ nhiều vô ích. Thần thức càng mờ tối thêm. Giáo pháp để chỉ ra tâm. Một khi nhận biết tâm rồi đâu cần xem giáo pháp.

**59.** Muốn từ phàm vào thánh, phải dứt nghiệp dưỡng thần, tùy phần qua ngày (*tùy duyên tiêu cự nghiệp*). Nếu người nhiều sân hận khiến cho tánh càng cùng với đạo trái nhau, tự hiềm trách vô ích. Thánh nhân trong sanh tử được tự tại ra vào, ẩn hiện không nhất định. Tất cả nghiệp câu thúc ngài chẳng được. Thánh nhân phá tà ma.

**60.** Tất cả chúng sanh chỉ thấy được bản tánh, bao nhiêu dư tập đều chóng diệt trừ, thần thức không mê muội; phải là ngay đó lãnh hội, chỉ ngay hôm nay. Muốn hội đạo chân chánh chớ chấp tất cả pháp nào, dứt nghiệp và dưỡng thần thì dư tập đều hết theo, tự nhiên được minh bạch không nhờ dụng công.

Ngoại đạo<sup>27</sup> không hội được ý Phật, cho nên dụng công tối đa mà trái với thánh ý. Họ trọn ngày khư khư niệm Phật chuyên kinh.

---

27 Trong hàng tín đồ các tông phái đạo Phật và ngoài đạo Phật, những người bị chê là 'ngoại đạo' khi họ tu khổ hạnh và hành xác, hoặc chạy theo văn tự mà không nhận biết ý nghĩa của Pháp.

But they remain blind to their own divine nature, and they don't escape the Wheel.

**61.** A buddha is an idle person. He doesn't run around after fortune and fame. What good are such things in the end? People who don't see their nature and think reading sutras, invoking buddhas, studying long and hard, practicing morning and night, never lying down, or acquiring knowledge is the Dharma, blaspheme the Dharma. Buddhas of the past and future only talk about seeing your nature. All practices are impermanent. Unless they see their nature, people who claim to have attained unexcelled, complete enlightenment are liars.

**62.** Among Shakyamuni's<sup>28</sup> ten greatest disciples, Ananda<sup>29</sup> was foremost in learning. But he didn't know the Buddha. All he did was study and memorize. Arhats don't know the Buddha. All they know are so many practices for realization, and they become trapped by cause and effect. Such is a mortal's karma: no escape from birth and death.

---

28 *Shakyamuni*. Shakya was the Buddha's clan name. *Muni* means saint. His family name was Gautama, and his personal name was Siddhartha. The exact dates given for him vary, but the consensus is from 557 to 487 B.C. or thereabouts.

29 *Ananda*. Shakyamuni's brother-in-law. He was born the night of the Buddha's Enlightenment. Twenty-five years later he entered the Order as the Buddha's personal attendant. After the Buddha's Nirvana, he repeated from memory the Buddha's sermons at the First Council.

*[Nhưng]* hôn mê thần tánh, không khỏi luân hồi.

**61.** Phật là người nhàn. Đâu cần khur khur rộng câu danh lợi, đến lúc sau này có dụng vào đâu? Chỉ người không thấy tánh đọc kinh niệm Phật, thường học tinh tấn, sáu thời hành đạo, ngồi mãi không nằm, học rộng hiểu nhiều, cho đó là Phật pháp. Những chúng sanh này trọn là những người chê bai Phật pháp vậy. Phật trước Phật sau chỉ nói thấy tánh. Các hành là vô thường. Nếu chẳng thấy tánh mà dối nói ta được A-nậu-bồ-đề là người đại tội.

**62.** Mười đệ tử lớn của Phật<sup>28</sup>, ngài A Nan<sup>29</sup> là đa văn bậc nhất, nhưng đối với Phật cũng không biết, chỉ học thiệt nhiều. Hạng nhị thừa và ngoại đạo đều là không biết Phật, chỉ biết số tu chứng, rơi vào nhân quả. Đó là nghiệp báo chúng sanh, chẳng ra khỏi sanh tử.

---

28 Đức Phật có tên Thích-ca là tên của bộ tộc. Mâu-ni nghĩa là bậc thánh (tịch tĩnh). Họ theo gia đình là Cồ-đàm và tên riêng là Sĩ-đạt-ta (Tất-đạt-đa).

29 A-nan là em của đức Phật Thích-ca. Ngài chào đời vào ngày Phật giác ngộ. Hai mươi năm lắm sau ngài gia nhập Tăng-già làm thị giả cho Phật. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, ngài trùng tuyên lời Phật dạy trong lần kết tập kinh điển lần thứ nhất.

By doing the opposite of what he intended, such people blaspheme the Buddha. Killing them would not be wrong.

The sutras say, “Since icchantikas<sup>30</sup> are incapable of belief, killing them would be blameless, whereas people who believe reach the state of buddhahood.”

**63.** Unless you see your nature, you shouldn’t go around criticizing the goodness of others. There’s no advantage in deceiving yourself. Good and bad are distinct. Cause and effect are clear. Heaven and hell are right before your eyes.

But fools don’t believe and fall straight into a hell of endless darkness without even knowing it. What keeps them from believing is the heaviness of their karma. They’re like blind people who don’t believe there’s such a thing as light. Even if you explain it to them, they still don’t believe, because they’re blind. How can they possibly distinguish light?

---

30 *Ichchantikas*. A class of being concerned so exclusively with sensual gratification that religious belief is beyond them. They break the precepts and refuse to repent. An early Chinese translation of the *Nirvana Sutra* denied that icchantikas possessed the buddha-nature. Since the Buddhist prohibition against killing is intended to prevent killing anyone capable of buddhahood, killing icchantikas was, at least in theory, held to be blameless. A later translation of the *Nirvana Sutra*, however, rectified this notion, asserting that even icchantikas have the buddha-nature.

Vì trái xa ý Phật nên lại là chê bai Phật, có trừ bỏ họ đi cũng không tội lỗi.

Kinh nói: “Người xiển-đề<sup>30</sup> chẳng sanh tín tâm có trừ bỏ họ đi cũng không tội lỗi. Nếu có tín tâm thì người này là người lên ngôi vị Phật.”

**63.** Nếu không thấy tánh không nên chấp thứ lớp mà chê bai những việc lương thiện khác, tự hiềm vô ích. Thiện ác rõ ràng, nhân quả phân minh, thiên đường và địa ngục chỉ ở trước mắt.

Người ngu không tin hiện rơi trong địa ngục hắc ám cũng không hiểu không biết, chỉ vì duyên nơi nghiệp nặng. Sở dĩ không tin như người mù không tin có ánh sáng, dù có nói họ cũng không tin. Chỉ vì mù, nương vào đâu biện được ánh sáng mặt trời?

---

30 Xiển-đề không có niềm tin. Họ không giữ giới và không sám hối. Bản dịch đầu kinh Niết-bàn phủ nhận Phật tánh nơi họ, Nhưng bản dịch sau này điều chỉnh nhận định trên và xác nhận ngay cả xiển-đề cũng có Phật tánh.

**64.** The same holds true for fools who end up among the lower orders of existence<sup>31</sup> or among the poor and despised. They can't live and they can't die. And despite their sufferings, if you ask them, they say they're as happy as gods. All mortals, even those who think themselves wellborn, are likewise unaware. Because of the heaviness of their karma, such fools can't believe and can't get free.

**65.** People who see that their mind is the buddha don't need to shave their head. Laymen are buddhas too. Unless they see their nature, people who shave their head are simply fanatics.

*66. But since married laymen don't give up sex, how can they become buddhas?*

**67.** I only talk about seeing your nature. I don't talk about sex simply because you don't see your nature. Once you see your nature, sex is basically immaterial. It ends along with your delight in it. Even if some habits remain, they can't harm you, because your nature is essentially pure.

Despite dwelling in a material body of four elements, your nature is basically pure. It can't be corrupted. Your real body is basically pure. It can't be corrupted.

---

31      *Lower orders of existence.* Beasts, hungry ghosts, and sufferers in hell.

**64.** Người ngu cũng lại như thế. Hiện nay đang đọa vào các chúng sanh tạp loại<sup>31</sup>, sanh ở chỗ bần cùng hạ tiện, cầu sống không được, cầu chết cũng chẳng xong. Tuy chịu khổ thế ấy mà hỏi đến lại nói là nay ta rất vui không khác gì ở thiên đường. Cho nên biết tất cả chúng sanh, chỗ sanh ra cho là vui, không hiểu không biết như người ác kia. Chỉ vì duyên nơi nghiệp chướng nặng cho nên không thể phát lòng tin được, không có sức cố gắng mà đều nương cậy vào bên ngoài.

**65.** Nếu thấy tâm mình là Phật không cần ở chùa cao bỏ râu tóc. Kẻ cư sĩ cũng là Phật. Nếu không thấy tánh, cao bỏ râu tóc vẫn là ngoại đạo.

**66. HỎI:** *Kẻ cư sĩ có vợ con, dâm dục không dứt, làm sao được thành Phật?*

**67. ĐÁP:** Chỉ nói thấy tánh, không nói dâm dục. Thấy tánh rồi thì dâm dục xưa nay không tịch, không nhờ đoạn trừ cũng không còn ưa thích. Vì có sao? Vì bản tánh là thanh tịnh.

Tuy ở trong thân sắc của ngũ uẩn mà tự tánh xưa nay thanh tịnh, nhiễm ô không thể được.

---

31 Chúng sanh tạp loại là súc sanh, ngạ quỷ và địa ngục.

Your real body has no sensation, no hunger or thirst, no warmth or cold, no sickness, no love or attachment, no pleasure or pain, no good or bad, no shortness or length, no weakness or strength.

Actually, there's nothing here. It's only because you cling to this material body that things like hunger and thirst, warmth and cold, and sickness appear.

**68.** Once you stop clinging and let things be, you'll be free, even of birth and death. You'll transform everything. You'll possess spiritual powers<sup>32</sup> that can't be obstructed. And you'll be at peace wherever you are.

If you doubt this, you'll never see through anything. You're better off doing nothing. Once you act, you can't avoid the cycle of birth and death. But once you see your nature, you're a buddha even if you work as a butcher.

**69.** *But butchers create karma by slaughtering animals. How can they be buddhas?*

**70.** I only talk about seeing your nature. I don't talk about creating karma. Regardless of what we do, our karma has no hold on us.

---

<sup>32</sup> *Spiritual powers.* Buddhists recognize six such powers: the ability to see all forms; the ability to hear all sounds; the ability to know the thoughts of others; the ability to know the previous existences of oneself and others; the ability to be anywhere or do anything at will; and the ability to know the end of rebirth.



Pháp thân xưa nay vô thọ, không đói không khát, không lạnh không nóng, không bệnh, không ân không ái, không quyến thuộc, không khổ vui, không xấu tốt, không dài ngắn, không mạnh yếu. Xưa nay không một vật có thể được. Chỉ duyên nơi chấp mà có nhân quả của sắc thân này, liền đó đói khát, lạnh nóng, bệnh đau.

**68.** Nếu không chấp thì mặc tình làm, đối trong sanh tử được đại tự tại. Chuyển tất cả pháp, cùng với thánh nhân được thần thông<sup>32</sup> tự tại vô ngại, không chỗ nào mà chẳng an.

Nếu tâm có nghi thì quyết định vượt tất cả cảnh giới không khỏi. Không làm gì còn hơn. Làm rồi thì không thể nào tránh khỏi sanh tử luân hồi. Nếu thấy tánh, chiêm-đà-la cũng thành Phật được.

**69. HỎI:** *Chiêm-đà-la làm nghiệp sát sanh, sao thành Phật được?*

**70. ĐÁP:** Chỉ nói thấy tánh chớ không nói tạo nghiệp. Dù cho tạo nghiệp chẳng đồng nhau mà tất cả nghiệp câu thúc y không được.

---

32 Có sáu thần thông: 1/thiên nhãn, 2/thiên nhĩ, 3/tha tâm, 4/túc mạng, 5/thần túc và 6/lậu tận thông.

Through endless kalpas without beginning, it's only because people don't see their nature that they end up in hell. As long as a person creates karma, he keeps passing through birth and death. But once a person realizes his original nature, he stops creating karma. If he doesn't see his nature, invoking buddhas won't release him from his karma, regardless of whether or not he's a butcher. But once he sees his nature, all doubts vanish. Even a butcher's karma has no effect on such a person.

**71.** In India, the twenty-seven patriarchs<sup>33</sup> only transmitted the imprint<sup>34</sup> of the mind.

And the only reason I've come to China is to transmit the instantaneous teaching of the Mahayana: This mind is the buddha. I don't talk about precepts, devotions or ascetic practices such as immersing yourself in water and fire, treading a wheel of knives, eating one meal a day, or never lying down. These are fanatical, provisional teachings. Once you recognize your moving, miraculously aware nature, yours is the mind of all buddhas.

---

33      *Twenty-seven patriarchs.* Kashyapa was the first patriarch of the Zen lineage. Ananda was the second. Prajnatara was the twenty-seventh and Bodhidharma the twenty-eighth. Bodhidharma was also the first Zen patriarch in China.

34      *Imprint.* An imprint because transmission of the zen mind leaves a perfect likeness, which can always be checked against the real thing, and which takes as much time and makes as much sound as affixing a seal.

Từ vô thủy nhiều kiếp đến nay, chỉ vì không thấy tánh nên rơi trong địa ngục, tạo nghiệp sanh tử luân hồi. Từ khi ngộ được bản tánh trọn không tạo nghiệp nữa. Nếu không thấy tánh thì niệm Phật muốn thoát khỏi quả báo cũng không được, chẳng luận sát hại sinh mạng. Nếu thấy tánh thì nghi tâm chướng trừ, sát hại sanh mạng không làm gì y được.

**71.** Hai mươi bảy vị tổ<sup>33</sup> ở Tây Thiên chỉ là thứ lớp truyền tâm ấn<sup>34</sup> này.

Nay ta nay đến cõi này chỉ truyền đốn giáo Đại thừa, tức tâm là Phật. Không nói giữ giới, bố thí, tinh tấn, khổ hạnh, cho đến vào trong nước, trên lửa, hay là trong vòng đao kiếm, ngày ăn một bữa giữ ngọ trai, ngồi mãi không nằm, trọn là ngoại đạo, là pháp hữu vi. Nếu biết được thì vi vận động đều là tánh linh tức tâm chư Phật.

---

33 Hai mươi bảy vị tổ sư: Đại Ca-diếp là sơ tổ trong Thiền tông, A-nan thứ hai, Bát-nhã-đa-la thứ 27, Bồ-đề Đạt-ma thứ 28 Ấn Độ, và cũng là sơ tổ Thiền tông Trung Hoa.

34 Gọi là “ấn” vì trong sự truyền trao tâm thiền y như đóng dấu. Dấu này hoàn toàn không khác với vật thật dù trải qua thời gian.

Buddhas of the past and future only talk about transmitting the mind. They teach nothing else. If someone understands this teaching, even if he's illiterate he's a buddha. If you don't see your own miraculously aware nature, you'll never find a buddha even if you break your body into atoms<sup>35</sup>.

**72.** The buddha is your real body, your original mind. This mind has no form or characteristics, no cause or effect, no tendons or bones. It's like space. You can't hold it. It's not the mind of materialists or nihilists. Except for a tathagata, no one else - no mortal, no deluded being - can fathom it.

But this mind isn't somewhere outside the material body of four elements. Without this mind we can't move. The body has no awareness. Like a plant or stone, the body has no nature. So how does it move? It's the mind that moves.

**73.** Language and behavior, perception and conception are all functions of the moving mind. All motion is the mind's motion. Motion is its function.

---

35     *Atoms.* The early Buddhist Sarvastivadins recognized subatomic particles called *parama-anu* which can only be known through meditation. Seven of these particles make up an atom, and seven atoms make up a molecule, which is perceptible only by the eyes of a bodhisattva. The Sarvastivadins claimed that a person's body is made up of 84,000 such atoms (the number 84,000 was often used to mean countless).

Phật trước Phật sau chỉ nói truyền tâm, ngoài ra không pháp nào khác. Nếu biết pháp này thì phàm phu không biết một chữ cũng là Phật. Nếu không biết tánh linh giác của chính mình, giả sử thân mình đập nát ra thành bụi (*vi trần*)<sup>35</sup> để tìm Phật trọn không thể được.

**72.** Phật cũng gọi là Pháp thân, cũng gọi là bản tâm. Tâm này không có hình tướng, không nhân quả, không gân cốt, như là hư không, nắm không được, không đồng với vật có chất ngại hay ngoại đạo. Tâm này trừ một người là Như Lai hay lãnh hội. Ngoài ra chúng sanh mê mờ không minh liễu.

Nhưng tâm này không lìa sắc thân tứ đại. Nếu lìa tâm này tức không thể vận động được. Thân là vật vô tri như cây cỏ ngói gạch. Thân là vô tình do đâu mà vận động được?

**73.** Cho nên mọi ngôn ngữ, mọi hành vi cử động, mọi điều thấy nghe hiểu biết biết đều là dụng của tâm động. Tất cả động là động của tâm. Động là dụng của tâm.

---

35 Phật giáo nguyên thủy nhận xét hạt cực vi trần gọi là *parama-anu* chỉ có thể nhìn thấy trong thiên định. Bảy hạt cực vi trần hợp thành một vi trần, và bảy vi trần thành một phân tử, Bồ-tát có thể thấy được.

Tông phái này cho rằng thân người do 84,000 vi trần cấu tạo thành (số 84,000 thường dùng để chỉ vô số).

Apart from motion there's no mind,  
and apart from the mind there's no motion.  
But motion isn't the mind.  
And the mind isn't motion.  
Motion is basically mindless.  
And the mind is basically motionless.  
But motion doesn't exist without the mind.  
And the mind doesn't exist without motion.  
There's no mind for motion to exist apart from,  
and no motion for mind to exist apart from.  
Motion is the mind's function,  
and its function is its motion.  
Even so, the mind neither moves nor functions,  
because the essence of its functioning is emptiness  
and emptiness is essentially motionless.  
Motion is the same as the mind.  
And the mind is essentially motionless.

1. *Ngoài động không tâm* Động dụng ngoại vô tâm
2. *Ngoài tâm không động*. Tâm ngoại vô động
3. *Động chẳng phải tâm*. Động bất thị tâm
4. *Tâm chẳng phải động*. Tâm bất thị động
5. *Động chẳng phải không tâm*. Động bất vô tâm
6. *Tâm chẳng phải không động*. Tâm bất vô động
7. *Động không là tâm*. Động bất ly tâm
8. *Tâm chẳng là động*. Tâm bất ly động
9. *Động không có tâm để là*. Động vô tâm ly
10. *Tâm không có động để là*. Tâm vô động ly
11. *Động là dụng của tâm*. Động thị tâm dụng
12. *Dụng là tâm động*. Dụng thị tâm động
- Động tức tâm dụng*. Động tức tâm dụng
- Dụng tức tâm động*. Dụng tức tâm động
13. *Chẳng động chẳng dụng*. Bất động bất dụng
14. *Dụng thể vốn không*. Thể của dụng vốn không
15. *Không vốn không động*. Không bản vô động
16. *Động dụng đồng là tâm*. Động dụng đồng tâm
17. *Tâm vốn không động*. Tâm bản vô động

**74.** Hence the sutras tell us to move without moving, to travel without traveling, to see without seeing, to laugh without laughing, to hear without hearing, to know without knowing, to be happy without being happy, to walk without walking, to stand without standing. And the sutras say, “Go beyond language. Go beyond thought.”

Basically seeing, hearing, and knowing are completely empty. Your anger, joy, or pain is like that of a puppet. You can search, but you won’t find a thing.

According to the sutras, evil deeds result in hardships and good deeds result in blessings. Angry people go to hell and happy people go to heaven. But once you know that the nature of anger and joy is empty and you let them go, you free yourself from karma. If you don’t see your nature, quoting sutras is no help. I could go on, but this brief sermon will have to do.

\*



74. Nên kinh nói động mà không có chỗ động. Trọn ngày đi mà chưa từng đi. Trọn ngày thấy mà chưa từng thấy. Trọn ngày cười mà chưa từng cười. Trọn ngày nghe mà chưa từng nghe. Trọn ngày biết mà chưa từng biết. Trọn ngày giận mừng mà chưa từng giận mừng. Trọn ngày bước mà chưa từng bước. Trọn ngày đứng mà chưa từng đứng. Nên kinh nói: “Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt.”

Thấy nghe hiểu biết vốn tự viên tịch. Cho đến sân hi, đau nhức đâu khác người gỗ? Chỉ duyên nơi cái suy tâm cũng chẳng được.

Kinh nói: “Nghiệp ác tức bị khổ báo, nghiệp thiện tức có thiện báo. Không những sân đọa địa ngục mà hi cũng sanh lên thiên đàng.” Nếu biết sân hi tánh là không, chỉ không chấp tức các nghiệp được giải thoát. Nếu chẳng thấy tánh mà giảng kinh, quyết định không có chỗ tựa, nói cũng không thể hết.

\*

## WAKE-UP SERMON

**75.** The essence of the Way is detachment. And the goal of those who practice is freedom from appearances. The sutras say, “Detachment is enlightenment because it negates appearances.” Buddhahood means awareness. Mortals whose minds are aware reach the Way of Enlightenment and are therefore called buddhas.

The sutras say, “Those who free themselves from all appearances are called buddhas.” The appearance of appearance as no appearance can’t be seen visually but can only be known by means of wisdom. Whoever hears and believes this teaching embarks on the Great Vehicle and leaves the three realms.

## NGỘ TÁNH LUẬN

**75.** Phàm người học đạo lấy tịch diệt làm thể. Còn người tu lấy ly tướng làm tông. Nên kinh nói: “Tịch diệt là Bồ-đề vì diệt hết các tướng.” Phật là Giác. Người có giác tâm được đạo Bồ-đề nên gọi là Phật.

Kinh nói: “Lìa tất cả tướng gọi là chư Phật.” Thế nên biết tướng của tướng là vô tướng nên không thể dùng mắt để thấy, chỉ có thể lấy trí mà biết. Nếu người nghe pháp này sanh niềm tin nơi tâm là người này đã do phát tâm đại thừa siêu thoát tam giới.

**76.** The three realms are greed, anger, and delusion. To leave the three realms means to go from greed, anger, and delusion back to morality, meditation, and wisdom. Greed, anger, and delusion have no nature of their own. They depend on mortals. And anyone capable of reflection is bound to see that the nature of greed, anger, and delusion is the buddha-nature. Beyond greed, anger, and delusion there is no other buddha-nature.

The sutras say, “Buddhas have only become buddhas while living with the three poisons and nourishing themselves on the pure Dharma.”

**77.** The Great Vehicle is the greatest of all vehicles. It’s the conveyance of bodhisattvas, who use everything without using anything and who travel all day without traveling. Such is the vehicle of buddhas. The sutras say, “No vehicle is the vehicle of buddhas.”

Whoever realizes that the six senses aren’t real, that the five aggregates are fictions, that no such things can be located anywhere in the body, understands the language of buddhas. The sutras say, “The cave of five aggregates is the hall of zen. The opening of the inner eye is the door of the Great Vehicle.” What could be clearer?

**78.** Not thinking about anything is zen. Once you know this, walking, standing, sitting, or lying down, everything you do is zen.

**76.** Tam giới là tham-sân-si. Đối ngược tham-sân-si là giới-định-tuệ tức là siêu xuất tam giới. Nhưng tham-sân-si không có thực tánh, chỉ căn cứ nơi chúng sanh mà nói. Hay phản chiếu rõ ràng thấy được tánh của tham-sân-si là Phật tánh. Ngoài tham-sân-si không riêng có Phật tánh.

Kinh nói: “Chư Phật từ xưa nay thường nơi ba độ nuôi lớn pháp trong sạch mà thành Thế Tôn.”

**77.** Nói đại thừa tối thượng thừa, đều là chỗ sở hành của Bồ-tát. Không có chỗ nào mà chẳng nương (*thừa*), cũng không có chỗ nào nương (*thừa*). Trọn ngày nương (*thừa*) mà như chưa từng nương (*thừa*). Đó là cỗ xe Phật (*Phật thừa*). Kinh nói: “Không thừa là Phật thừa.”

Nếu người biết sáu căn không thật, năm uẩn là giả danh, khắp thân mà tìm thì biết không có chỗ nhất định, nên biết người này hiểu lời Phật. Kinh nói: “Ở trong nhà ngũ uẩn là thiền viện, trong chiếu soi mở sáng tức là cửa đại thừa.” Có thể chẳng rõ ư?

**78.** Chẳng nhớ tất cả pháp mới gọi là thiền định. Nếu rõ được lời này thì đi-đứng-nằm-ngồi đều là thiền định.

To know that the mind is empty is to see the buddha. The buddhas of the ten directions have no mind. To see no mind is to see the buddha.

**79.** To give up yourself without regret is the greatest charity. To transcend motion and stillness is the highest meditation. Mortals keep moving, and arhats stay still. But the highest meditation surpasses both that of mortals and that of arhats.

People who reach such understanding free themselves from all appearances without effort and cure all illnesses without treatment. Such is the power of great zen.

**80.** Using the mind to look for reality is delusion. Not using the mind to look for reality is awareness. Freeing oneself from words is liberation. Remaining unblemished by the dust of sensation is guarding the Dharma. Transcending life and death is leaving home. Not suffering another existence is reaching the Way. Not creating delusions is enlightenment. Not engaging in ignorance is wisdom. No affliction is nirvana. And no appearance of the mind is the other shore.

**81.** When you're deluded, this shore exists. When you wake up, it doesn't exist. Mortals stay on this shore. But those who discover the greatest of all vehicles stay on neither this shore nor the other shore. They're able to leave both shores.

Those who see the other shore as different from this shore don't understand zen.

Biết tâm là không gọi là thấy Phật. Vì có sao? Vì mười phương chư Phật đều do vô tâm. Không thấy nơi tâm gọi là thấy Phật.

**79.** Xả bỏ tâm không tiếc gọi là đại bố thí. Lìa hết động và định gọi là đại tọa thiền. Vì có sao? Vì phàm phu một bề hướng về động, tiểu thừa một bề hướng về định. Ra khỏi hai lỗi tọa thiền của phàm phu và tiểu thừa gọi là đại tọa thiền.

Nếu khởi được cái hội này thì tất cả tướng chẳng lìa mà tự hiểu, tất cả bệnh chẳng trị mà tự lành

**80.** Phàm đem tâm cầu pháp là mê. Chẳng đem tâm cầu pháp là ngộ. Chẳng mắc kẹt văn tự gọi là giải thoát. Chẳng nhiễm sáu trần gọi là hộ pháp.

Ra khỏi sanh tử gọi là xuất gia. Không thọ thân sau gọi là được đạo. Chẳng sanh vọng tưởng gọi là Niết-bàn. Chẳng ở vô minh gọi là đại trí tuệ. Chỗ không phiền não gọi là vào Niết-bàn. Chỗ không tâm tướng gọi là bờ bên kia.

**81.** Khi mê thì có bờ này. Khi ngộ thì không bờ này. Vì có sao? Vì phàm phu một bề trụ bên này. Nếu giác được tối thượng thừa, tâm không trụ bên này cũng chẳng trụ bên kia, cho nên lìa bờ bên này và bờ bên kia vậy.

Nếu thấy bờ kia khác với bờ này, tâm người ấy chưa được thiền định.

**82.** Delusion means mortality. And awareness means buddhahood. They're not the same. And they're not different. It's just that people distinguish delusion from awareness. When we're deluded, there's a world to escape. When we're aware, there's nothing to escape.

**83.** In the light of the impartial Dharma, mortals look no different from sages. The sutras say that the impartial Dharma is something that mortals can't penetrate and sages can't practice. The impartial Dharma is only practiced by great bodhisattvas and buddhas. To look on life as different from death or on motion as different from stillness is to be partial.

To be impartial means to look on suffering as no different from nirvana, because the nature of both is emptiness. By imagining they're putting an end to suffering and entering nirvana arhats end up trapped by nirvana. But bodhisattvas know that suffering is essentially empty. And by remaining in emptiness they remain in nirvana. Nirvana means no birth and no death. It's beyond birth and death and beyond nirvana. When the mind stops moving, it enters nirvana. Nirvana is an empty mind. Where delusions don't exist, buddhas reach nirvana. Where afflictions don't exist, bodhisattvas enter the place of enlightenment.



**82.** Phiền não gọi là chúng sanh, ngộ giải gọi là Bồ-đề. Cũng không phải một, không phải khác, chỉ cách nhau ở chỗ mê và ngộ thôi. Khi mê thì có thể gian có thể ra. Khi ngộ thì không có thể gian có thể ra.

**83.** Trong pháp bình đẳng không thấy phạm phu khác với thánh nhân. Kinh nói: “Pháp bình đẳng ấy phạm phu không thể vào, thánh nhân không thể hành.” Pháp bình đẳng chỉ có hàng Đại Bồ-tát cùng chư Phật Như Lai mới hành vậy. Nếu thấy sanh khác với tử, động khác với tĩnh, đều gọi là bất bình đẳng.

Chẳng thấy phiền não khác với Niết-bàn gọi là bình đẳng. Vì có sao? Phiền não cùng với Niết-bàn đồng một tánh không. Bởi do người tiểu thừa vọng đoạn phiền não, vọng nhập Niết-bàn bị Niết-bàn làm cho mắc kẹt. Bồ-tát biết tánh của phiền não là Không, tức chẳng lìa Không nên thường ở trong Niết-bàn. Chữ Niết là bất sanh, Bàn là bất tử. Xuất ly sanh tử, xuất Bát Niết-bàn, tâm không đến không đi tức vào Niết-bàn. Thế nên biết Niết-bàn là tâm không. Chư Phật vào Niết-bàn là chỗ không vọng tưởng. Bồ-tát vào đạo tràng là chỗ không phiền não.

**84.** An uninhabited place is one without greed, anger, or delusion. Greed is the realm of desire, anger the realm of form, and delusion the formless realm. When a thought begins, you enter the three realms. When a thought ends, you leave the three realms. The beginning or end of the three realms, the existence or nonexistence of anything, depends on the mind. This applies to everything, even to such inanimate objects as rocks and sticks.

**85.** Whoever knows that the mind is a fiction and devoid of anything real knows that his own mind neither exists nor doesn't exist. Mortals keep creating the mind, claiming it exists. And arhats keep negating the mind, claiming it doesn't exist. But bodhisattvas and buddhas neither create nor negate the mind.

This is what's meant by the mind that neither exists nor doesn't exist. The mind that neither exists nor doesn't exist is called the Middle Way.

**86.** If you use your mind to study reality, you won't understand either your mind or reality. If you study reality without using your mind, you'll understand both. Those who don't understand, don't understand understanding. And those who understand, understand not understanding.

**84.** Chỗ Không nhàn là không tham-sân-si. Tham là dục giới. Sân là sắc giới. Si là vô sắc giới. Nếu tâm sanh một niệm là vào tam giới. Nếu diệt một tâm niệm là ra khỏi tam giới. Thế nên biết tam giới sanh diệt và muôn pháp có không đều do một tâm. Phàm nói nhất tâm ấy dường như đập vào vật vô tình ngói đá tro cây.

**85.** Nếu biết tâm là giả danh không có thực thể, tức biết được tâm tự tịch, cũng chẳng phải có chẳng phải không. Phàm phu một bề sanh tâm gọi là có, tiêu thừa một bề diệt tâm gọi là không. Bồ-tát và Phật chưa từng sanh tâm cũng chưa từng diệt tâm.

Đó gọi là chẳng phải có chẳng phải không tâm. Chẳng phải có chẳng phải không tâm ấy gọi là trung đạo.

**86.** Thế nên biết đem tâm học pháp ắt tâm pháp đều là mê. Chẳng đem tâm học pháp ắt tâm pháp đều là ngộ. Mê là mê nơi ngộ. Còn ngộ là ngộ ở mê.

People capable of true vision<sup>36</sup> know that the mind is empty. They transcend both understanding and not understanding. The absence of both understanding and not understanding is true understanding.

**87.** Seen with true vision, form isn't simply form, because form depends on mind. And mind isn't simply mind, because mind depends on form. Mind and form create and negate each other. That which exists exists in relation to that which doesn't exist. And that which doesn't exist doesn't exist in relation to that which exists. This is true vision. By means of such vision nothing is seen and nothing is not seen.

Such vision reaches throughout the ten directions without seeing: because nothing is seen; because not seeing is seen; because seeing isn't seeing. What mortals see are delusions. True vision is detached from seeing.

**88.** The mind and the world are opposites, and vision arises where they meet. When your mind doesn't stir inside, the world doesn't arise outside. When the world and the mind are both transparent, this is true vision. And such understanding is true understanding.

---

36      *True vision.* The Buddha's Eightfold Noble Path begins with true vision, which is intended to break through delusion or ignorance, the first of twelve links on the Chain of Karma: delusion, impulse, consciousness, name-and-form, sense organs, contact, sensation, desire, grasping, existence, birth, aging-and-death. The first two refer to the previous existence, the last two to the next.

Bậc chánh kiến<sup>36</sup> biết tâm vốn rỗng không, tức là siêu vượt trên mê ngộ. Không có mê ngộ mới gọi là chánh giải chánh kiến.

**87.** Sắc không có tự sắc, do tâm nên có sắc. Tâm không có tự tâm, do sắc nên có tâm. Thế nên biết hai tướng tâm và sắc đều sanh diệt. Có là đối với không. Không là đối với có. Ấy gọi là chân kiến. Phàm chân kiến là không có chỗ thấy cũng không có chỗ chẳng thấy.

Thấy đầy khắp mười phương mà chưa từng có thấy. Vì có sao? Vì không có chỗ thấy; vì không thấy mà thấy, vì thấy chẳng phải thấy. Phàm phu còn có chỗ thấy nên đều là vọng tưởng. Nếu tịch diệt không có chỗ thấy mới là chân kiến.

**88.** Tâm và cảnh đối đãi nhau, cái thấy sanh trong ấy. Nếu trong chẳng khởi tâm thì ngoài chẳng sanh cảnh. Cho nên tâm và cảnh đều tịnh mới gọi là chân kiến. Hiểu được như thế mới gọi là chánh giải (*thực hiểu*).

---

36 Chánh kiến là mục đầu tiên trong Bát Chánh Đạo, nhằm phá bỏ si mê hoặc vô minh, nhân đầu tiên trong thập nhị nhân duyên: 1/vô minh, 2/hành, 3/thức, 4/danh sắc, 5/lục nhập, 6/xúc, 7/thọ, 8/ái, 9/thủ, 10/hữu, 11/sanh, 12/lão và tử. Hai nhân đầu thuộc về đời quá khứ, hai nhân sau thuộc về đời vị lai.

**89.** To see nothing is to perceive the Way, and to understand nothing is to know the Dharma, because seeing is neither seeing nor not seeing and because understanding is neither understanding nor not understanding. Seeing without seeing is true vision. Understanding without understanding is true understanding.

**90.** True vision isn't just seeing seeing. It's also seeing not seeing. And true understanding isn't just understanding understanding. It's also understanding not understanding. If you understand anything, you don't understand. Only when you understand nothing is it true understanding. Understanding is neither understanding nor not understanding.

**91.** The sutras say, "Not to let go of wisdom is stupidity."

When the mind doesn't exist, understanding and not understanding are both true. When the mind exists, understanding and not understanding are both false.

When you understand, reality depends on you. When you don't understand, you depend on reality. When reality depends on you, that which isn't real becomes real. When you depend on reality, that which is real becomes false. When you depend on reality, everything is false. When reality depends on you, everything is true.

**89.** Chẳng thấy tất cả pháp mới gọi là được đạo. Chẳng hiểu tất cả pháp mới gọi là hiểu pháp. Vì có sao? Vì thấy cùng chẳng thấy đều là chẳng thấy; hiểu cùng chẳng hiểu đều là chẳng hiểu. Thấy cái không thấy mới gọi là chân kiến. Hiểu được như thế mới gọi là đại giải.

**90.** Chân kiến chẳng phải chỉ thấy ở nơi thấy, cũng thấy ở nơi chẳng thấy. Chân giải chẳng phải thẳng nơi giải, mà cũng là giải nơi bất giải. Phàm có chỗ giải đều gọi là bất giải. Phàm không chỗ giải mới gọi là chân giải. Giải cùng bất giải đều không phải giải.

**91.** Kinh nói: “Chẳng bỏ trí tuệ gọi là ngu si.”

Do nhận tâm là không nên hiểu cùng chẳng hiểu đều là chân. Do nhận tâm là có thì hiểu cùng chẳng hiểu đều là vọng.

Hiểu rồi thì pháp theo người. Chưa hiểu thì người theo pháp. Nếu pháp theo người thì phi pháp thành chánh pháp. Nếu người theo pháp thì chánh pháp thành phi pháp. Nếu người theo pháp thì các pháp đều là vọng. Nếu pháp theo người thì các pháp đều là chân.

Thus, the sage doesn't use his mind to look for reality, or reality to look for his mind, or his mind to look for his mind, or reality to look for reality. His mind doesn't give rise to reality. And reality doesn't give rise to his mind. And because both his mind and reality are still, he's always in samadhi.

**92.** When the mortal mind appears, buddhahood disappears. When the mortal mind disappears, buddhahood appears. When the mind appears, reality disappears. When the mind disappears, reality appears.

Whoever knows that nothing depends on anything has found the Way. And whoever knows that the mind depends on nothing is always at the place of enlightenment.

**93.** When you don't understand, you're wrong. When you understand, you're not wrong. This is because the nature of wrong is empty.

When you don't understand, right seems wrong. When you understand, wrong isn't wrong, because wrong doesn't exist. The sutras say, "Nothing has a nature of its own." Act. Don't question. When you question, you're wrong. Wrong is the result of questioning. When you reach such an understanding, the wrong deeds of your past lives are wiped away.



Do đó bậc thánh cũng không đem tâm cầu pháp, cũng không đem pháp cầu tâm, cũng chẳng đem tâm cầu tâm, cũng chẳng đem pháp cầu pháp. Vì thế tâm chẳng sanh pháp, pháp chẳng sanh tâm, tâm và pháp cả hai đều tịch nên lúc nào cũng ở trong định.

**92.** Chúng sanh tâm sanh thì Phật pháp diệt. Chúng sanh tâm diệt thì Phật pháp sanh. Tâm sanh thì chân pháp diệt. Tâm diệt thì chân pháp sanh. Đã biết tất cả pháp mỗi mỗi đều không thuộc nhau, ấy gọi là được đạo. Biết tâm chẳng thuộc tất cả pháp người này thường ở đạo tràng.

**93.** Khi mê thì có tội. Khi hiểu thì không tội. Vì có sao? Vì tánh của tội vốn không.

Khi mê thì không tội thấy có tội. Khi biết tức tội mà không tội. Vì có sao? Vì tội không có chỗ nơi. Kinh nói: “Các pháp không tánh,” ngay đó mà dùng chớ nghi, nghi tức thành tội. Vì có sao? Vì tội do nghi hoặc mà sanh. Nếu khởi hiểu như vậy thì tội nghiệp đời trước liền tiêu diệt.

When you're deluded, the six senses and five shades<sup>37</sup> are constructs of suffering and mortality. When you wake up, the six senses and five shades are constructs of nirvana and immortality.

**94.** Someone who seeks the Way doesn't look beyond himself. He knows that the mind is the Way. But when he finds the mind, he finds nothing. And when he finds the Way, he finds nothing.

If you think you can use the mind to find the Way, you're deluded. When you're deluded, buddhahood exists. When you're aware, it doesn't exist. This is because awareness is buddhahood.

**95.** If you're looking for the Way, the Way won't appear until your body disappears. It's like stripping bark from a tree. This karmic body undergoes constant change. It has no fixed reality. Practice according to your thoughts. Don't hate life and death or love life and death. Keep your every thought free of delusion, and in life you'll witness the beginning of nirvana, and in death you'll experience the assurance of no rebirth.

**96.** To see form but not be corrupted by form or to hear sound but not be corrupted by sound is liberation.

---

<sup>37</sup> *Five shades.* The skandhas or aggregates, the constituents of personality that overshadow the real self: form, sensation, perception, impulse, and consciousness.

Khi mê thì sáu thức năm ấm đều là pháp phiền não sanh tử. Khi ngộ thì sáu thức năm ấm<sup>37</sup> đều là pháp Niết-bàn không sanh tử.

**94.** Người tu hành không cầu đạo ở bên ngoài. Vì có sao? Biết tâm là đạo. Nhưng khi được tâm thì không tâm có thể được. Khi được đạo thì không đạo có thể được.

Nếu nói đem tâm cầu đạo mà được đều là tà kiến. Khi mê thì có Phật có Pháp. Khi ngộ thì không Phật không Pháp. Vì có sao? Ngộ tức là Phật pháp rồi.

**95.** Phàm người tu hành, thân diệt thì đạo mới thành, cũng như vỏ phải nát thì cây mới sanh. Thân nghiệp báo này mỗi niệm là vô thường, không phải là pháp nhất định.

Chỉ tùy niệm niệm mà tu, không nhàm chán cũng không ưa thích sanh tử. Chỉ trong mỗi niệm đều chẳng vọng tưởng thì hiện đời này chúng được hữu dư niết-bàn, và khi chết sẽ nhập vô sinh pháp nhẫn.

**96.** Khi mắt thấy sắc không nhiễm nơi sắc, khi tai nghe tiếng không nhiễm nơi tiếng, đây đều là giải thoát.

---

37 Năm ấm là năm uẩn, là thành phần cấu tạo nên cá nhân tính che mắt chân ngã, gồm: sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Eyes that aren't attached to form are the Gates of Zen. Ears that aren't attached to sound are also the Gates of Zen. In short, those who perceive the existence and nature of phenomena and remain unattached are liberated. Those who perceive the external appearance of phenomena are at their mercy. Not to be subject to affliction is what's meant by liberation. There's no other liberation. When you know how to look at form, form doesn't give rise to mind and mind doesn't give rise to form. Form and mind are both pure.

**97.** When delusions are absent, the mind is the land of buddhas. When delusions are present, the mind is hell. Mortals create delusions. And by using the mind to give birth to mind they always find themselves in hell. Bodhisattvas see through delusions. And by not using the mind to give birth to mind they always find themselves in the land of buddhas.

If you don't use your mind to create mind, every state of mind is empty and every thought is still. You go from one buddha-land<sup>38</sup> to another.

If you use your mind to create mind, every state of mind is disturbed and every thought is in motion. You go from one hell to the next.

---

38 *Buddha-land.* A realm transformed by the presence of a buddha from filth to purity: hence, a pure land. See the last section of Chapter One in the *Vimilakirti Sutra*.

Mắt không đắm trước nơi sắc thì mắt là cửa thiền. Tai không mắc kẹt nơi tiếng thì tai là cửa thiền. Tóm lại, thấy sắc tánh thì thường giải thoát. Thấy sắc tướng thì thường hệ phược. Người không bị phiền não trói buộc tức là giải thoát, lại không riêng có giải thoát khác. Người khéo quán sát nơi sắc thì sắc chẳng sanh nơi tâm, tâm chẳng sanh nơi sắc, tức là sắc cùng với tâm đều là thanh tịnh.

**97.** Khi không vọng tưởng, một tâm là một cõi Phật. Khi có vọng tưởng, một tâm là một địa ngục. Chúng sanh tạo tác vọng tưởng, đem tâm sanh tâm, nên thường ở trong địa ngục. Bỏ-tát quán sát vọng tưởng, không do tâm sanh tâm, nên thường ở Phật quốc.

Nếu chẳng do tâm sanh tâm thì tâm tâm đều vào không, niệm niệm trở về tịnh. Từ một cõi Phật<sup>38</sup> đến một cõi Phật.

Nếu dùng tâm sanh tâm thì tâm tâm chẳng tịnh, niệm niệm trở về động, từ một địa ngục trải qua một địa ngục.

---

38 Cõi Phật là cõi giới đã được Phật chuyển uế trước thành thanh tịnh. Xem chương cuối kinh Duy-ma-cật.

When a thought arises, there's good karma and bad karma, heaven and hell.

When no thought arises, there's no good karma or bad karma, no heaven or hell.

**98.** The body neither exists nor doesn't exist. Hence existence as a mortal and nonexistence as a sage are conceptions with which a sage has nothing to do. His heart is empty and spacious as the sky.

**99.** That which follows is witnessed on the Way. It's beyond the ken of arhats and mortals.

**100.** When the mind reaches nirvana, you don't see nirvana, because the mind is nirvana. If you see nirvana somewhere outside the mind, you're deluding yourself.

**101.** Every suffering is a buddha-seed, because suffering impels mortals to seek wisdom. But you can only say that suffering gives rise to buddhahood. You can't say that suffering is buddhahood. Your body and mind are the field. Suffering is the seed, wisdom the sprout, and buddhahood the grain.

**102.** The buddha in the mind is like a fragrance in a tree. The buddha comes from a mind free of suffering, just as a fragrance comes from a tree free of decay. There's no fragrance without the tree and no buddha without the mind. If there's a fragrance without a tree, it's a different fragrance. If there's a buddha without your mind, it's a different buddha.

Nếu một niệm tâm dấy lên tức có hai nghiệp thiện ác, có thiên đường địa ngục.

Nếu một niệm tâm không dấy lên thì không có hai nghiệp thiện ác, cũng không có thiên đường địa ngục.

**98.** Thử chẳng có cũng chẳng không. Ở phàm phu là có. Ở thánh nhân là không. Thánh nhân không tâm ấy cho nên ở trong không tịch rỗng rang, cùng với hư không đồng lượng.

**99.** Sau đây là chứng ngộ trong đại đạo, không phải cảnh giới của tiểu thừa và phàm phu.

**100.** Khi tâm được Niết-bàn, tức là chẳng thấy có Niết-bàn. Vì có sao? Vì tâm là Niết-bàn. Nếu ngoài tâm lại thấy có Niết-bàn, đó gọi là chấp của tà kiến.

**101.** Tất cả phiền não là chủng tử Như Lai, vì nhân phiền não mới được trí tuệ. Chỉ có thể nói phiền não “sinh” Như Lai, không thể nói phiền não “là” Như Lai. Cho nên thân tâm là ruộng đất, phiền não là hạt giống, trí tuệ là mầm, Như Lai thì ví như lúa thóc.

**102.** Phật ở trong tâm như mùi hương ở trong cây. Phiền não nếu hết thì Phật từ trong tâm hiện ra. Vỏ mục hết thì mùi hương từ nơi cây bay ra, tức biết ngoài cây không có mùi hương, ngoài tâm không có Phật. Nếu ngoài cây có hương, tức là hương của cây khác. Nếu ngoài tâm có Phật, tức là Phật của kẻ khác.

**103.** When the three poisons are present in your mind, you live in a land of filth. When the three poisons are absent from your mind, you live in a land of purity. The sutras say, “If you fill a land with impurity and filth, no buddha will ever appear.” Impurity and filth refer to delusion and the other poisons. A buddha refers to a pure and awakened mind.

**104.** There is no language that isn’t the Dharma. To talk all day without saying anything is the Way. To be silent all day and still say something isn’t the Way. Hence neither does a tathagata’s speech depend on silence, nor does his silence depend on speech, nor does his speech exist apart from his silence. Those who understand both speech and silence are in samadhi. If you speak when you know, your speech is free.

If you’re silent when you don’t know, your silence is tied. If speech isn’t attached to appearances, it’s free. If silence is attached to appearances, it’s tied.

Language is essentially free. It has nothing to do with attachment. And attachment has nothing to do with language.

**105.** Reality has no high or low. If you see high or low, it isn’t real. A raft<sup>39</sup> isn’t real. But a passenger raft is.

---

39      *Raft.* The Buddha likens his teachings to a raft that can be used to cross the River of Endless Rebirth. But once it’s served its purpose, the raft is useless. It’s no longer a raft.



**103.** Trong tâm có ba độc là quốc độ uế ác. Trong tâm không có ba độc là quốc độ thanh tịnh. Kinh nói rằng: “Nếu khiến quốc độ bất tịnh uế ác đầy đầy, chư Phật Thế Tôn ở trong ấy mà xuất hiện thì không có lẽ phải.” Bất tịnh uế ác đó tức là vô minh và tam độc. Chư Phật Thế Tôn chỉ cho tâm giác ngộ thanh tịnh.

**104.** Tất cả ngôn ngữ đều là Phật pháp. Nếu không có chỗ nói tức trọn ngày nói mà thấy là đạo. Nếu có chỗ nói tức trọn ngày làm thính mà chẳng phải đạo. Thế nên Như Lai nói chẳng nương nơi nín, nín chẳng nương nơi nói, nói chẳng lìa nín. Ngộ được nói và im lặng thấy đều ở trong tam-muội. Nếu người biết thời mà nói thì nói cũng được giải thoát.

Nếu người không biết thời mà nín thì nín cũng bị trói buộc. Cho nên nói mà lìa tướng thì nói cũng được giải thoát. Còn làm thính mà chấp tướng thì làm thính đó vẫn bị trói buộc.

Phàm văn tự bản tánh giải thoát, văn tự không đến hệ phược, hệ phược không đến văn tự.

**105.** Pháp không có cao thấp, nếu thấy cao thấp tức chẳng phải pháp vậy. Phi pháp là chiếc bè<sup>39</sup>. Pháp là người ngồi trên bè.

---

39 Đức Phật dụ giáo pháp của Như Lai như chiếc bè giúp băng qua con sông luân hồi sanh tử. Một khi đã đạt được mục tiêu, chiếc bè thành vô dụng.

A person who rides such a raft can cross that which isn't real. That's why it's real. According to the world there's male and female, rich and poor. According to the Way there's no male or female, no rich or poor. When the goddess realized the Way, she didn't change her sex. When the stable boy awakened to the Truth, he didn't change his status. Free of sex and status, they shared the same basic appearance. The goddess searched twelve years for her womanhood without success. To search twelve years for one's manhood would likewise be fruitless. The twelve years refer to the twelve entrances<sup>40</sup>.

**106.** Without the mind there's no buddha. Without the buddha there's no mind. Likewise, without water there's no ice, and without ice there's no water. Whoever talks about leaving the mind doesn't get very far. Don't become attached to appearances of the mind.

The sutras say, "When you see no appearance, you see the buddha." This is what's meant by being free from appearances of the mind.

**107.** Without the mind there's no buddha means that the buddha comes from the mind. The mind gives birth to the buddha. But although the buddha comes from the mind, the mind doesn't come from the buddha, just as fish come from water, but water doesn't come from fish.

---

40      *Twelve entrances.* The six organs and the six senses.

Người nương chiếc bè qua được chỗ phi pháp, đó là pháp. Dùng lời nói theo thể tục có nam nữ, có quý tiện. Dùng lời nói theo đạo thì không có nam nữ, quý tiện. Thế nên thiên nữ ngộ đạo không đổi hình nữ. Xa-nặc khi hiểu được lẽ chân đầu đổi dòng họ ti tiện. Đây không phải nam nữ, quý tiện đều do một tướng sao? Thiên nữ trong mười hai năm tìm tướng nữ không thể được, liền biết trong mười hai năm tìm tướng nam cũng không thể được. Mười hai năm đó tức là mười hai nhập<sup>40</sup>.

**106.** Lìa tâm không Phật. Lìa Phật không tâm. Cũng như lìa nước thì không băng, lìa băng thì không nước. Nói lìa tâm ấy chẳng phải xa lìa nơi tâm, mà chỉ khiến đừng mắc kẹt vào tướng của tâm.

Kinh nói: “Không thấy tướng gọi là thấy Phật,” tức là lìa tướng của tâm.

**107.** Lìa Phật không tâm ấy là nói Phật nơi tâm lưu xuất. Tâm hay sanh Phật, tuy Phật từ tâm sanh, mà Phật chưa từng sanh tâm. Cũng như cá sanh ở nước, nhưng nước không thể sanh nơi cá.

---

40 Mười hai nhập là sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) cộng với sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

Whoever wants to see a fish sees the water before he sees the fish. And whoever wants to see a buddha sees the mind before he sees the buddha. Once you've seen the fish, you forget about the water. And once you've seen the buddha, you forget about the mind. If you don't forget about the mind, the mind will confuse you, just as the water will confuse you if you don't forget about it.

**108.** Mortality and buddhahood are like water and ice. To be afflicted by the three poisons is mortality. To be purified by the three releases<sup>41</sup> is buddhahood. That which freezes into ice in winter melts into water in summer. Eliminate ice and there's no more water. Get rid of mortality and there's no more buddhahood. Clearly, the nature of ice is the nature of water. And the nature of water is the nature of ice. And the nature of mortality is the nature of buddhahood.

Mortality and buddhahood share the same nature, just as wutou and futzu<sup>42</sup> share the same root but not the same season. It's only because of the delusion of differences that we have the words mortality and buddhahood.

---

41      *Three releases.* Release from delusion, anger, and greed lies through the three doors to deliverance: no-self, no-form, and no-desire.

42      *Wutou and futzu.* An anesthetic is extracted from futzu, the secondary roots that grow from the base root of wutou (*Aconitum* or monkshood). The secondary roots don't develop until the plant's second year.

Cho nên muốn xem cá, chưa thấy cá mà trước đã thấy nước. Cũng vậy, muốn xem Phật, chưa thấy Phật mà trước đã thấy tâm. Tức biết đã thấy được cá thì phải quên nước, đã thấy được Phật thì phải quên tâm. Nếu không quên tâm thì sẽ bị tâm làm mê lầm. Nếu không quên nước thì sẽ bị nước làm mê lầm.

**108.** Chúng sanh với Bồ-đề cũng như nước với băng. Bị ba độc thiêu đốt gọi là chúng sanh. Vì ba môn giải thoát<sup>41</sup> thanh tịnh nên gọi là Bồ-đề. Mùa đông lạnh nên nước đông cứng gọi là băng. Mùa hạ tan chảy gọi là nước. Nếu bỏ băng tức là không riêng có nước. Nếu bỏ chúng sanh thì không riêng có Bồ-đề. Rõ biết tánh băng tức là tánh nước; tánh nước tức là tánh băng. Cũng vậy, tánh chúng sanh tức là tánh Bồ-đề.

Chúng sanh cùng với Bồ-đề đồng một tánh. Cũng như hai vị thuốc ô đầu và phụ tử<sup>42</sup> cùng chung một gốc, chỉ thời tiết chẳng đồng. Vì mê ngộ mà cảnh có khác, có hai tên chúng sanh và Bồ-đề.

---

41 Ba giải thoát là giải thoát khỏi tham-sân-si qua ba cửa giải thoát là vô ngã, vô tướng và vô nguyện.

42 Phụ tử là rễ chính của cây, ô đầu là rễ phụ từ đó trích ra được một chất có tính gây mê. Ô đầu chỉ phát triển vào năm thứ hai của cây.

When a snake becomes a dragon, it doesn't change its scales. And when a mortal becomes a sage, he doesn't change his face. He knows his mind through internal wisdom and takes care of his body through external discipline.

**109.** Mortals liberate buddhas and buddhas liberate mortals. This is what's meant by impartiality. Mortals liberate buddhas because affliction creates awareness. And buddhas liberate mortals because awareness negates affliction. There can't help but be affliction. And there can't help but be awareness. If it weren't for affliction, there would be nothing to create awareness. And if it weren't for awareness, there would be nothing to negate affliction. When you're deluded, buddhas liberate mortals. When you're aware, mortals liberate buddhas. Buddhas don't become buddhas on their own. They're liberated by mortals. Buddhas regard delusion as their father and greed as their mother.

Delusion and greed are different names for mortality. Delusion and mortality are like the left hand and the right hand. There's no other difference.

**110.** When you're deluded, you're on this shore. When you're aware, you're on the other shore. But once you know your mind is empty and you see no appearances, you're beyond delusion and awareness.

Rắn hóa thành rồng không đổi vảy. Phàm biến thành thánh chẳng đổi mặt. Chỉ biết tâm là trí chiếu soi bên trong và thân trong sạch là giới bên ngoài.

**109.** Chúng sanh độ Phật và Phật độ chúng sanh, gọi là bình đẳng. Chúng sanh độ Phật là phiền não sanh ngộ giải. Phật độ chúng sanh là ngộ giải diệt phiền não. Chẳng phải không phiền não, chẳng phải không ngộ giải.

Thế nên biết chẳng phải phiền não thì không do đâu sanh ngộ giải, chẳng phải ngộ giải thì không do đâu diệt phiền não. Khi mê thì Phật độ chúng sanh. Khi ngộ thì chúng sanh độ Phật. Vì có sao? Phật tự chẳng thành Phật, đều do chúng sanh độ. Chư Phật lấy vô minh làm cha và tham ái làm mẹ.

Vô minh và tham ái đều là tên khác của chúng sanh. Chúng sanh cùng vô minh cũng như tay trái với tay mặt, lại không có riêng khác.

**110.** Khi mê là ở bờ này. Khi ngộ là ở bờ kia. Nếu biết tâm không, chẳng thấy tướng thì lìa mê ngộ.

And once you're beyond delusion and awareness, the other shore doesn't exist. The tathagata isn't on this shore or the other shore. And he isn't in midstream. Arhats are in midstream and mortals are on this shore. On the other shore is buddhahood.

**111.** Buddhas have three bodies<sup>43</sup>: a transformation body, a reward body, and a real body. The transformation body is also called the incarnation body. The transformation body appears when mortals do good deeds, the reward body when they cultivate wisdom, and the real body when they become aware of the sublime. The transformation body is the one you see flying in all directions rescuing others wherever it can. The reward body puts an end to doubts. The Great Enlightenment occurred in the Himalayas suddenly becomes true. The real body doesn't do or say anything. It remains perfectly still.

But actually, there's not even one buddha-body, much less three. This talk of three bodies is simply based on human understanding, which can be shallow, moderate, or deep.

**112.** People of shallow understanding imagine they're piling up blessings and mistake the transformation body for the buddha.

---

<sup>43</sup> *Three bodies.* The *nirmanakaya* (Shakyamuni), the *sambhogakaya* (Amitabha), and the *dharmakaya* (Vairocana).



Đã lia mê ngộ, tức không bờ này bờ kia. Như Lai không ở bờ này, cũng chẳng ở bờ kia, chẳng ở ngay giữa dòng. Ở giữa dòng là chỉ cho người tiểu thừa. Bờ bên này chỉ cho phàm phu. Bờ bên kia chỉ cho Bồ-tát.

**111.** Phật có ba thân<sup>43</sup>: hóa thân, báo thân và Pháp thân. Nếu chúng sanh khi thường làm việc thiện là hóa thân Phật hiện. Chúng sanh tu trí tuệ là báo thân Phật hiện. Chúng sanh giác được pháp vô vi là Pháp thân Phật hiện. Bay đi mười phương tùy nghi mà cứu giúp chúng sanh là hóa thân Phật. Đoạn dứt mê hoặc, ở núi Tuyết thành đạo là báo thân Phật. Không nói không rằng, lặng lẽ thường trụ là Pháp thân Phật.

Nếu luận đến chỗ chí lý một Phật còn không thể được hà huống là ba. Đây nói ba thân căn cứ người trí có thượng, trung và hạ.

**112.** Người hạ trí do vọng dấy lên tạo phước lực, nên vọng thấy hóa thân Phật.

---

43 Ba thân: Hóa thân là Phật Thích-ca Mâu-ni, Báo thân là Phật A-di-đà và Pháp thân là Phật Tỳ-lô-giá-na.

People of moderate understanding imagine they're putting an end to suffering and mistake the reward body for the buddha. And people of deep understanding imagine they're experiencing buddhahood and mistake the real body for the buddha. But people of the deepest understanding look within, distracted by nothing. Since a clear mind is the buddha, they attain the understanding of a buddha without using the mind. The three bodies, like all other things, are unattainable and indescribable. The unimpeded mind reaches the Way.

The sutras say, "Buddhas don't preach the Dharma. They don't liberate mortals. And they don't experience buddhahood." This is what I mean.

**113.** Individuals create karma; karma doesn't create individuals. They create karma in this life and receive their reward in the next. They never escape. Only someone who's perfect creates no karma in this life and receives no reward. The sutras say, "Who creates no karma obtains the Dharma." This isn't an empty saying.

You can create karma, but you can't create a person. When you create karma, you're reborn along with your karma. When you don't create karma, you vanish along with your karma. Hence, with karma dependent on the individual and the individual dependent on karma.

Người trung trí vọng đoạn phiền não, nên vọng thấy báo thân Phật.

Người thượng trí vọng chứng Bồ-đề, nên vọng thấy Pháp thân Phật.

Người thượng thượng trí bên trong chiếu sáng tròn lặng lẽ. Sáng tâm tức là Phật, chẳng đổi tâm mà được Phật trí.

Biết ba thân cùng với muôn pháp đều không thể chấp, không thể nói, tức là tâm giải thoát, thành tựu đại đạo.

Kinh nói: “Phật chẳng nói Pháp, chẳng độ chúng sanh, chẳng chứng Bồ-đề” là ý này vậy.

**113.** Chúng sanh tạo nghiệp, nghiệp chẳng tạo chúng sanh. Đời nay tạo nghiệp thì đời sau thọ báo, không khi nào thoát khỏi. Chỉ bậc chí nhân ngay nơi thân này không tạo các nghiệp, nên không có thọ báo. Kinh nói: “Các nghiệp chẳng tạo, tự nhiên được đạo.”

Đâu phải là lời nói trống ư? Người hay tạo nghiệp, người không hay tạo người. Người nếu tạo nghiệp, nghiệp cùng người đồng sanh. Người nếu chẳng tạo nghiệp, nghiệp cùng người đồng diệt. Thế nên biết nghiệp do người tạo, người do nghiệp sanh.

If an individual doesn't create karma, karma has no hold on him. In the same manner, "A person can enlarge the Way. The Way can't enlarge a person<sup>44</sup>."

**114.** Mortals keep creating karma and mistakenly insist that there's no retribution. But can they deny suffering? Can they deny that what the present state of mind sows the next state of mind reaps? How can they escape? But if the present state of mind sows nothing, the next state of mind reaps nothing. Don't misconceive karma.

**115.** The sutras say, "Despite believing in buddhas, people who imagine that buddhas practice austerities aren't Buddhists. The same holds for those who imagine that buddhas are subject to rewards of wealth or poverty. They're icchantikas. They're incapable of belief."

**116.** Someone who understands the teaching of sages is a sage. Someone who understands the teaching of mortals is a mortal. A mortal who can give up the teaching of mortals and follow the teaching of sages becomes a sage. But the fools of this world prefer to look for sages far away. They don't believe that the wisdom of their own mind is the sage.

---

<sup>44</sup> *A person can enlarge the Way. The Way can't enlarge a person.* A statement by Confucius. (*Analects*, Chapter 15).

Người nếu chẳng tạo nghiệp tức nghiệp không do người sanh. Cũng như ‘người hay hoăng đạo mà đạo không hay hoăng người<sup>44</sup>.’

**114.** Ngày nay phàm phu thường tạo nghiệp, rồi dối nói là không có quả báo. Đâu chẳng khổ thay? Nếu bàn tới chỗ chí lý thì tâm trước tạo nghiệp tâm sau thọ báo, không khi nào thoát khỏi. Nếu tâm trước không tạo, tâm sau không thọ báo. Vậy chớ làm nghiệp báo.

**115.** Kinh nói: “Tuy tin có Phật mà nói Phật khổ hạnh, đó là tà kiến. Tuy tin có Phật mà nói Phật bị quả báo nạn kim cương mã mạch (*ăn lúa của ngựa, thương vàng đâm chân*), đó là lòng tin chẳng đủ, gọi là nhất-xiển-đề.”

**116.** Hiểu thánh pháp gọi là thánh nhân, hiểu phàm pháp gọi là phàm phu. Chỉ hay bỏ pháp phàm đến pháp thánh tức là phàm phu thành thánh nhân vậy. Người ngu ở thế gian chỉ muốn đi xa để cầu thánh nhân, không tin tâm tuệ giải là thánh nhân.

---

44      Câu này trích từ Luận Ngữ (chương 15) của Khổng Tử.

The sutras say, “Among men of no understanding, don’t preach this sutra.” And the sutras say, “Mind is the teaching.” But people of no understanding don’t believe in their own mind or that by understanding this teaching they can become a sage. They prefer to look for distant knowledge and long for things in space, buddha-images, light, incense, and colors. They fall prey to falsehood and lose their minds to insanity.

**117.** The sutras say, “When you see that all appearances are not appearances, you see the tathagata.” The myriad doors to the truth all come from the mind. When appearances of the mind are as transparent as space, they’re gone.

**118.** Our endless sufferings are the roots of illness. When mortals are alive, they worry about death. When they’re full, they worry about hunger. Theirs is the Great Uncertainty. But sages don’t consider the past. And they don’t worry about the future. Nor do they cling to the present. And from moment to moment they follow the Way. If you haven’t awakened to this great truth, you’d better look for a teacher on earth or in the heavens. Don’t compound your own deficiency.

\*

Kinh nói: “Đối với người không có trí, chớ nói kinh này.” Kinh này chỉ cho tâm hay pháp vậy. Người vô trí không tin được tâm này, không hiểu được pháp này thành bậc thánh nhân, chỉ muốn đi xa cầu học cái bên ngoài, ưa thích hình tướng Phật ở trong hư không, hào quang sáng, mùi hương, hình sắc. Những việc ấy cho đó là đi tìm Phật, họ đều rơi vào tà kiến, mất tâm, sanh ra cuồng loạn.

**117.** Kinh nói: “Nếu thấy các tướng không phải tướng, tức thấy Như Lai.” Tám vạn bốn ngàn pháp môn trọn do một tâm khởi. Nếu tâm tướng được thanh tịnh như hư không tức xa lìa được thân tâm.

**118.** Cái gốc bệnh tám muôn bốn ngàn phiền não ở trong thân tâm. Phàm phu đang sống lo chết, đang no lo đói, gọi là đại ngu. Sở dĩ bậc chí nhân không mưu toan việc trước, không lo âu việc sau, không đắm luyện việc hiện tại, niệm niệm trở về đạo. Nếu chưa ngộ được lý này nên sớm tìm thầy ở thế gian hay cõi trời, không nên bỏ qua.

\*

## BREAKTHROUGH SERMON

**119.** *If someone is determined to reach enlightenment, what is the most essential method he can practice?*

**120.** The most essential method, which includes all other methods, is beholding the mind.

**121.** *But how can one method include all others?*

**122.** The mind is the root from which all things grow. If you can understand the mind, everything else is included. It's like the root of a tree. All a tree's fruit and flowers, branches and leaves depend on its root. If you nourish its root, a tree multiplies. If you cut its root, it dies. Those who understand the mind reach enlightenment with minimal effort. Those who don't understand the mind practice in vain. Everything good and bad comes from your own mind. To find something beyond the mind is impossible.

**123.** *But how can beholding the mind be called understanding?*

**124.** When a great bodhisattva delves deeply into perfect wisdom, he realizes that the four elements and five shades are devoid of a personal self<sup>45</sup>.

---

<sup>45</sup> This is a paraphrase of the opening line of the *Heart Sutra*.



## PHÁ TƯỚNG LUẬN

**119. HỎI:** *Nếu có người chỉ cầu Phật đạo thì phải tu theo pháp gì thật là tinh yếu?*

**120. ĐÁP:** Chỉ quán tâm. Đó là một pháp tổng nhiếp hết các pháp nên rất là tinh yếu.

**121. HỎI:** *Sao nói một pháp hay nhiếp hết các pháp?*

**122. ĐÁP:** Tâm là cội gốc của muôn pháp. Tất cả các pháp chỉ do tâm mà sanh. Nếu hay liễu được tâm thì muôn pháp đều đầy đủ, ví như cây to có những cành lá và hoa quả đều y nơi gốc sanh ra. Khi sấn sóc ở gốc thì cây sinh sôi nảy nở. Khi chặt cây đào gốc ắt cây phải chết.

Nếu liễu được tâm tu hành thì ít tốn công lực mà dễ thành. Còn không liễu được tâm tu hành thì phí công nhiều mà vô ích. Nên biết tất cả thiện ác đều do tâm mình. Ngoài tâm riêng cầu gì khác trọn không có lẽ ấy.

**123. HỎI:** *Thế nào quán tâm gọi là liễu?*

**124. ĐÁP:** Bồ-tát Ma-ha-tát khi hành thâm pháp bát-nhã ba-la-mật-đa, rõ tứ đại ngũ uẩn vốn không, vô ngã<sup>45</sup>.

And he realizes that the activity of his mind has two aspects: pure and impure. By their very nature, these two mental states are always present. They alternate as cause or effect depending on conditions, the pure mind delighting in good deeds, the impure mind thinking of evil. Those who aren't affected by impurity are sages. They transcend suffering and experience the bliss of nirvana. All others, trapped by the impure mind and entangled by their own karma, are mortals. They drift through the three realms and suffer countless afflictions, and all because their impure mind obscures their real self.

**125.** The Sutra of Ten Stages<sup>46</sup> says, "In the body of mortals is the indestructible buddha-nature. Like the sun, its light fills endless space. But once veiled by the dark clouds of the five shades, it's like a light inside a jar, hidden from view." And the Nirvana Sutra says, "All mortals have the buddha-nature. But it's covered by darkness from which they can't escape. Our buddha-nature is awareness: to be aware and to make others aware. To realize awareness is liberation." Everything good has awareness for its root. And from this root of awareness grow the tree of all virtues and the fruit of nirvana. Beholding the mind like this is understanding.

---

<sup>46</sup> The *Sutra of Ten Stages*, which details the stages through which a bodhisattva passes on his way to buddhahood, is a version of a chapter by the same title in the *Avatamsaka Sutra*.

Rồi liễu kiến, tự tâm khởi dụng có hai thứ sai biệt, một là tịnh tâm, hai là nhiễm tâm. Hai tâm pháp này tự nhiên xưa nay đều có, tuy giả duyên hợp mà hỗ tương đối đãi. Tâm tịnh hằng ưa nhân lành, còn nhiễm thì thường suy nghĩ nghiệp ác. Nếu không thọ nhiễm thì gọi là thánh, xa lìa các khổ đau, chứng được cái vui Niết-bàn. Còn theo tâm nhiễm mà tạo nghiệp ắt chịu trôi buộc, gọi là phàm. Họ chìm đắm trong tam giới, chịu các thứ khổ. Vì có sao? Vì do tâm nhiễm kia che lấp thể chân như.

**125.** Kinh Thập Địa<sup>46</sup> nói: “Trong thân chúng sanh có Phật tánh kim cương ví như vàng nhật ánh sáng tròn đầy, rộng lớn không bờ mé. Nhưng chỉ vì những lớp mây ngũ âm che đậy, ví như trong bình để ngọn đèn sáng mà không thể phát sáng được.” Kinh Niết-bàn lại nói: “Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, vì vô minh che đậy nên không được giải thoát. Phật tánh này tức là tánh giác: tự giác và giác tha, tri giác sáng suốt gọi là giải thoát.” Nên biết tất cả thiện đều lấy giác làm gốc. Nhân gốc giác này liền hay hiển hiện tất cả cây công đức và quả Niết-bàn thành tựu. Quán tâm như vậy gọi là liễu.

---

46 Kinh Thập Địa mô tả những quả vị Bồ-tát phải trải nghiệm trên đường thành Phật, và cũng là nội dung một chương cùng tên trong kinh Hoa Nghiêm.

**126.** *You say that our true buddha-nature and all virtues have awareness for their root, what is the root of ignorance?*

**127.** The ignorant mind, with its infinite afflictions, passions, and evils, is rooted in the three poisons: greed, anger, and delusion. These three poisoned states of mind themselves include countless evils, like trees that have a single trunk but countless branches and leaves. Yet each poison produces so many more millions of evils that the example of a tree is hardly a fitting comparison.

**128.** The three poisons are present in our six sense organs<sup>47</sup> as six kinds of consciousness<sup>48</sup>, or thieves. They're called thieves because they pass in and out of the gates of the senses, covet limitless possessions, engage in evil, and mask their true identity.

And because mortals are misled in body and mind by these poisons or thieves, they become lost in life and death.

---

47      *Six sense organs.* The eyes, ears, nose, tongue, skin, and mind.

48      *Six kinds of consciousness.* The varieties of consciousness associated with sight, hearing, smell, taste, touch, and thought. The *Lankavatara* breaks thought into comprehension, discrimination and (tathagata) memory for a total of eight forms of consciousness.

**126. HỎI:** *Trên nói chân như Phật tánh và tất cả công đức nhân nơi giác làm gốc. Chưa biết tâm vô minh lấy gì làm gốc?*

**127. ĐÁP:** Tâm vô minh có tám muôn bốn ngàn phiền não, ái dục và hăng hà sa số điều ác, đều lấy tam độc tham-sân-si làm gốc. Tâm ba độc này tự đầy đủ tất cả điều ác. Từ một gốc ba độc này sanh ra trăm ngàn muôn ức nghiệp ác.

**128.** Từ trong bản thể của tâm ba độc ứng hiện ra vào nơi sáu căn<sup>47</sup>, cũng gọi là lục tặc, tức là sáu thức<sup>48</sup>. Do sáu thức này ra vào nơi sáu căn, rồi tham trước vạn cảnh tạo thành nghiệp ác chướng ngại thể chân như nên gọi là lục tặc.

Chúng sanh do ba độc và sáu giác làm loạn thân tâm, rồi chìm đắm trong sanh tử.

---

47 Sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn (bộ não).

48 Sáu thức là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và tâm ý thức. Kinh Lăng-già chia tâm ý thức ra ý thức phân biệt, thức chấp ngã, và Như lai tạng, tổng cộng tám thức.

They wander through the six states of existence<sup>49</sup>, and suffer countless afflictions. These afflictions are like rivers that surge for a thousand miles because of the constant flow of small springs. But if someone cuts off their source, rivers dry up. And if someone who seeks liberation can turn the three poisons into the three sets of precepts and the six thieves into the six paramitas, he rids himself of affliction once and for all.

**129.** *But the three realms and six states of existence are infinitely vast. How can we escape their endless afflictions if all we do is behold the mind?*

**130.** The karma of the three realms comes from the mind alone. If your mind isn't within the three realms, it's beyond them. The three realms correspond to the three poisons: greed corresponds to the realm of desire, anger to the realm of form, and delusion to the formless realm. And because karma created by the poisons can be gentle or heavy, these three realms are further divided into six places known as the six states of existence.

**131.** *And how does the karma of these six differ?*

---

49 *Six states of existence.* The basic varieties of existence through which beings move, whether thought after thought or life after life, until they attain enlightenment and escape from the wheel of suffering. Suffering on this wheel is relative. Gods in heaven lead mostly blissful lives, while the sufferers in hell go from pain to pain. Demons and men experience more suffering than gods but less than hungry ghosts and beasts.

Luân hồi trong lục thú (*sáu nẻo*)<sup>49</sup>, chịu các thứ khổ não. Khổ não ví như sông rạch, như nơi nguồn suối nhỏ chảy mãi không dứt. Nếu có người chặn bít nguồn suối kia, các dòng đều theo đó mà dứt. Người cầu giải thoát có thể chuyển ba độc thành ba nhóm tịnh giới và chuyển sáu giác thành sáu ba-la-mật, tự nhiên hằng lìa xa tất cả biển khổ.

**129. HỎI:** *Lục thú, tam giới rộng lớn vô biên, nếu quán tâm thì do đâu mà thoát được cái khổ vô cùng?*

**130. ĐÁP:** Nghiệp báo trong tam giới chỉ do một tâm sanh. Nếu tâm không thì tuy ở trong tam giới mà ra khỏi tam giới, tam giới là tam độc. Tham là dục giới. Sân là sắc giới. Si là vô sắc giới. Do tam độc này tạo nghiệp nhẹ hoặc nặng nên phải chịu quả báo chẳng đồng. Tam giới này phân ra làm sáu chỗ, nên gọi là lục thú (*sáu nẻo*).

**131. HỎI:** *Thế nào là nhẹ nặng phân làm sáu nẻo?*

---

49      Lục thú là sự hiện hữu đa dạng mà chúng sanh phải trải qua, niệm này qua niệm sau hoặc đời này qua đời sau, cho đến khi giác ngộ và giải thoát khỏi luân hồi khổ não. Chư thiên ở cõi trời có đời sống sung sướng nhất, trong khi ở địa ngục chúng sanh chịu cực hình đau đớn. Cõi a-tu-la và người chịu đau khổ nhiều hơn chư thiên nhưng ít hơn loài nga quỳ và súc sanh.

**132.** Mortals who don't understand true practice<sup>50</sup> and blindly perform good deeds are born into the three higher states of existence within the three realms.

And what are these three higher states? Those who blindly perform the ten good deeds<sup>51</sup> and foolishly seek happiness are born as gods in the realm of desire.

Those who blindly observe the five precepts<sup>52</sup> and foolishly indulge in love and hate are born as men in the realm of anger. And those who blindly cling to the phenomenal world, believe in false doctrines, and pray for blessings are born as demons in the realm of delusion. These are the three higher states of existence.

**133.** *And what are the three lower states?* They're where those who persist in poisoned thoughts and evil deeds are born. Those whose karma from greed is greatest become hungry ghosts. Those whose karma from anger is greatest become sufferers in hell. And those whose karma from delusion is greatest become beasts. These three lower states together with the previous three higher states form the six states of existence.

---

50 *True practice.* Practice that leads directly to enlightenment, as opposed to practice that leads to another stage of practice. Here true practice refers to beholding the mind.

51 *Ten good deeds.* These include the avoidance of the ten evil deeds, namely, murder, theft, adultery, falsehood, slander, profanity, gossip, avarice, anger, and advocating false views.

52 *Five precepts.* These are for lay Buddhists. They are injunctions against murder, theft, adultery, falsehood, and intoxication.



**132. ĐÁP:** Chúng sanh chẳng rõ chánh nhân<sup>50</sup>, tâm mê tu thiện nên chưa ra khỏi ba cõi mà sanh vào ba nẻo nhẹ. Thế nào là ba nẻo nhẹ?

- tâm mê tu thập thiện<sup>51</sup>, mong cầu vui thích thì chưa ra khỏi tham giới nên sanh vào nẻo trời dục giới;

- tâm mê giữ năm giới<sup>52</sup>, vọng khởi thương/ghét chưa ra khỏi sân giới thì sanh vào nẻo người;

- si mê chấp các pháp hữu vi, tin tà cầu phước nên chưa ra khỏi si giới thì sanh vào nẻo a-tu-la.

Đó là ba loại chúng sanh, gọi là trong thế giới nhẹ.

**133. Thế nào là ba nẻo nặng?**

Chỗ gọi là buông lung theo tâm ba độc, chỉ tạo nghiệp ác thì rơi vào ba nẻo nặng.

Nếu nghiệp tham nặng thì rơi vào nẻo nga quỷ.

Nếu nghiệp sân nặng thì rơi vào nẻo địa ngục.

Nếu nghiệp si nặng thì rơi vào nẻo súc sanh.

Như thế ba lớp nặng chung với ba lớp nhẹ trước liền thành ra sáu nẻo (*lục thú*) luân hồi.

---

50 Chánh nhân là nhân tu dẫn trực tiếp đến giác ngộ, ngược với pháp tu khác theo thứ bậc. Ở đây chánh nhân là quán tâm mình.

51 Thập thiện là tránh làm mười điều ác: sát, trộm, tà hạnh, nói dối, nói thô ác, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, tham dục, sân, tà kiến. Năm giới dành cho Phật tử tại gia là không: sát, trộm, tà hạnh, nói dối và uống rượu và các chất say.

52 Năm giới dành cho Phật tử tại gia là không: sát, trộm, tà hạnh, nói dối và uống rượu và các chất say.

From this you should realize that all karma, painful or otherwise, comes from your own mind. If you can just concentrate your mind and transcend its falsehood and evil, the suffering of the three realms and six states of existence will automatically disappear. And once free from suffering, you're truly free.

**134.** *But the Buddha said, "Only after undergoing innumerable hardships for three asankhya kalpas<sup>53</sup> did I achieve enlightenment." Why do you now say that simply beholding the mind and overcoming the three poisons is liberation?*

**135.** The words of the Buddha are true. But the three asankhya kalpas refer to the three poisoned states of mind. What we call asankhya in Sanskrit you call countless. Within these three poisoned states of mind are countless evil thoughts. And every thought lasts a kalpa. Such an infinity is what the Buddha meant by the three asankhya kalpas.

**136.** Once your real self becomes obscured by the three poisons, how can you be called liberated until you overcome their countless evil thoughts?

---

<sup>53</sup> *Three asankhya kalpas.* A universe is marked by three phases: creation, duration, and destruction. Each lasts countless (*asankhya*) kalpas. A fourth phase of emptiness between universes isn't included here because it contains no hardships.

Nên biết tất cả nghiệp khổ đều do tâm mình sanh. Chỉ hay nhiếp được tâm thì lìa được các tà ác, cái khổ luân hồi trong tam giới, lục thú tự nhiên tiêu diệt, liền được giải thoát.

**134. HỎI:** *Như Phật đã nói: “Ta ở trong ba A-tăng-kỳ kiếp<sup>53</sup>, vô lượng siêng năng khổ hạnh mới thành Phật đạo.” Tại sao ngày nay nói chỉ quán tâm thì chế ngự ba độc là giải thoát?*

**135. ĐÁP:** Phật đã nói ra thì không có hư dối. Ba A-tăng-kỳ kiếp tức là tam ba độc vậy. Tâm ba độc ấy có hằng hà sa số niệm ác, và ở trong mỗi niệm ác đều là một kiếp. Như thế hằng hà sa số không tính kể nên nói tam đại A-tăng-kỳ.

**136.** Tánh chân như bị tam độc che đậy, nếu không vượt qua ba đại hằng sa ác độc này làm sao gọi là giải thoát?

---

53      Vũ trụ vận hành theo ba chu kỳ là sinh, trụ và diệt. Mỗi chu kỳ là một kiếp.

People who can transform the three poisons of greed, anger, and delusion into the three releases are said to pass through the three asankhya kalpas. But people of this final age are the densest of fools. They don't understand what the Tathagata really meant by the three asankhya kalpas. They say enlightenment is only achieved after endless kalpas and thereby mislead disciples to retreat on the path to buddhahood.

*137. But the great bodhisattvas have achieved enlightenment only by observing the three sets of precepts<sup>54</sup> and practicing the six paramitas. Now you tell disciples merely to behold the mind. How can anyone reach enlightenment without cultivating the rules of discipline?*

**138.** The three sets of precepts are for overcoming the three poisoned states of mind. When you overcome these poisons, you create three sets of limitless virtue. A set gathers things together in this case, countless good thoughts throughout your mind. And the six paramitas are for purifying the six senses.

---

54 *Three sets of precepts:* There are five for ordinary lay Buddhists, eight for the more devout members of the laity, and ten for novice monks and nuns. The first five are injunctions against murder, theft, adultery, falsehood, and intoxication. To these five are added injunctions against bodily adornment (garlands, jewelry, and perfume), bodily comfort (soft beds), and overeating (eating after the noon meal).

Nay nếu chuyên tham-sân-si ba độc làm ba thứ giải thoát, gọi là được qua ba A-tăng-kỳ kiếp. Chúng sanh đời mạt pháp ngu si, độn căn, không hiểu lời nói bí mật của Như Lai về ba đại A-tăng-kỳ, bèn nói thành Phật phải qua vô số kiếp nhiều như vi trần. Đây đâu khỏi làm nghi lầm những người tu hành khiến họ thoái Bồ-đề đạo.

**137. HỎI:** *Bồ-tát Ma-ha-tát do trì tam tụ tịnh giới<sup>54</sup>, hành lục pháp ba-la-mật mới thành Phật đạo. Nay bảo người học chỉ cần quán tâm, không tu giới hạnh thì làm sao thành Phật?*

**138. ĐÁP:** Tam tụ tịnh giới là ngăn tâm ba độc thành ra vô lượng nhóm thiện. Vô lượng pháp thiện hội họp nơi tâm nên gọi là tam tụ tịnh giới. Lục Ba-la-mật ấy tức là tịnh sáu căn.

---

54 Ba tụ tịnh giới gồm:

1- Năm giới cho cư sĩ tại gia (xem ghi chú số 20),

2- Tám giới cho cư sĩ nhiệt tâm tu (năm giới trên cộng thêm ba giới,

- không trang sức và xức dầu thơm,
- không nằm giường cao,
- không ăn phi thời - sau bữa trưa),

3- Mười giới cho Sa-di và Sa-di-ni.

What we call paramitas you call means to the other shore<sup>55</sup>. By purifying your six senses of the dust of sensation, the paramitas ferry you across the River of Affliction to the Shore of Enlightenment.

**139.** *According to the sutras, the three sets of precepts are, “I vow to put an end to all evils. I vow to cultivate all virtues. And I vow to liberate all beings.” But now you say they’re only for controlling the three poisoned states of mind. Isn’t this contrary to the meaning of the scriptures?*

**140.** The sutras of the Buddha are true. But long ago, when that great bodhisattva was cultivating the seed of enlightenment, it was to counter the three poisons that he made his three vows. Practicing moral prohibitions to counter the poison of greed, he vowed to put an end to all evils. Practicing meditation to counter the poison of anger, he vowed to cultivate all virtues. And practicing wisdom to counter the poison of delusion, he vowed to liberate all beings.

---

55      *Paramitas...means to the other shore.* The six paramitas begin with charity and proceed through morality and patience, devotion and meditation to wisdom. Lkening the paramitas to a boat that ferries people to the other shore, Buddhists see charity as the emptiness without which a boat can’t float, morality as the keel, patience the hull, devotion the mast, meditation the sail, and wisdom the tiller.

Người Ấn Độ gọi là ba-la-mật<sup>55</sup> tức bờ bên kia. Người Trung Hoa gọi là đến bờ bên kia. Do sáu căn thanh tịnh không nhiễm theo sáu trần, tức là qua được con sông phiền não, đến bờ Bồ-đề.

**139. HỎI:** Như kinh nói, ba tụ tịnh giới là: ‘Thề đoạn tất cả ác, thề tu tất cả thiện, thề độ tất cả chúng sanh.’ Nay nói chỉ cần chế phục tâm ba độc, đâu không phải vẫn nghĩa có chỗ trái nhau?

**140. ĐÁP:** Phật nói là lời chân thực. Bồ-tát Ma-ha-tát nơi quá khứ trong lúc tu nhân vì đối trị ba độc phát ba thệ nguyện là:

- Đoạn tất cả ác nên thường trì giới đối với tham độc;
- Tu tất cả thiện nên thường tập định đối với sân độc;
- Độ tất cả chúng sanh nên thường tu trí tuệ đối với si độc.

---

55 Sáu pháp ba-la-mật: Xem đoạn 24. Ví như chiếc bè đưa chúng sanh qua bờ bên kia, cái không dụ cho bố thí (nếu không có, bè không nổi lên mặt nước được), lườn tàu dụ cho trì giới, thân tàu dụ cho nhẫn nhục, tinh tấn dụ cho cột buồm, cánh buồm dụ cho thiền định, và bánh lái dụ cho trí tuệ.

Because he persevered in these three pure practices of morality, meditation, and wisdom, he was able to overcome the three poisons and reach enlightenment. By overcoming the three poisons he wiped out everything sinful and thus put an end to evil. By observing the three sets of precepts he did nothing but good and thus cultivated virtue. And by putting an end to evil and cultivating virtue he consummated all practices, benefited himself as well as others, and rescued mortals everywhere. Thus he liberated beings.

**141.** You should realize that the practice you cultivate doesn't exist apart from your mind. If your mind is pure, all buddha-lands are pure. The sutras say, "If their minds are impure, beings are impure. If their minds are pure, beings are pure." And "To reach a buddha-land, purify your mind. As your mind becomes pure, buddha-lands become pure." Thus by overcoming the three poisoned states of mind the three sets of precepts are automatically fulfilled.

**142.** *But the sutras say the six paramitas are charity, morality, patience, devotion, meditation, and wisdom. Now you say the paramitas refer to the purification of the senses. What do you mean by this? And why are they called ferries?*



Do trì giới-định-tuệ ba pháp thanh tịnh hay tiêu diệt ba độc mà thành Phật đạo.

- Điều ác diệt gọi là đoạn.

- Điều thiện đầy đủ gọi là tu.

Do hay đoạn ác tu thiện mà muôn hạnh thành tựu, tự và tha đều lợi, khắp cứu giúp quần sanh, gọi là độ.

**141.** Nên biết chỗ tu giới hạnh chẳng lìa nơi tâm. Nếu tự tâm thanh tịnh thì tất cả Phật độ đều thanh tịnh. Nên kinh nói: “Tâm cấu thì chúng sanh cấu. Tâm tịnh thì chúng sanh tịnh. Muốn đến nước Phật, trước cần tịnh tâm. Tùy tâm mình tịnh, xứ Phật tịnh theo. Ba tụ tịnh giới tự nhiên thành tựu.”

**142. HỎI:** *Như kinh nói, sáu ba-la-mật cũng gọi là sáu độ, tức là: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, và trí tuệ. Nay nói sáu căn thanh tịnh gọi là ba-la-mật thì làm sao mà thông hội được? Lại sáu độ nghĩa ấy thế nào?*

**143.** Cultivating the paramitas means purifying the six senses by overcoming the six thieves. Casting out the thief of the eye by abandoning the visual world is charity. Keeping out the thief of the ear by not listening to sounds is morality. Humbling the thief of the nose by equating all smells as neutral is patience. Controlling the thief of the mouth by conquering desires to taste, praise, and explain is devotion. Quelling the thief of the body by remaining unmoved by sensations of touch is meditation. And taming the thief of the mind by not yielding to delusions but practicing wakefulness is wisdom.

These six paramitas are transports. Like boats or rafts, they transport beings to the other shore. Hence they're called ferries.

**144.** *But when Shakyamuni was a bodhisattva, he consumed three bowls of milk and six ladles of gruel<sup>56</sup> prior to attaining enlightenment. If he had to drink milk before he could taste the fruit of buddhahood, how can merely beholding the mind result in liberation?*

**145.** What you say is true. That is how he attained enlightenment. He had to drink milk before he could become a buddha. But there are two kinds of milk.

---

<sup>56</sup> *Milk ... gruel.* After engaging in ascetic practices for a number of years to no avail, Shakyamuni broke his fast by drinking this milk-gruel offered by Nandabala, daughter of a cowherd chieftain. After drinking it, he sat down under a tree and resolved not to rise until he had attained enlightenment.

**143. ĐÁP:** Muốn tu sáu độ, phải tịnh sáu căn, phải hàng phục lục tặc. Hay xả nhãn tặc (*giặc mắt*), lìa được cảnh sắc, gọi là bố thí. Hay cầm nhĩ tặc, không buông lung theo thanh trần, gọi là trì giới. Hay nhiếp phục tỉ tặc, đồng bình đẳng với các mùi thơm hôi, tự tại điều hòa, gọi là nhẫn nhục. Hay chế phục thiệt tặc, không tham các vị và ca ngâm xướng vịnh, gọi là tinh tấn. Hay hàng phục thân tặc, đối với xúc lặng lẽ chẳng động, gọi là thiền định. Hay điều phục ý tặc, không thuận theo vô minh, thường tu giác tuệ, gọi là trí tuệ.

Sáu độ là vận chuyển. Sáu ba-la-mật như chiếc thuyền hay chiếc bè vận chuyển chúng sanh đến nơi bờ kia. Nên gọi là sáu độ.

**144. HỎI:** Trong kinh nói: “Đức Thích-ca Như Lai khi còn là Bồ-tát từng uống ba đấu sáu thăng sữa đặc (nhũ mi)<sup>56</sup> mới thành Phật đạo. Như vậy, trước hơn uống sữa sau mới chứng Phật đạo, đâu chỉ quán tâm mà được giải thoát ư?

**145. ĐÁP:** Như chỗ ông nói đều không hư dối. Quyết rằng nhân uống sữa sau mới thành Phật. Nhưng nói uống sữa có hai thứ:

---

56 Sau khi đức Phật tu sáu năm khổ hạnh không kết quả, ngài không nhịn ăn nữa và uống bát cháo sữa của một tín nữ tên là Nandabala, con của người chăn bò. Uống sữa xong, ngài ngồi dưới một cội cây phát nguyện sẽ không đứng lên nếu không giác ngộ.

That which Shakyamuni drank wasn't ordinary impure milk but pure dharma-milk. The three bowls were the three sets of precepts. And the six ladles were the six paramitas. When Shakyamuni attained enlightenment, it was because he drank this pure dharma-milk that he tasted the fruit of buddhahood. To say that the Tathagata drank the worldly concoction of impure, rank-smelling cow's milk is the height of slander. That which is truly so, the indestructible, passionless dharma-self, remains forever free of the world's afflictions. Why would it need impure milk to satisfy its hunger or thirst?

**146.** The sutras say, "This ox doesn't live in the highlands or the lowlands. It doesn't eat grain or chaff. And it doesn't graze with cows. The body of this ox is the color of burnished gold." The ox refers to Vairocana.

Owing to his great compassion for all beings, he produces from within his pure dharma-body the sublime dharma-milk of the three sets of precepts and six paramitas to nourish all those who seek liberation.

The pure milk of such a truly pure ox not only enabled the Tathagata to achieve buddhahood but also enables any being who drinks it to attain unexcelled, complete enlightenment.

Phật uống sữa chẳng phải thứ sữa bất tịnh ở thế gian mà là sữa pháp thanh tịnh. Ba đầu là ba tụ tịnh giới. Sáu thẳng là sáu ba-la-mật. Thành Phật là do uống sữa pháp thanh tịnh mới chứng được quả Phật. Nếu nói Như Lai uống sữa bò, do tinh ba của sữa phối hợp những điều bất tịnh ở thế gian có phải chê bai nghi lắm lắm ư? Vì chơn như tợ kim cang bất hoại, pháp thân vô lậu hằng là tất cả khỗ thế gian, đâu phải thứ sữa bất tịnh như thế mà nuôi dưỡng no đủ cái đói khát sao?

**146.** Như lời kinh nói, bò ấy chẳng ở cao nguyên, chẳng ở chỗ ẩm thấp, chẳng ăn các thứ lúa mạch, lúa gạo hay là bắp, chẳng cùng bò đực ở chung. Thân bò thì màu vàng chói. Bò ấy chỉ cho Phật Tì-lô-xá-na.

Do lòng từ bi thương xót tất cả cho nên từ pháp thể thanh tịnh lưu xuất ra pháp nhũ vi diệu của ba món tịnh giới và lục Ba-la-mật để nuôi dưỡng tất cả những người cầu giải thoát.

Sữa thanh tịnh của con bò chân tịnh như thế chẳng phải chỉ có Đức Như Lai uống được thành Phật đạo mà tất cả chúng sanh nếu hay uống được cũng đều được vô thượng chánh đẳng chánh giác.

**147.** *Throughout the sutras the Buddha tells mortals they can achieve enlightenment by performing such meritorious works as building monasteries, casting statues, burning incense, scattering flowers, lighting eternal lamps, practicing all six periods<sup>57</sup> of the day and night, walking around stupas<sup>58</sup>, observing fasts, and worshipping. But if beholding the mind includes all other practices, then such works as these would appear redundant.*

**148.** The sutras of the Buddha contain countless metaphors. Because mortals have shallow minds and don't understand anything deep, the Buddha used the tangible to represent the sublime. People who seek blessings by concentrating on external works instead of internal cultivation are attempting the impossible.

**149.** What you call a monastery we call a sangharama, a place of purity. But whoever denies entry to the three poisons and keeps the gates of his senses pure, his body and mind still, inside and outside clean, builds a monastery.

---

<sup>57</sup> *Six periods.* Morning, noon, afternoon, evening, midnight, and predawn.

<sup>58</sup> *Stupas.* A stupa is a mound of earth or any structure erected over the remains, relics, or scriptures of a buddha. Walking around stupas is done in a clockwise direction, with the right shoulder always pointed toward the stupa.

**147. HỎI:** Trong kinh nói, Phật dạy chúng sanh phải tu tạo ngôi già-lam, đúc hoặc vẽ hình tượng Phật, đốt hương tán hoa, thắp đèn sáng luôn ngày đêm ngày sáu thời<sup>57</sup>, đi nhiều tháp<sup>58</sup> hành đạo, trì trai, lễ bái - mọi thứ công đức như vậy mới thành Phật đạo. Nếu chỉ quán tâm mà tổng nhiếp hết các hạnh, nói như vậy là hư dối sao?

**148. ĐÁP:** Phật nói kinh dùng vô lượng phương tiện do vì tất cả chúng sanh độn căn yếu kém không ngộ được ý nghĩa thâm thâm, sở dĩ mượn pháp hữu vi để dụ cho pháp vô vi. Nếu người chẳng tu nội hạnh, duy chỉ cầu bên ngoài mong được phước thì không thể có được.

**149.** “Già-lam” là tiếng Ấn Độ, Trung Hoa dịch “thanh tịnh địa” là chỗ đất thanh tịnh. Nếu hằng trừ ba độc, thường tịnh được lục căn, thân tâm lặng lẽ, trong ngoài thanh tịnh, ấy là tu tạo già-lam.

---

57 Sáu thời là: 1/Sáng, 2/giữa trưa, 3/chiều, 4/tối, 5/giữa khuya, và 6/hừng đông.

58 Tháp là chỗ thờ xá-lợi hoặc kinh Phật. Nhiều tháp là đi vòng quanh tháp theo chiều kim đồng hồ, với vai mặt luôn hướng về tháp.

**150.** Casting statues refers to all practices cultivated by those who seek enlightenment. The Tathagata's sublime form can't be represented by metal.

Those who seek enlightenment regard their bodies as the furnace, the Dharma as the fire, wisdom as the craftsmanship, and the three sets of precepts and six paramitas as the mold. They smelt and refine the true buddha-nature within themselves and pour it into the mold formed by the roles of discipline. Acting in perfect accordance with the Buddha's teaching, they naturally create a perfect likeness. The eternal, sublime body isn't subject to conditions or decay. If you seek the Truth but don't learn how to make a true likeness, what will you use in its place?

**151.** And burning incense doesn't mean ordinary material incense but the incense of the intangible Dharma, which drives away filth, ignorance, and evil deeds with its perfume. There are five kinds of such dharma-incense<sup>59</sup>.

**First** is the incense of morality, which means renouncing evil and cultivating virtue. **Second** is the incense of meditation, which means deeply believing in the Mahayana with unwavering resolve.

---

<sup>59</sup> *Five kinds of such dharma-incense.* These correspond to the five attributes of a tathagata's body.



**150.** Nói đúc tạc hay vẽ hình tượng Phật, Bồ-tát là nói tắt cả chúng sanh cầu Phật đạo. Phải tu các giác hạnh phỏng theo chân dung diệu tướng của Như Lai. Há đúc vàng tạc đồng mà thành sao?

Thế nên, người cầu giải thoát dùng thân làm lò hương, dùng Pháp làm lửa, trí tuệ làm thợ khéo, dùng ba tu tịnh giới, sáu ba-la-mật làm khuôn mẫu để đúc. Họ lọc luyện chất chân như Phật tánh nơi mình cho thấm nhập khắp tất cả mô phạm của giới luật, như lời dạy mà vâng làm, không để một chút nào thiếu sót, tự nhiên được thành tựu hình tượng chân dung Phật. Đó là pháp thân cứu kính thường trụ vi diệu không phải những pháp hữu vi bại hoại. Người cầu đạo mà không hiểu ý nghĩa việc đúc tạc chân dung như thế thì nung vào đâu mà nói là công đức?

**151.** Việc đốt hương không phải là hương hình tướng ở thế gian mà chính là hương vô vi của chánh pháp. Hương này xông lên khiến mùi hôi nhơ của vô minh ác nghiệp thấy đều tiêu diệt. Hương chánh pháp<sup>59</sup> ấy có năm thứ:

**Một** là hương giới, nghĩa là năng đoạn các ác, tu mọi điều lành. **Hai** là hương định, nghĩa là thâm tín đại thừa, tâm không thoái chuyển.

---

59 Năm loại hương (ngũ phần hương) tạo thành thân Như Lai.

**Third** is the incense of wisdom, which means contemplating the body and mind, inside and out. **Fourth** is the incense of liberation, which means severing the bonds of ignorance. And **fifth** is the incense of perfect knowledge, which means being always aware and nowhere obstructed.

These five are the most precious kinds of incense and far superior to anything the world has to offer.

**152.** When the Buddha was in the world, he told his disciples to light such precious incense with the fire of awareness as an offering to the buddhas of the ten directions. But people today don't understand the Tathagata's real meaning. They use an ordinary flame to light material incense of sandalwood or frankincense and pray for some future blessing that never comes.

**153.** For scattering flowers the same holds true. This refers to speaking the Dharma, scattering flowers of virtue, in order to benefit others and glorify the real self. These flowers of virtue are those praised by the Buddha. They last forever and never fade. And whoever scatters such flowers reaps infinite blessings. If you think the Tathagata meant for people to harm plants by cutting off their flowers, you're wrong. Those who observe the precepts don't injure any of the myriad life forms of heaven and earth. If you hurt something by mistake, you suffer for it.

**Ba** là hương tuệ, nghĩa là thường nơi thân tâm trong ngoài quán sát. **Bốn** là hương giải thoát, nghĩa là hay đoạn tất cả vô minh kiếp phược. **Năm** là hương giải thoát tri kiến, nghĩa là quán chiếu thường sáng suốt, thông đạt không ngại.

Đó là năm thứ hương tối thượng, thế gian không gì sánh bằng.

**152.** Phật khi còn tại thế khiến các đệ tử dùng lửa trí tuệ đốt hương vô giá ấy để cúng dường mười phương chư Phật. Thời nay chúng sanh không hiểu nghĩa chân thực của Như Lai, đem lửa bên ngoài đốt những thứ hương trầm của thế gian hoặc huân lục (*xông ướp*) các thứ hương có chất ngại mong cầu phước báo thì làm sao mà được?

**153.** Việc tán hoa nghĩa cũng như vậy, tức là diễn nói chánh pháp tán hoa công đức để làm lợi ích cho loài hữu tình và ca tụng tánh chân như khiến cho tất cả trang nghiêm. Hoa công đức này tán thán Phật, cứu kính thường trụ và không thời kỳ nào héo tàn. Ai tán hoa như thế sẽ được phước vô lượng. Nếu nói Như Lai dạy chúng sanh chặt cành bứt nhánh lấy hoa cúng Phật, làm thương tổn đến cỏ cây, điều ấy không đúng. Vì sao? Vì người đã giữ giới thanh tịnh thì vạn tượng sum la trong trời đất đều chẳng xúc chạm. Nếu làm xúc chạm mắc tội rất lớn.

But those who intentionally break the precepts by injuring the living for the sake of future blessings suffer even more. How could they let would-be blessings turn into sorrows?

**154.** The eternal lamp represents perfect awareness. Likening the illumination of awareness to that of a lamp, those who seek liberation see their body as the lamp, their mind as its wick, the addition of discipline as its oil, and the power of wisdom as its flame.

By lighting this lamp of perfect awareness they dispel all darkness and delusion. And by passing this dharma on to others they're able to use one lamp to light thousands of lamps. And because these lamps likewise light countless other lamps, their light lasts forever.

**155.** Long ago, there was a buddha named Dipamkara<sup>60</sup>, or Lamplighter. This was the meaning of his name. But fools don't understand the metaphors of the Tathagata. Persisting in delusions and clinging to the tangible, they light lamps of everyday vegetable oil and think that by illuminating the interiors of buildings they're following the Buddha's teaching. How foolish!

---

<sup>60</sup> *Dipamkara*. Shakyamuni met Dipamkara Buddha at the end of the second asankhya kalpa and offered him five blue lotuses. Dipamkara then predicted Shakyamuni's future buddhahood. Thus Dipamkara appears whenever a buddha preaches the Dharma of the *Lotus Sutra*.

Huống nữa ngày nay cố tình hủy hoại, phá tịnh giới, thương tổn vạn vật để cầu phước báo thì muốn lợi ích cho mình trở lại thành tôn giảm.

**154.** Đốt đèn lưu ly (*sáng mãi*) là nói tâm chánh giác. Lấy sức sáng của tánh giác dụ như ngọn đèn. Thế nên mọi người cầu giải thoát phải lấy thân làm đài của ngọn đèn, lấy tâm làm tim đèn, giới hạnh là châm dầu cho đèn, và trí tuệ sáng suốt dụ lửa đèn.

Đó là đèn chánh giác chiếu phá tất cả vô minh si ám. Và dùng pháp này truyền bá đến mọi người khai thị cho nhau, tức là một ngọn đèn mỗi qua trăm ngàn ngọn đèn, đèn này qua đèn khác không cùng tận, nên gọi là chong đèn sáng mãi.

**155.** Trong quá khứ có Phật tên là Nhiên Đăng<sup>60</sup> cũng theo nghĩa “đốt đèn” như thế. Chúng sanh ngu si không hội được lời nói phương tiện của Như Lai, chuyên hành điều hư vọng, chấp trước hữu vi, đốt ngọn đèn dầu ở thế gian để chiếu soi vào căn nhà trống, gọi là y theo lời Phật dạy, đó là lầm rồi!

---

60 Đức Phật Thích-ca gặp đức Phật Nhiên Đăng vào cuối a-tăng-kỳ kiếp thứ hai và tặng cho ngài năm đóa hoa sen xanh, rồi Phật Nhiên Đăng thọ ký Phật Thích-ca thành Phật tương lai. Do đó Phật Nhiên Đăng xuất hiện khi nào Phật thuyết kinh Pháp Hoa.

The light released by a buddha from one curl<sup>61</sup> between his brows can illuminate countless worlds. An oil lamp is no help. Or do you think otherwise?

**156.** Practicing all six periods of the day and night means constantly cultivating enlightenment among the six senses and persevering in every form of awareness. Never relaxing control over the six senses is what's meant by all six periods.

**157.** As for walking around stupas, the stupa is your body and mind. When your awareness circles your body and mind without stopping, this is called walking around a stupa. The sages of long ago followed this path to nirvana. But people today don't understand what this means. Instead of looking inside they insist on looking outside. They use their material bodies to walk around material stupas. And they keep at it day and night, wearing themselves out in vain and coming no closer to their real self.

**158.** The same holds true for observing a fast. It's useless unless you understand what this really means. To fast means to regulate, to regulate your body and mind so that they're not distracted or disturbed. And to observe means to uphold, to uphold the rules of discipline according to the Dharma.

---

61      *Curl.* One of a buddha's thirty-two auspicious signs.

Vì sao? Phật phóng hào quang ở giữa chân mây<sup>61</sup> hay chiếu soi muôn ngàn thế giới, đâu nhờ ngọn đèn dầu thô như thế làm lợi ích. Xét kỹ lý này thật là chẳng đúng.

**156.** Sáu thời hành đạo nghĩa là nơi sáu căn thường hành đạo. Tu các giác hạnh và điều phục sáu căn không lúc nào lơ lửng, gọi là sáu thời hành đạo.

**157.** Nói nhiều tháp hành đạo, “tháp” tức là “thân tâm.” Phải tu các giác hạnh tuần nhiều thân tâm niệm niệm chẳng dừng, gọi là “nhiều tháp”. Thánh nhân thời quá khứ đều hành đạo này đến được Niết-bàn. Thời nay người đời không hội được lý này, chẳng hành nội tâm, chỉ chấp bên ngoài mà cầu, đem thân chất ngại nhiều quanh tháp thế gian, ngày đêm luống tự nhọc công, đối với chân tánh không chút lợi ích gì.

**158.** Còn trì trai phải hiểu được ý, nếu không thông đạt thì luống nhọc công phu. “Trai” là “tê”, gọi rằng đồng tê tức là nghiêm chỉnh thân tâm không cho tán loạn. “Trì” là giữ và “hộ” là giúp, nghĩa là đối với giới hạnh như pháp mà hộ trì.

---

61 Một trong 32 tướng tốt của Phật.

Fasting means guarding against the six attractions<sup>62</sup> on the outside and the three poisons on the inside and striving through contemplation to purify your body and mind.

**159.** Fasting also includes five kinds of food. **First** there's delight in the Dharma. This is the delight that comes from acting in accordance with the Dharma. **Second** is harmony in meditation. This is the harmony of body and mind that comes from seeing through subject and object. **Third** is invocation, the invocation of buddhas with both your mouth and your mind. **Fourth** is resolution, the resolution to pursue virtue whether walking, standing, sitting, or lying down. And **fifth** is liberation, the liberation of your mind from worldly contamination. These five are the foods of fasting.

**160.** Unless a person eats these five pure foods, he's wrong to think he's fasting. Also, once you stop eating the food of delusion, if you touch it again you break your fast. And once you break it, you reap no blessing from it. The world is full of deluded people who don't see this. They indulge their body and mind in all manner of evil. They give free rein to their passions and have no shame. And when they stop eating ordinary food, they call it fasting. How absurd!

---

62      *Six attractions.* That to which the six senses become attached.



Ngoài thì cầm giữ sáu tình<sup>62</sup>, trong thì chế phục ba độc, siêng năng cần mẫn giác sát, thanh tịnh thân tâm. Rõ được nghĩa như thế mới gọi là trì trai.

**159.** Ăn chay có năm thứ:

**Một** là Pháp hỉ thực nghĩa là y theo chánh pháp, hoan hỉ phụng hành.

**Hai** là thiên duyệt thực nghĩa là trong ngoài lóng lạng, thân và tâm vui thích.

**Ba** là niệm thực nghĩa là thường niệm chư Phật, tâm và miệng tương ưng.

**Bốn** là nguyện thực nghĩa là trong lúc đi đứng nằm ngồi luôn phát nguyện lành.

**Năm** là giải thoát thực nghĩa là tâm thường thanh tịnh, không nhiễm theo trần tục.

Ăn năm món này gọi là trì trai.

**160.** Người nào không ăn năm món thanh tịnh như trên, tự nói rằng trì trai thì không có lẽ phải vậy. Người nào đã dùng ăn món vô minh, nay ăn lại thì gọi là phá trai. Nếu phá trai thì làm sao được phước? Ở đời này có những người mê không hiểu được lý này, thân tâm buông lung làm việc ác, tham dục theo tình không chút hổ thẹn. Chỉ dứt món ăn bên ngoài tự cho là trì trai, ắt không có lẽ phải vậy.

---

62      Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần sanh ra sáu tình thức.

**161.** It's the same with worshipping. You have to understand the meaning and adapt to conditions. Meaning includes action and nonaction. Whoever understands this follows the Dharma.

**162.** Worship means reverence and humility. It means revering your real self and humbling delusions. If you can wipe out evil desires and harbor good thoughts, even if nothing shows, it's worship. Such form is its real form.

**163.** The Lord wanted worldly people to think of worship as expressing humility and subduing the mind. So he told them to prostrate their bodies to show their reverence, to let the external express the internal, to harmonize essence and form. Those who fail to cultivate the inner meaning and concentrate instead on the outward expression never stop indulging in ignorance, hatred, and evil while exhausting themselves to no avail. They can deceive others with postures, remain shameless before sages and vain before mortals, but they'll never escape the Wheel, much less achieve any merit.

**164.** *But the Bathhouse Sutra<sup>63</sup> says, "By contributing to the bathing of monks, people receive limitless blessings." This would appear to be an instance of external practice achieving merit. How does this relate to beholding the mind?*

---

<sup>63</sup> *Bathhouse Sutra.* Translated by An Shih-kao in the middle of the second century. This brief sutra recounts the merit gained from providing bathing facilities for monks.

**161.** Lễ bái phải như pháp, phải do lý thể (*ý nghĩa*) bên trong cho sáng tỏ, rồi sự mới tùy theo đó mà quyền biến. Lý có “hành tạng”. Hội được nghĩa như thế mới gọi là y pháp.

**162.** Phàm nói “lễ” tức “kính”, nói “bái” tức “phục”. Có nghĩa cung kính chân tánh và nép phục vô minh gọi là lễ bái. Nếu hằng diệt ác tình, hằng còn thiện niệm, tuy chẳng hiện lý tướng, vẫn là lễ bái. Tướng ấy tức là Pháp tướng.

**163.** Thế Tôn muốn khiến cho người thể tục biểu hiện tâm khiêm hạ cũng dùng lễ bái. Cho nên thân bên ngoài phải khuất phục để thị hiện cung kính bên trong. Nêu bên ngoài để rõ bên trong, tánh và tướng tương ưng. Nếu không thực hành lý pháp, chỉ chấp cầu bên ngoài, trong thì buông lung theo sân si, thường làm nghiệp ác. Ngoài luống nhọc thân tướng, dối hiện uy nghi, không hổ thẹn với bậc thánh và luống dối kẻ phàm thì không khỏi luân hồi, đâu có thành công đức?

**164. HỎI:** *Như trong kinh Ôn Thất<sup>63</sup> nói: “Người nào tắm gội cho chúng tăng thì được phước vô lượng.” Đây là bằng vào sự pháp (pháp bên ngoài) công đức mới thành. Nếu dùng quán tâm đâu thể tương ưng?*

---

63 Kinh Ôn Thất do An Thế Cao ở giữa thế kỷ 2 dịch, mô tả công đức trong sự cúng dường những thiện nghi tắm rửa cho chúng tăng.

**165.** Here, the bathing of monks doesn't refer to the washing of anything tangible. When the Lord preached the Bathhouse Sutra, he wanted his disciples to remember the dharma of washing. So he used an everyday concern to convey his real meaning, which he couched in his explanation of merit from seven offerings.

Of these seven, the first is clear water, the second fire, the third soap, the fourth willow catkins, the fifth pure ashes, the sixth ointment, and the seventh the inner garment<sup>64</sup>.

He used these seven to represent seven other things that cleanse and enhance a person by eliminating the delusion and filth of a poisoned mind.

**166.** The **first** of these seven is morality, which washes away excess just as clear water washes away dirt. **Second** is wisdom, which penetrates subject and object, just as fire warms water. **Third** is discrimination, which gets rid of evil practices, just as soap gets rid of grime. **Fourth** is honesty, which purges delusions, just as chewing willow catkins purifies the breath.

---

<sup>64</sup> *Inner garment.* One of the three regulation garments of a monk. The inner garment is worn to protect against desire. The seven-patch robe is worn to protect against anger. And the twenty-five-patch assembly robe is worn to protect against delusion.

**165. ĐÁP:** Tắm gội chư tăng mà được phước vô lượng không phải là việc hữu vi của thế gian. Thế Tôn thường vì các đệ tử nói kinh Ôn Thất, muốn khiến họ thọ trì pháp tẩy dục. Thế nên mượn việc thế gian tỷ dụ cho chân tông, ẩn nói bảy việc công đức cúng dường.

1. Nước sạch, 2. lửa nấu, 3. thái đậu (*xà-bông*), 4. cành dương, 5. nước tro sạch, 6. câu cao (*dầu thoa*), 7. nội y<sup>64</sup>.

Bảy việc này dụ cho bảy pháp khiến cho chúng sanh gội rửa trang nghiêm, hay trừ độc tâm vô minh cấu uế.

**166. Một** là tịnh giới rửa sạch lỗi lầm như lấy nước sạch gội rửa trần cấu. **Hai** là trí tuệ quán sát trong ngoài như đốt lửa làm ấm nước sạch. **Ba** là phân biệt giả trạch, lựa bỏ điều ác, như xà-bông rửa sạch chất dơ. **Bốn** là chân thật đoạn hết vọng tưởng như cành dương làm tiêu sạch hơi hôi trong miệng.

---

64 Nội y (y phục bên trong) thuộc ba y của một tỳ-kheo. Đắp nội y để ngăn ngừa tham dục. Đắp y hai mươi lăm điều để ngăn ngừa sân giận. Đắp y cửu điều để ngăn ngừa si mê.

**Fifth** is true faith, which resolves all doubts, just as rubbing pure ashes on the body prevents illnesses. **Sixth** is patience, which overcomes resistance and disgrace, just as ointment softens the skin. And **seventh** is shame, which redresses evil deeds, just as the inner garment covers up an ugly body.

These seven represent the real meaning of the sutra. When he spoke this sutra, the Tathagata was talking to farsighted followers of the Mahayana, not to narrow-minded people of dim vision. It's not surprising that people nowadays don't understand.

**167.** The bathhouse is the body. When you light the fire of wisdom, you warm the pure water of the precepts and bathe the true buddha-nature within you. By upholding these seven practices you add to your virtue. The monks of that age were perceptive. They understood the Buddha's meaning. They followed his teaching, perfected their virtue, and tasted the fruit of buddhahood. But people nowadays can't fathom these things. They use ordinary water to wash a physical body and think they're following the sutra. But they're mistaken.

**168.** Our true buddha-nature has no shape. And the dust of affliction has no form. How can people use ordinary water to wash an intangible body? It won't work. When will they wake up?

**Năm** là chánh tín để quyết định không còn nghi ngờ như tro sạch chà sát thân mình không bị gió. **Sáu** là nhu hòa nhẫn nhục cam chịu như dầu thoa làm trơn láng da bên ngoài. Và **bảy** là hổ thẹn, hối các ác nghiệp như nội y ngăn che thân hình xấu xí.

Bảy pháp trên là mật nghĩa của kinh. Như Lai vì các vị đại thừa lợi căn mà nói, chẳng phải vì kẻ tiểu trí hạ liệt phàm phu. Cho nên người thời nay không thể tỏ ngộ.

**167.** Ôn thất là nhà nước ấm, tức là thân vậy. Sở dĩ đốt lửa là lửa trí tuệ là làm ấm nước tịnh giới để tắm Phật tánh chân như trong thân. Thọ trì bảy pháp này để tự trang nghiêm. Phải biết những tỳ-kheo thông minh thượng trí đều hội ý của Phật, như lời Phật dạy mà tu hành, công đức được thành tựu đều lên quả thánh. Thời nay chúng sanh không lường biết được việc này. Họ dùng nước thế gian gội thân chất ngại, tự cho rằng y theo kinh, đều là làm vậy.

**168.** Vả lại chân như Phật tánh không phải hình phàm phu phiền não. Trần cấu xưa nay không tướng mạo, đâu có thể đem nước chất ngại mà gội rửa thân vô vi, sự không thể tương ưng làm sao mà ngộ đạo?

To clean such a body you have to behold it. Once impurities and filth arise from desire, they multiply until they cover you inside and out. But if you try to wash this body of yours, you'll have to scrub until it's nearly gone before it's clean. From this you should realize that washing something external isn't what the Buddha meant.

**169.** *The sutras say that someone who wholeheartedly invokes the Buddha is sure to be reborn in the Western Paradise. Since this door leads to buddhahood, why seek liberation in beholding the mind?*

**170.** If you're going to invoke the Buddha, you have to do it right. Unless you understand what invoking means, you'll do it wrong. And if you do it wrong, you'll never go anywhere.

**171.** Buddha means awareness, the awareness of body and mind that prevents evil from arising in either. And to invoke means to call to mind, to call constantly to mind the rules of discipline and to follow them with all your might. This is what's meant by invoking. Invoking has to do with thought and not with language. If you use a trap to catch fish, once you succeed you can forget the trap. And if you use language to find meaning, once you find it you can forget language.



Muốn thân này được tịnh thì phải quán sát thân này vốn nhân tham dục, bất tịnh mà sanh ra, là ô uế như nhớp dầy dầy trong ngoài tràn trề. Nếu gọi thân này cầu cho tịnh thì chẳng khác nào xối nước trên cái hầm đất, rửa cái hầm đất có hết mới gọi là tịnh. Lấy đây mà nghiệm thì biết rõ tắm rửa bên ngoài không phải ý của Phật nói vậy.

**169. HỎI:** *Như trong kinh nói chí tâm niệm Phật ắt sẽ được vãng sanh về Tây phương Tịnh độ, do một cửa này liền thành Phật, đâu nhờ quán tâm mà cầu được giải thoát?*

**170. ĐÁP:** Phàm niệm Phật cần phải chánh niệm. Liễu nghĩa là chánh, không liễu nghĩa là tà. Chánh niệm quyết được vãng sanh, còn tà niệm làm sao được đến cõi kia?

**171.** Phật là giác, gọi là giác sát nơi tâm, chớ khiến khởi ác. Niệm là nhớ, nghĩa là hằng nhớ giữ giới hạnh không quên, trọn liễu nghĩa như thế gọi là niệm. Cho nên biết niệm ở nơi tâm, chẳng ở lời nói. Nhờ niệm được cá, được cá phải quên niệm. Mượn lời tìm ý, được ý phải quên lời.

**172.** To invoke the Buddha's name you have to understand the dharma of invoking. If it's not present in your mind, your mouth chants an empty name. As long as you're troubled by the three poisons or by thoughts of yourself, your deluded mind will keep you from seeing the Buddha and you'll only waste your effort.

Chanting and invoking are worlds apart. Chanting is done with the mouth. Invoking is done with the mind. And because invoking comes from the mind, it's called the door to awareness. Chanting is centered in the mouth and appears as sound. If you cling to appearances while searching for meaning, you won't find a thing. Thus, sages of the past cultivated introspection and not speech.

**173.** This mind is the source of all virtues. And this mind is the chief of all powers. The eternal bliss of nirvana comes from the mind at rest. Rebirth in the three realms also comes from the mind. The mind is the door to every world and the mind is the ford to the other shore. Those who know where the door is don't worry about reaching it. Those who know where the ford is don't worry about crossing it.

**174.** The people I meet nowadays are superficial. They think of merit as something that has form. They squander their wealth and butcher creatures of land and sea.

**172.** Đã xưng niệm danh Phật thì phải biết niệm đạo Phật. Nếu tâm không thực niệm, thì miệng niệm tên sông, ba độc lầy lòng bên trong, nhân ngã đầy bụng thì đem tâm vô minh hướng bên ngoài cầu Phật, công phu luống uổng.

Hơn nữa nghĩa lý của tụng với niệm cách nhau xa. Ở miệng gọi là tụng, tại tâm gọi là niệm. Nên biết niệm từ tâm khởi, đó là cửa giác hạnh. Tụng ở trong miệng là tướng của âm thanh. Chấp tướng mà cầu lý thì chẳng thể được. Nên biết chư thánh ngày xưa tu niệm Phật chẳng phải nói ngoài miệng mà suy cứu nơi tâm.

**173.** Tâm là nguồn của mọi điều thiện. Tâm là chủ của muôn đức. Niết-bàn thường vui do dừng tâm sanh. Ba cõi luân hồi cũng theo tâm khởi. Tâm là cửa ngõ vào từng cõi giới. Tâm là bến ải đưa đến giải thoát. Đã biết cửa ngõ, lo gì khó thành? Đã rõ bến ải, lo chi chẳng qua?

**174.** Ta thấy người thời nay hiểu biết cạn cợt, chỉ lấy sự tướng làm công phu. Hoang phí của báu, phần nhiều làm thương tổn những vật trên bờ dưới nước.

They foolishly concern themselves with erecting statues and stupas, telling people to pile up lumber and bricks, to paint this blue and that green. They strain body and mind, injure themselves and mislead others. And they don't know enough to be ashamed. How will they ever become enlightened? They see something tangible and instantly become attached. If you talk to them about formlessness, they sit there dumb and confused. Greedy for the small mercies of this world, they remain blind to the great suffering to come.

Such disciples wear themselves out in vain. Turning from the true to the false, they talk about nothing but future blessings.

**175.** If you can simply concentrate your mind's inner light and behold its outer illumination, you'll dispel the three poisons and drive away the six thieves once and for all. And without effort you'll gain possession of an infinite number of virtues, perfections, and doors to the truth. Seeing through the mundane and witnessing the sublime is less than an eye-blink away. Realization is now. Why worry about gray hair? But the true door is hidden and can't be revealed. I have only touched upon beholding the mind.

\*

Vọng lập tượng tháp, thúc người chứa gổ gom bùn, tô xanh vẽ lục. Đem hết tâm lực làm tổn mình mê người, chưa biết hổ thẹn thì đến chừng nào mới được giác ngộ. Thấy việc hữu vi thì luôn đắm mắc. Nói đến vô tướng thì ngốc ngốc như mê. Tham những hạnh phúc thế gian nhỏ nhoi thì làm sao biết được nỗi khổ to lớn sau này.

Người tu học như trên luống tự nhọc nhằn, trái với chánh mà lại dối nói là được phước.

**175.** Chỉ hay nhiếp tâm soi chiếu ở trong và giác quán rõ ràng ở ngoài sẽ dứt sạch ba độc hằng khiến tiêu mất, đóng cửa sáu tên giấc không khiến sanh nhiễm. Tự nhiên hằng sa công đức, các thứ trang nghiêm, vô số pháp môn, mỗi mỗi đều thành tựu. Siêu việt phàm tình, chứng lên thánh quả, mục kích không xa, ngộ trong chốc lát, ngay đây chẳng xa, không phiền nhọc gì đến đầu bạc mới được. Chân môn sâu kín đâu thể trình bày tường tận. Chỉ lược nói quán tâm chút ít phần nào.

\*



# **Giải Giải ĐẠT MA TỔ SƯ LUẬN**

**Commentaries on  
THE ZEN TEACHING  
of  
BODHIDHARMA**

*First commentaries:*  
**Zen Master Thích Thanh Từ**

*Second commentaries:*  
**Thuần Bạch**

*English translation:*  
**Barbara Hillmer**

## OUTLINE of PRACTICE

1. Many roads lead to the Path, but basically there are only two: reason and practice.

To enter by reason means to realize the essence through instruction and to believe that all living things share the same true nature, which isn't apparent because it's shrouded by sensation and delusion.

### Commentaries:

To enter by reason or principle means to realize the Zen principle or our original mind through sutras, or from our activities.

There is a saying "Hear one, understand ten," meaning you hear or read something, then, thinking about it, you will understand it deeply. However, the phrase "Hear one, realize a thousand" refers to a deep understanding through practice, and means that you have realized your original mind.

Those who turn from delusion back to reality, who meditate on walls, the absence of self and other, the oneness of mortal and sage, and who remain unmoved even by scriptures are in complete and unspoken agreement with reason. Without moving, without effort, they enter, we say, by reason.



# NHỊ CHÚNG NHẬP

**1. Vào đạo có nhiều đường nhưng cốt yếu thì chỉ có hai đường chính là lý nhập và hạnh nhập.**

**LÝ NHẬP** là nương nơi giáo để ngộ được tông. Tin sâu chúng sanh đồng có một chân tánh, chỉ vì khách trần và vọng tưởng che lấp nên không thể hiển bày.

## **Giảng:**

Lý nhập là nương nơi kinh điển ngộ được lý thiền hay bản tâm, hoặc là từ bên ngoài (*sự*) nhận ra bản tâm (*đạt lý*).

Có câu nói “Nghe một hiểu mười” nghĩa là nghe hay đọc (*văn*) rồi suy nghĩ (*tu*) sẽ hiểu nhiều hơn hay sâu hơn. Nhưng câu nói “Một nghe ngàn ngộ” là khi văn và tư xong qua thực hành (*tu*) sẽ chứng ngộ, tức nhận ra bản tâm.

**Nếu bỏ vọng về chân, ngưng trụ nhìn vách thì không thấy có ta có người, phàm thánh đồng một, kiên trụ không dời đổi. Lại không tùy theo văn giáo, tức phù hợp với lý, không có phân biệt và lặng lẽ vô vi, gọi đó là lý nhập.**

This “still, effortless” is silent, which is samadhi and “without discrimination” is illumination, which is prajna.

**2. To enter by practice refers to four all-inclusive practices: suffering injustice, adapting to conditions, seeking nothing, and practicing the Dharma.**

**3. First, suffering injustice.**

When those who search for the Path encounter adversity, they should think to themselves, “In countless ages gone by, I’ve turned from the essential to the trivial and wandered through all manner of existences, and I have often been angry without cause and guilty of numberless transgressions. Now, though I do no wrong, I’m punished by my past. Neither gods nor men can foresee when an evil deed will bear its fruit. I accept it with an open heart and without complaint of injustice.”

The sutras say, “When you meet with adversity don’t be upset, because it makes sense.” With such understanding you’re in harmony with reason. And by suffering injustice you enter the Path.

When faced with calamity, there are two attitudes one can adopt. If one becomes worried, sad and angry, one will drown in the suffering, and that is a negative approach.

Chỗ lặng lẽ vô vi là tịch tức định, và không còn phân biệt đối đãi là chiếu tức tuệ.

**2. HẠNH NHẬP** là nói về bốn hạnh: báo oán hạnh, tùy duyên hạnh, vô sở cầu hạnh và xứng pháp hạnh.

### **3. Báo Oán Hạnh**

Người tu hành khi gặp cảnh khổ phải tự nghĩ rằng: “Ta từ xưa đến giờ trong vô số kiếp bỏ gốc theo ngọn, nên trôi lăn trong các cõi, khởi lòng oán ghét căm hận vô hạn. Đời nay tuy không có phạm những tội lỗi ấy, nhưng nghiệp ác gieo đời trước nay kết trái chín. Việc này không phải do trời hoặc người tạo ra cho mình, vậy ta phải cam nhận chịu, không oán trách.”

Kinh nói: “Gặp khổ không buồn.” Vì có sao? Vì khi tâm *[sinh hiểu như thế]* sẽ phù hợp với lý. Mượn gốc oán thù để tiến vào đạo nên nói là hạnh báo oán.

Đối với cảnh khổ có hai thái độ đối phó. Nếu lo buồn tức là bị nhận chìm trong cái khổ, đó là mặt tiêu cực.

If one is not sad, one truly knows the Truth of Suffering, and that is a positive attitude.

See the story of Furuna Sonja.

Ryokan says in a poem:

*To meet disaster at the time of disaster is fine just as it is.*

*To meet illness in the time of illness is fine just as it is.*

*To meet death at the time of death is fine just as it is.*

See the story of Hosshin Kokushi.

#### **4. Second, adapting to conditions.**

**As mortals, we're ruled by conditions, not by ourselves. All the suffering and joy we experience depend on conditions. If we should be blessed by some great reward, such as fame or fortune, it's the fruit of a seed planted by us in the past. When conditions change, it ends.**

**Why delight in its existence? But while success and failure depend on conditions, the mind neither waxes nor wanes. Those who remain unmoved by the wind of joy silently follow the Path.**

The practice of accepting one's circumstances consists of two parts. One, we accept the consequences due to our actions from previous lives, whether or not they are agreeable to us. Our mind is unmoved; meaning we do not become happy or sad, nor do we react against them.

Nếu không buồn mới thực sự là rõ biết khổ đế, đó là mặt tích cực.

Xem truyện Tôn Giả Phú-lâu-na.

Thiền sư Lương Khoan Đại Ngu có làm bài thơ:

*Gặp nạn phải thời nạn tai cũng tốt thôi.*

*Bị bệnh phải thời bệnh hoạn cũng tốt thôi.*

*Phải chết đến thời để chết cũng tốt thôi.*

Xem truyện Quốc Sư Pháp Tâm.

#### **4. Tùy Duyên Hạnh.**

**Chúng sanh không có ngã tùy duyên nghiệp mà chuyển thành. Đồng thọ khổ vui đều từ duyên sanh. Nếu được quả báo thù thắng, đầy đủ vinh dự là do nhân lành đời trước mới được như thế. Khi duyên hết rồi thì cũng trở thành không.**

**Có gì phải mừng? Được mất đều tùy theo duyên, tâm không vì vậy mà được thêm hoặc bớt mất. Như vậy ngọn gió hỉ chẳng làm động tâm, hằng thuận với đạo, nên nói là hạnh tùy duyên.**

Hạnh tùy thuận theo duyên nghiệp gồm có hai phần. Thứ nhất chúng ta chấp nhận quả báo đến do nhân đã tạo từ kiếp trước, dù thuận ý hoặc nghịch ý mình. Không động tâm nghĩa là không vui cũng không buồn, không theo cũng không chống.

Two, we actively do good deeds, creating good karma, to compensate for the bad deeds we have done in our past lives.

**5. Third, seeking nothing.**

**People of this world are deluded. They're always longing for something - always, in a word, seeking.**

"The greed of human beings is a bottomless pit." Having what one wants only creates more desires; one is poisoned by greed. Not having what one wants, anger arises; one is poisoned by anger. Greed and anger both create Karma. Thus, one of our greatest pains is not having what we desire.

**But the wise wake up. They choose reason over custom. They fix their minds on the sublime and let their bodies change with the seasons. All phenomena are empty. They contain nothing worth desiring. Calamity forever alternates with Prosperity.**

**To dwell in the three realms is to dwell in a burning house. To have a body is to suffer. Does anyone with a body know peace? Those who understand this detach themselves from all that exists and stop imagining or seeking anything. The sutras say, "To seek is to suffer. To seek nothing is bliss." When you seek nothing, you're on the Path.**

Thứ hai chúng ta tích cực tạo nhân lành để bù đắp quả báo xấu từ nhân xấu quá khứ.

### **5. Vô Sở Cầu Hạnh**

**Người đòi hăng ở trong mê, mỗi chỗ đều có tham trước nên gọi là cầu.**

Con người “túi tham không đáy.” Muốn được rồi thì muốn nữa, tức bị nhiễm tham độc; muốn không được lại oán giận, tức bị nhiễm sân độc; tham và sân đều tạo nghiệp. Vì thế một trong nỗi khổ lớn nhất của chúng ta là mong cầu mà không được.

**Người trí ngộ được lẽ chân, lý ngược với thế tục, nên tâm an trụ ở vô vi mặc cho thân hình tùy nghi vận chuyển. Vạn hữu đều không, có gì đáng mong thích? Hễ có ông Thiện liền có ông Ác kề bên.**

**Ở lâu trong ba cõi vẫn như trong nhà lửa. Có thân đều là khổ, được gì mà an vui. Rõ suốt được chỗ này nên bỏ các hữu, dứt nghĩ tưởng mong cầu. Kinh nói “Còn cầu đều khổ, không cầu mới an vui.” Nên biết không cầu mới thực là đạo hạnh, nên nói là hạnh vô sở cầu.**

## **6. Fourth, practicing the Dharma.**

**The Dharma is the truth that all natures are pure. By this truth, all appearances are empty. Defilement and attachment, subject and object don't exist.**

**The sutras say, "The Dharma includes no being because it's free from the impurity of being, and the Dharma includes no self because it's free from the impurity of self." Those wise enough to believe and understand this truth are bound to practice according to the Dharma.**

If in everything we do, we are not stuck on the outside appearance, and we return to the Pureness, then that is in accord with Dharma.

Whoever practices either on the cushion or in daily activities in accordance with his understanding of the teachings can at that time be called a Patriarch.

**And since that which is real includes nothing worth begrudging, they give their body, life, and property in charity, without regret, without the vanity of giver, gift, or recipient, and without bias or attachment.**

Giving (***Dana***) is the practice of equanimity, one of the Four Infinite Minds. Infinite Mind is the Empty Mind. Thus, generosity's root is Emptiness, meaning the giver, the receiver, and the gift are Empty.

**And to eliminate impurity they teach others, but without becoming attached to form. Thus, through their own practice they're able to help others and glorify the Way of Enlightenment. And as with charity, they also practice the other virtues. But while practicing the six virtues to eliminate delusion, they practice nothing at all. This is what's meant by practicing the Dharma.**



## **6. Xứng Pháp Hạnh.**

Lý tánh thanh tịnh gọi là Pháp. Tin hiểu lý này thì tất cả tướng đều không, không nhiễm không trước, không đây (*chủ thể*) không kia (*đối tượng*).

Kinh [*Duy-ma-cật*] nói: “Pháp không có chúng sanh vì lìa cấu uế của chúng sanh. Pháp không có tướng ngã vì lìa cấu uế của ngã.” Người trí tin hiểu được lý này nên nói xứng với pháp mà hành.

Nếu chúng ta làm tất cả việc, tu tất cả hạnh đều không mắc trên hình thức, không kẹt trên công hạnh thuộc về hình tướng bên ngoài, trở về phù hợp với tánh thanh tịnh thì gọi là xứng pháp hạnh.

Người nào hạnh tu trong động cũng như trong tịnh tương xứng với sự thông hiểu kinh điển được gọi là tổ (Hạnh giải tương ưng danh vi viết tổ).

Pháp thể vốn không xan tham nên đối với thân mạng và tiền của thực hành hạnh bố thí tâm không tiếc lẫn. Thấu suốt ba lẽ không [*- người cho, của cho và người nhận -*] thì không nường không mắc.

Bố thí là tu hạnh xả, một trong bốn tâm vô lượng. Tâm vô lượng tức là tâm không. Vì thế hạnh bố thí đúng ý nghĩa phải cảm rỗng trong cái không, tức là người cho, của cho và người nhận đều thấy là không.

Chỉ cần dẹp bỏ trần cấu, giáo hóa xứng hợp chúng sanh mà không chấp tướng đây là tự hành. Đã làm lợi người lại thêm trang nghiêm đạo Bồ-đề. Năm độ khác cùng với bố thí cũng như vậy. Vì trừ vọng tưởng tu hành lục độ, mà không có sở hành, nên nói là xứng pháp hạnh.

## SELF NATURE

7. Everything that appears in the three realms comes from the mind. Hence, Buddhas of the past have taught and future Buddhas teach mind to mind without bothering about definitions.

*8. But if they don't define it, what do they mean by mind?*

9. You ask. That's your mind. I answer. That's my mind. If I had no mind, how could I answer? If you had no mind, how could you ask? That which asks is your mind. Through endless kalpas without beginning, whatever you do, wherever you are, that's your real mind that's your real buddha. This mind is the buddha says the same thing. Beyond this mind you'll never find another buddha.

To search for enlightenment or nirvana beyond this mind is impossible. The reality of your own self-nature, the absence of cause and effect, is what's meant by mind. Your mind is nirvana. You might think you can find a buddha or enlightenment somewhere beyond the mind, but such a place doesn't exist.

## TỰ TÁNH

**7. Ba cội cùng khởi đồng về một tâm.**

**Phật trước Phật sau lấy tâm truyền qua tâm, không lập văn tự.**

**8. HỎI: Nếu chẳng lập văn tự thì lấy gì làm tâm?**

**9. ĐÁP: Ông hỏi ta, tức là tâm của ông. Ta đáp ông, tức là tâm của ta. Ta nếu không tâm, nhân đâu mà hiểu để đáp lời ông. Ông nếu không tâm, nhân đâu mà hiểu để hỏi ta. Hỏi ta, tức là tâm ông. Từ vô thủy kiếp đến nay, tất cả thi vi vận động, trong tất cả thời nào và tất cả chỗ đều là bản tâm của ông, đều là bản Phật của ông. Tức tâm là Phật cũng lại như thế. Trừ tâm này ra, trọn không có Phật nào khác có thể được.**

**Lìa tâm này tìm Bồ-đề, Niết-bàn trọn không có lẽ phải. Tự tánh chân thật chẳng phải nhân chẳng phải quả. Pháp tức là nghĩa của tâm. Tự tâm là Bồ-đề. Tự tâm là Niết-bàn. Nếu nói ngoài tâm có Phật và Bồ-đề có thể được thì không có lẽ phải.**

**13. To find a buddha, you have to see your nature. Whoever sees his nature is a buddha. If you don't see your nature, invoking buddhas, reciting sutras, making offerings, and keeping precepts are all useless.**

**Invoking buddhas results in good karma, reciting sutras results in a good memory; keeping precepts results in a good rebirth, and making offerings results in future blessings - but no buddha.**

**15. To find a buddha all you have to do is see your nature. Your nature is the buddha. And the buddha is the person who's free: free of plans, free of cares. If you don't see your nature and run around all day looking somewhere else, you'll never find a buddha.**

**The truth is, there's nothing to find. But to reach such an understanding you need a teacher and you need to struggle to make yourself understand. Life and death are important. Don't suffer them in vain. There's no advantage in deceiving yourself.**

**Even if you have mountains of jewels and as many servants as there are grains of sand along the Ganges, you see them when your eyes are open. But what about when your eyes are shut? You should realize then that everything you see is like a dream or illusion.**

**13. Nếu muốn tìm Phật phải thấy tánh. Tánh tức là Phật. Nếu chẳng thấy tánh thì niệm Phật, tụng kinh, trì trai giữ giới đều vô ích.**

**Niệm Phật được nhân quả, tụng kinh được thông minh. Giữ giới được sanh cõi trời, bố thí được phước báo, nhưng tìm Phật trọn chẳng được.**

**15. Nên cốt yếu phải thấy Phật, phải thấy tánh. Tánh tức là Phật. Phật tức là tự tại, là người vô sự vô tác. Nếu chẳng thấy tánh thì trọn ngày mờ mịt, ở bên ngoài mà tìm kiếm Phật, xưa nay không thểặng.**

**Tuy là không một vật có thể được, nếu cầu được hội phải tham thiện tri thức. Thiết yếu phải khổ nhọc mà cầu khiến cho tâm mình hội giải việc lớn sanh tử, không được bỏ qua một đời, tự dối vô ích.**

**Dù bao nhiêu trân bảo nhiều như núi, quyền thuộc đông như cát sông Hằng, mở mắt thì thấy, nhắm mắt lại nào có thấy gì? Cho nên biết tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn.**

Shakyamuni left home to find a way out of the endless round of life and death. Anyone who follows the Buddha must do the same. When it was rime to transmit the robe and bowl of the Zen lineage, Hung-jen, the fifth Zen patriarch, called his disciples together and told them, “Nothing is more important than life and death. But instead of looking for a way out of the Sea of Life and Death, you spend all your time looking for ways to earn merit. If you’re blind to your own nature, what good is merit? Use your wisdom, the prajna-nature of your own mind. All of you, go write me a poem.” (*Sutra of the Sixth Patriarch, Chapter One*)

Buddhas. Buddhism doesn’t limit itself to one buddha. It recognizes countless buddhas. After all, everyone has the buddha-nature. There’s a buddha in every world, just as there’s awareness in every thought. The only necessary qualification for buddhahood is complete awareness. A verse from the Avatamsaka Sutra is paraphrased here: “The three realms are just one mind.”

The sixth Zen patriarch, Hui-neng, distinguishes mind as the realm and nature as the lord.

Đức Thích-ca Mâu-ni xuất gia cầu đạo giải thoát khỏi luân hồi sanh tử. Khi ngũ tổ Hoằng Nhẫn đến lúc truyền y bát gọi các đệ tử đến, bảo: “Người đời sanh tử là việc lớn, các ông trọn ngày chỉ cầu phước điền, chẳng cầu ra khỏi biển khổ sanh tử, tự tánh nếu mê thì phước nào có thể cứu? Các ông, mỗi người hãy đi, tự xem trí tuệ của mình, nhận lấy tánh Bát-nhã nơi bản tâm mình, mỗi người làm một bài kệ đến trình cho ta xem.” (*Kinh Pháp Bảo Đàn, Phẩm Hành Do*)

Đạo Phật không chỉ giới hạn vào một vị Phật, mà thừa nhận vô số Phật. Mọi người đều có Phật tánh. Mỗi quốc độ đều có một vị Phật, y như có tỉnh giác trong từng mỗi niệm. Đặc tính duy nhất cần thiết cho Phật đạo là tỉnh giác. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tam giới duy tâm.”

Lục tổ Huệ Năng biện rõ tâm chỉ cho cõi giới và tánh chỉ cho ông chủ.

**20. Whoever sees his nature is a buddha; whoever doesn't is a mortal. But if you can find your buddha-nature apart from your mortal nature, where is it? Our mortal nature is our buddha-nature. Beyond this nature there's no buddha.**

**The buddha is our nature. There's no buddha besides this nature. And there's no nature besides the buddha.**

Whoever sees his nature is a buddha because Buddha means enlightened one, and the true nature of a mortal is enlightenment. Bodhidharma taught that the point of departure for practicing is pointing directly to our human mind – the mind with greed-anger-delusion. From this point if we practice diligently in the right way we will see into our nature and realize our Buddhahood.

**65. People who see that their mind is the buddha don't need to shave their head. Laymen are buddhas too. Unless they see their nature, people who shave their head are simply fanatics.**

***66. But since married laymen don't give up sex, how can they become buddhas?***

**67. I only talk about seeing your nature. I don't talk about sex simply because you don't see your nature. Once you see your nature, sex is basically immaterial. It ends along with your delight in it. Even if some habits remain, they can't harm you, because your nature is essentially pure.**



**20. Nếu thấy tánh tức là Phật. Chẳng thấy tánh tức là chúng sanh. Nếu lìa tánh chúng sanh riêng có Phật tánh thì không thể được. Phật hiện nay ở chỗ nào? Tánh chúng sanh tức là Phật vậy. Ngoài tánh không có Phật.**

**Phật tức là tánh. Trừ ngoài tánh này, không Phật có thể được. Ngoài Phật cũng không tánh có thể được.**

Nếu thấy tánh tức là Phật bởi vì Phật nghĩa là giác, và thể tánh xưa nay nơi chúng sanh là tánh giác. Tổ Đạt-ma chỉ rõ chỗ chúng ta bắt đầu sự tu hành là trực chỉ nhân tâm, ngay nơi tâm phàm phu còn tham-sân-si. Từ điểm khởi hành này khéo tu và khổ luyện sẽ kiến tánh thành Phật.

**65. Nếu thấy tâm mình là Phật không cần ở chùa cạo bỏ râu tóc. Kẻ cư sĩ cũng là Phật. Nếu không thấy tánh, cạo bỏ râu tóc vẫn là ngoại đạo.**

**66. HỎI: Kẻ cư sĩ có vợ con, dâm dục không dứt, làm sao được thành Phật?**

**67. ĐÁP: Chỉ nói thấy tánh, không nói dâm dục. Thấy tánh rồi thì dâm dục xưa nay không tịch, không nhờ đoạn trừ cũng không còn ưa thích. Vì có sao? Vì bản tánh là thanh tịnh.**

Despite dwelling in a material body of four elements, your nature is basically pure. It can't be corrupted. Your real body is basically pure. It can't be corrupted. Your real body has no sensation, no hunger or thirst, no warmth or cold, no sickness, no love or attachment, no pleasure or pain, no good or bad, no shortness or length, no weakness or strength. Actually, there's nothing here. It's only because you cling to this material body that things like hunger and thirst, warmth and cold, and sickness appear.

96. To see form but not be corrupted by form or to hear sound but not be corrupted by sound is liberation. Eyes that aren't attached to form are the Gates of Zen. Ears that aren't attached to sound are also the Gates of Zen. In short, those who perceive the existence and nature of phenomena and remain unattached are liberated. Those who perceive the external appearance of phenomena are at their mercy.

Not to be subject to affliction is what's meant by liberation. There's no other liberation.

When you know how to look at form, form doesn't give rise to mind and mind doesn't give rise to form. Form and mind are both pure.

*See also 14, 18, 19, 21, 22, 23, 24, 26, 37, 41, 46, 47, 49, 58, 60, 61, 63, 69, 70, 125.*

\*

Tuy ở trong thân sắc của ngũ uẩn mà tự tánh xưa nay thanh tịnh, nhiễm ô không thể được. Pháp thân xưa nay vô thọ, không đói không khát, không lạnh không nóng, không bệnh, không ân không ái, không quyến thuộc, không khổ vui, không xấu tốt, không dài ngắn, không mạnh yếu. Xưa nay không một vật có thể được. Chỉ duyên nơi chấp mà có nhân quả của sắc thân này, liền đói khát, lạnh nóng, bệnh đau.

96. Khi mắt thấy sắc không nhiễm nơi sắc, khi tai nghe tiếng không nhiễm nơi tiếng, đây đều là giải thoát. Mắt không đắm trước nơi sắc thì mắt là cửa thiền. Tai không mắc kẹt nơi tiếng thì tai là cửa thiền. Tóm lại, thấy sắc tánh thì thường giải thoát. Thấy sắc tướng thì thường hệ phược.

Người không bị phiền não trói buộc tức là giải thoát, lại không riêng có giải thoát khác.

Người khéo quán sát nơi sắc thì sắc chẳng sanh nơi tâm, tâm chẳng sanh nơi sắc, tức là sắc cùng với tâm đều là thanh tịnh.

*Xin xem số 14, 18, 19, 21, 22, 23, 24, 26, 37, 41, 46, 47, 49, 58, 60, 61, 63, 69, 70, 125.*

\*

## THREE REALMS

**7. Everything that appears in the three realms comes from the mind. Hence, Buddhas of the past have taught and future Buddhas teach mind to mind without bothering about definitions.**

**76. The three realms are greed, anger, and delusion. To leave the three realms means to go from greed, anger, and delusion back to morality, meditation, and wisdom. Greed, anger, and delusion have no nature of their own. They depend on mortals. And anyone capable of reflection is bound to see that the nature of greed, anger, and delusion is the buddha-nature. Beyond greed, anger, and delusion there is no other buddha-nature.**

**The sutras say, “Buddhas have only become buddhas while living with the three poisons and nourishing themselves on the pure Dharma.”**

When greed-anger-delusion quiets down in our mind, it is Buddha Nature. In the same manner, when suffering dissipates, there is awareness. There is no need to look for our Buddha Nature anywhere else.

Therefore the Zen Master Tung-chia Hsuan-chueh said, “The true nature of ignorance is Buddha-nature, and the Sixth Patriarch said, “Affliction is itself enlightenment. Attachment to objects the moment before was affliction; detachment from objects the moment after is enlightenment.”

## TAM GIỚI

**7. Ba cõi cùng khởi đồng về một tâm. Phật trước Phật sau lấy tâm truyền qua tâm, không lập văn tự.**

**76. Tam giới là tham-sân-si. Đối ngược tham-sân-si là giới-định-tuệ tức là siêu xuất tam giới. Nhưng tham-sân-si không có thực tánh, chỉ căn cứ nơi chúng sanh mà nói. Hay phản chiếu rõ ràng thấy được tánh của tham-sân-si là Phật tánh. Ngoài tham-sân-si không riêng có Phật tánh.**

**Kinh nói: “Chư Phật từ xưa nay thường nơi ba độc nuôi lớn pháp trong sạch mà thành Thế Tôn.”**

Ngay nơi tham-sân-si lắng xuống là Phật tánh; cũng như ngay nơi phiền não lắng xuống là Bồ-đề; không thể tìm đâu khác.

Cho nên tổ Vĩnh Gia Huyền Giác nói thực tánh của vô minh là Phật tánh, và Lục Tổ bảo phiền não tức Bồ-đề, niệm trước chấp cảnh tức phiền não, niệm sau lìa cảnh tức Bồ-đề.

Delusion and Buddha Nature, as well as suffering and awareness, are all Empty. Thus, they are not opposites to each other.

***129. But the three realms and six states of existence are infinitely vast. How can we escape their endless afflictions if all we do is behold the mind?***

**130.** The karma of the three realms comes from the mind alone. If your mind isn't within the three realms, it's beyond them.

The three realms correspond to the three poisons: greed corresponds to the realm of desire, anger to the realm of form, and delusion to the formless realm. And because karma created by the poisons can be gentle or heavy, these three realms are further divided into six places known as the six states of existence.

***131. And how does the karma of these six differ?***

**132.** Mortals who don't understand true practice and blindly perform good deeds are born into the three higher states of existence within the three realms. And what are these three higher states? Those who blindly perform the ten good deeds and foolishly seek happiness are born as gods in the realm of desire. Those who blindly observe the five precepts and foolishly indulge in love and hate are born as men in the realm of anger. And those who blindly cling to the phenomenal world, believe in false doctrines, and pray for blessings are born as demons in the realm of delusion. These are the three higher states of existence.

Thế của vô minh với Phật tánh cũng như của phiền não với Bồ-đề đều là không, như vậy không phải là cặp đối đãi.

**129. HỎI:** *Lục thú, tam giới rộng lớn vô biên, nếu quán tâm thì do đâu mà thoát được cái khổ vô cùng?*

**130. ĐÁP:** Nghiệp báo trong tam giới chỉ do một tâm sanh. Nếu tâm không thì tuy ở trong tam giới mà ra khỏi tam giới.

Tam giới là tam độc. Tham là dục giới. Sân là sắc giới. Si là vô sắc giới. Do tam độc này tạo nghiệp nhẹ hoặc nặng nên phải chịu quả báo chẳng đồng. Tam giới này phân ra làm sáu chỗ, nên gọi là lục thú (sáu nẻo).

**131. HỎI:** *Thế nào là nhẹ nặng phân làm sáu nẻo?*

**132. ĐÁP:** Chúng sanh chẳng rõ chánh nhân, tâm mê tu thiện nên chưa ra khỏi ba cõi mà sanh vào ba nẻo nhẹ. Thế nào là ba nẻo nhẹ? Tâm mê tu thập thiện, mong cầu vui thích thì chưa ra khỏi tham giới nên sanh vào nẻo trời dục giới; tâm mê giữ năm giới, vọng khởi thương/ghét chưa ra khỏi sân giới thì sanh vào nẻo người; si mê chấp các pháp hữu vi, tin tà cầu phước nên chưa ra khỏi si giới thì sanh vào nẻo a-tu-la. Đó là ba loại chúng sanh, gọi là trong thế giới nhẹ.

**133. And what are the three lower states? They're where those who persist in poisoned thoughts and evil deeds are born. Those whose karma from greed is greatest become hungry ghosts. Those whose karma from anger is greatest become sufferers in hell. And those whose karma from delusion is greatest become beasts. These three lower states together with the previous three higher states form the six states of existence. From this you should realize that all karma, painful or otherwise, comes from your own mind. If you can just concentrate your mind and transcend its falsehood and evil, the suffering of the three realms and six states of existence will automatically disappear.**

**And once free from suffering, you're truly free.**

In doing wholesome deeds, we receive merits. However, if we do not look within ourselves and realize our original mind, our mind will be deluded. And even if we receive merits, we will not be able to escape the three realms. Merits only direct us to be born into the three higher states of existence within the three realms.

See also No. 84, 173.

\*



**133. Thế nào là ba nẻo nặng? Chỗ gọi là buồng lung theo tâm ba độc, chỉ tạo nghiệp ác thì rơi vào ba nẻo nặng.**

**Nếu nghiệp tham nặng thì rơi vào nẻo ngã quỷ.**

**Nếu nghiệp sân nặng thì rơi vào nẻo địa ngục.**

**Nếu nghiệp si nặng thì rơi vào nẻo súc sanh.**

**Như thế ba lớp nặng chung với ba lớp nhẹ trước liền thành ra sáu nẻo (*lục thú*) luân hồi.**

**Nên biết tất cả nghiệp khổ đều do tâm mình sanh. Chỉ hay nhiếp được tâm thì lìa được các tà ác, cái khổ luân hồi trong tam giới, lục thú tự nhiên tiêu diệt,**

**Liền được giải thoát.**

Vì tâm buồng lung theo tham-sân-si tạo nghiệp, nên tuy làm việc thiện chúng ta được phước, nhưng nếu chúng ta không thường xuyên quán tâm và nhận ra bản tâm, để cho tâm bị mê mờ thì phước này vẫn không giúp chúng ta thoát ra ba cõi. Phước chỉ giúp sanh vào nẻo nhẹ thôi.

Xin xem số 84, 173.

\*

## THREE POISONS

128. The three poisons are present in our six sense organs as six kinds of consciousness, or thieves. They're called thieves because they pass in and out of the gates of the senses, covet limitless possessions, engage in evil, and mask their true identity. And because mortals are misled in body and mind by these poisons or thieves, they become lost in life and death, wander through the six states of existence, and suffer countless afflictions. These afflictions are like rivers that surge for a thousand miles because of the constant flow of small springs. But if someone cuts off their source, rivers dry up.

And if someone who seeks liberation can turn the three poisons into the three sets of precepts and the six thieves into the six paramitas, he rids himself of affliction once and for all.

*134. But the Buddha said, "Only after undergoing innumerable hardships for three asankhya kalpas did I achieve enlightenment." Why do you now say that simply beholding the mind and overcoming the three poisons is liberation?*

135. The words of the Buddha are true. But the three asankhya kalpas refer to the three poisoned states of mind. What we call asankhya in Sanskrit you call countless. Within these three poisoned states of mind are countless evil thoughts. And every thought lasts a kalpa. Such an infinity is what the Buddha meant by the three asankhya kalpas.

## TAM ĐỘC

128. Từ trong bản thể của tâm ba độc ứng hiện ra vào nơi sáu căn, cũng gọi là lục tặc, tức là sáu thức. Do sáu thức này ra vào nơi sáu căn, rồi tham trước vạn cảnh tạo thành nghiệp ác chướng ngăn thể chân như nên gọi là lục tặc. Chúng sanh do ba độc và sáu giác làm loạn thân tâm, rồi chìm đắm trong sanh tử, luân hồi trong lục thú (*sáu nẻo*) chịu các thứ khổ não. Khổ não ví như sông rạch, như nơi nguồn suối nhỏ chảy mãi không dứt. Nếu có người chặn bít nguồn suối kia, các dòng đều theo đó mà dứt.

Người cầu giải thoát có thể chuyển ba độc thành ba nhóm tịnh giới và chuyển sáu giác thành sáu ba-la-mật, tự nhiên hằng lìa xa tất cả biển khổ.

*134. HỎI: Như Phật đã nói: “Ta ở trong ba A-tăng-kỳ kiếp, vô lượng siêng năng khổ hạnh mới thành Phật đạo.” Tại sao ngày nay nói chỉ quán tâm thì chế ngự ba độc là giải thoát?*

135. ĐÁP: Phật đã nói ra thì không có hư dối. Ba A-tăng-kỳ kiếp tức là tâm ba độc vậy. Tâm ba độc ấy có hằng hà sa số niệm ác, và ở trong mỗi niệm ác đều là một kiếp. Như thế hằng hà sa số không tính kể nên nói tam đại A-tăng-kỳ.

**136. Once your real self becomes obscured by the three poisons, how can you be called liberated until you overcome their countless evil thoughts? People who can transform the three poisons of greed, anger, and delusion into the three releases are said to pass through the three asankhya kalpas.**

**But people of this final age are the densest of fools. They don't understand what the Tathagata really meant by the three asankhya kalpas.**

**They say enlightenment is only achieved after endless kalpas and thereby mislead disciples to retreat on the path to buddhahood.**

**140. The sutras of the Buddha are true.**

**But long ago, when that great bodhisattva was cultivating the seed of enlightenment, it was to counter the three poisons that he made his three vows.**

**Practicing moral prohibitions to counter the poison of greed, he vowed to put an end to all evils.**

**Practicing meditation to counter the poison of anger, he vowed to cultivate all virtues.**

**And practicing wisdom to counter the poison of delusion, he vowed to liberate all beings.**

**Because he persevered in these three pure practices of morality, meditation, and wisdom, he was able to overcome the three poisons and reach enlightenment.**

**136. Tánh chân như bị tam độc che đậy, nếu không vượt qua ba đại hằng sa ác độc này làm sao gọi là giải thoát? Nay nếu chuyển tham-sân-si ba độc làm ba thứ giải thoát, gọi là được qua ba A-tăng-kỳ kiếp.**

**Chúng sanh đời mạt pháp ngu si, độn căn, không hiểu lời nói bí mật của Như Lai về ba đại A-tăng-kỳ.**

**[Họ] bèn nói thành Phật phải qua vô số kiếp nhiều như vi trần. Đây đâu khỏi làm nghi lầm những người tu hành khiến họ thoái Bồ-đề đạo.**

**140. ĐÁP: Phật nói là lời chân thực.**

**Bồ-tát Ma-ha-tát nơi quá khứ trong lúc tu nhân vì đối trị ba độc phát ba thệ nguyện là:**

**- Đoạn tất cả ác nên thường trì giới đối với tham độc;**

**- Tu tất cả thiện nên thường tập định đối với sân độc;**

**- Độ tất cả chúng sanh nên thường tu trí tuệ đối với si độc.**

**Do trì giới-định-tuệ ba pháp thanh tịnh hay tiêu diệt ba độc mà thành Phật đạo.**

**By overcoming the three poisons he wiped out everything sinful and thus put an end to evil. By observing the three sets of precepts he did nothing but good and thus cultivated virtue. And by putting an end to evil and cultivating virtue he consummated all practices, benefited himself as well as others, and rescued mortals everywhere. Thus he liberated beings.**

**175. If you can simply concentrate your mind's inner light and behold its outer illumination, you'll dispel the three poisons and drive away the six thieves once and for all. And without effort you'll gain possession of an infinite number of virtues, perfections, and doors to the truth. Seeing through the mundane and witnessing the sublime is less than an eye-blink away. Realization is now. Why worry about gray hair?**

**But the true door is hidden and can't be revealed. I have only touched upon beholding the mind.**

When our eyes look at the beauty in a person, we recognize "lusting after beautiful appearance of a person is a sin." After being ordained, even though we no longer lust after the beauty of a person, when we see a beautiful flower, we still like to look at the flower. It shows that lusting after the beauty of a flower is more subtle than lusting after the beauty of a person.

**- Điều ác diệt gọi là đoạn.**

**- Điều thiện đầy đủ gọi là tu.**

**Do hay đoạn ác tu thiện mà muôn hạnh thành tựu, tự và tha đều lợi, khắp cứu giúp quần sanh, gọi là độ.**

**175. Chỉ hay nhiếp tâm soi chiếu ở trong và giác quán rõ ràng ở ngoài sẽ dứt sạch ba độc hằng khiến tiêu mất, đóng cửa sáu tên giấc không khiến sanh nhiễm. Tự nhiên hằng sa công đức, các thứ trang nghiêm, vô số pháp môn, mỗi mỗi đều thành tựu. Siêu việt phạm tình, chứng lên thánh quả, mục kích không xa, ngộ trong chốc lát, ngay đây chẳng xa, không phiền nhọc gì đến đầu bạc mới được.**

**Chân môn sâu kín đâu thể trình bày tường tận. Chỉ lược nói quán tâm chút ít phần nào.**

Như con mắt thấy sắc đẹp của người, mình nói: “Tham sắc đẹp là tội lỗi.” Tu rồi tuy không còn thích sắc của người nhưng thấy bông hoa đẹp mình còn thích còn ngắm, vậy tham bông hoa đẹp vi tế hơn tham sắc con người.

Before, we chase after others' wealth, and take from anyone who was careless about his/her wealth. After being ordained, we learn that taking things which we were not given is stealing and leads to bad karma, so we do not take from others anymore. If someone accidentally drops his/her money, we pick it up, and return the money to the owner. However, we feel slightly regretful upon returning the money; does this show we are subtly greedy under this condition?

Before, when hearing something disagreeable, we became angry and yelled out. Now, ordained, we are not angry on the outside, but inside we are burning with anger. We refuse to look at the person who says disagreeable things and go somewhere else. We still have anger. When we hear things without feeling angry and becoming offended, is when we have truly rid ourselves of the anger.

When becoming attached to six sense-objects, we are greedy if conditions are favorable or angry if conditions are unfavorable. Our mind becomes deluded, we lose our initial awareness and balanced calmness, and we create Karma. We practice Dharma by looking within ourselves to see the greed and anger, and letting them go so that our mind returns to its initial refinement and stability.

*See also 76, 103, 108, 127, 149, 158, 172.*

\*



Ý của mình hồi xưa tham tiền tham của cho nên thấy ai hơ hống thì lấy. Bây giờ có tu biết rằng lấy của không cho là mang tội trộm cắp nên không dám lấy nữa. Lỡ có ai làm rớt tiền vật, mình lượm và mang trả lại. Nhưng nếu trong lòng còn tiếc, vậy có phải là tham vi tế không?

Hồi xưa nghe nói trái tai mình nổi giận la hét. Bây giờ tu khá không giận ngoài mặt mà ngậm ngậm trong bụng, không thèm nhìn mặt người nói, bỏ đi chỗ khác. Như vậy vẫn là sân. Chừng nào khi nghe không thấy chướng ngại, không thấy bức bối thì mới hết sân.

Khi chúng ta dính mắc với sáu trần, nếu thuận ý mình sẽ khởi tham, hoặc nghịch ý mình sẽ khởi sân. Tâm bị nhiễm tham hoặc sân độc nên mê mờ, mất đi niệm biết tỉnh khôi và bình ổn ban đầu, từ đó tạo nghiệp. Tu là nhìn tâm để phát hiện tham hay sân trong tâm, buông đi thì tâm trở về vị trí tỉnh khôi và bình ổn ban đầu.

*Xin xem số 76, 103, 108, 127, 149, 158, 172.*

\*

## SIX PARAMITAS

*142. But the sutras say the six paramitas are charity, morality, patience, devotion, meditation, and wisdom. Now you say the paramitas refer to the purification of the senses. What do you mean by this? And why are they called ferries?*

143. Cultivating the paramitas means purifying the six senses by overcoming the six thieves. Casting out the thief of the eye by abandoning the visual world is charity. Keeping out the thief of the ear by not listening to sounds is morality. Humbling the thief of the nose by equating all smells as neutral is patience. Controlling the thief of the mouth by conquering desires to taste, praise, and explain is devotion.

Quelling the thief of the body by remaining unmoved by sensations of touch is meditation. And taming the thief of the mind by not yielding to delusions but practicing wakefulness is wisdom.

These six paramitas are transports. Like boats or rafts, they transport beings to the other shore. Hence they're called ferries.

## SÁU BA-LA-MẬT

**142. HỎI:** *Như kinh nói, sáu ba-la-mật cũng gọi là sáu độ, tức là: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, và trí tuệ. Nay nói sáu căn thanh tịnh gọi là Ba-la-mật thì làm sao mà thông hội được? Lại sáu độ nghĩa ấy thế nào?*

**143. ĐÁP:** Muốn tu sáu độ, phải tịnh sáu căn, phải hàng phục lục tặc.

- Hay xả nhãn tặc (*giặc mắt*), lia được cảnh sắc, gọi là bố thí.

- Hay cầm nhĩ tặc, không buông lung theo thanh trần, gọi là trì giới.

- Hay nhiếp phục tỉ tặc, đồng bình đẳng với các mùi thơm hôi, tự tại điều hòa, gọi là nhẫn nhục.

- Hay chế phục thiệt tặc, không tham các vị và ca ngâm xướng vịnh, gọi là tinh tấn.

- Hay hàng phục thân tặc, đối với xúc lặng lẽ chẳng động, gọi là thiền định.

- Hay điều phục ý tặc, không thuận theo vô minh, thường tu giác tuệ, gọi là trí tuệ.

Sáu độ là vận chuyển. Sáu ba-la-mật như chiếc thuyền hay chiếc bè vận chuyển chúng sanh đến nơi bờ kia. Nên gọi là sáu độ.

**138. The three sets of precepts are for overcoming the three poisoned states of mind. When you overcome these poisons, you create three sets of limitless virtue. A set gathers things together in this case, countless good thoughts throughout your mind. And the six paramitas are for purifying the six senses. What we call paramitas you call means to the other shore. By purifying your six senses of the dust of sensation, the paramitas ferry you across the River of Affliction to the Shore of Enlightenment.**

**81. When you're deluded, this shore exists. When you wake up, it doesn't exist. Mortals stay on this shore. But those who discover the greatest of all vehicles stay on neither this shore nor the other shore.**

**They're able to leave both shores. Those who see the other shore as different from this shore don't understand zen.**

**110. When you're deluded, you're on this shore.**

**When you're aware, you're on the other shore. But once you know your mind is empty and you see no appearances, you're beyond delusion and awareness. And once you're beyond delusion and awareness, the other shore doesn't exist.**

**The tathagata isn't on this shore or the other shore. And he isn't in midstream. Arhats are in midstream and mortals are on this shore. On the other shore is buddhahood.**

**See also 6, 80, 105, 145, 146.**

**\***

**138. ĐÁP:** Tam tụ tịnh giới là ngăn tâm ba độc thành ra vô lượng nhóm thiện. Vô lượng pháp thiện hội hợp nơi tâm nên gọi là tam tụ tịnh giới. Lục Ba-la-mật ấy tức là tịnh sáu căn. Lục ba-la-mật tức bờ bên kia. Người Ấn Độ gọi là ba-la-mật. Người Trung Hoa gọi là đến bờ bên kia. Do sáu căn thanh tịnh không nhiễm theo sáu trần, tức là qua được con sông phiền não, đến bờ Bồ-đề.

**81.** Khi mê thì có bờ này. Khi ngộ thì không bờ này. Vì có sao? Vì phàm phu một bề trụ bên này. Nếu giác được tối thượng thừa, tâm không trụ bên này cũng chẳng trụ bên kia.

Cho nên lìa bờ bên này và bờ bên kia vậy. Nếu thấy bờ kia khác với bờ này, tâm người ấy chưa được thiên định.

**110.** Khi mê là ở bờ này. Khi ngộ là ở bờ kia. Nếu biết tâm không, chẳng thấy tướng thì lìa mê ngộ. Đã lìa mê ngộ, tức không bờ này bờ kia.

Như Lai không ở bờ này, cũng chẳng ở bờ kia, chẳng ở ngay giữa dòng. Ở giữa dòng là chỉ cho người tiểu thừa. Bờ bên này chỉ cho phàm phu. Bờ bên kia chỉ cho Bồ-tát.

Xin xem số 6, 80, 105, 145, 146.

\*

## THREE SETS of PRECEPTS

*137. But the great bodhisattvas have achieved enlightenment only by observing the three sets of precepts and practicing the six paramitas.*

*Now you tell disciples merely to behold the mind. How can anyone reach enlightenment without cultivating the rules of discipline?*

138. The three sets of precepts are for overcoming the three poisoned states of mind. When you overcome these poisons, you create three sets of limitless virtue. A set gathers things together in this case, countless good thoughts throughout your mind.

And the six paramitas are for purifying the six senses. What we call paramitas you call means to the other shore. By purifying your six senses of the dust of sensation, the paramitas ferry you across the River of Affliction to the Shore of Enlightenment.

141. You should realize that the practice you cultivate doesn't exist apart from your mind. If your mind is pure, all buddha-lands are pure. The sutras say, "If their minds are impure, beings are impure. If their minds are pure, beings are pure." And "To reach a buddha-land, purify your mind. As your mind becomes pure, buddha-lands become pure." Thus by overcoming the three poisoned states of mind the three sets of precepts are automatically fulfilled.

See also 145, 146.

## TAM TỤ TỊNH GIỚI

**137. HỎI:** Bồ-tát Ma-ha-tát do trì tam tụ tịnh giới, hành lục pháp ba-la-mật mới thành Phật đạo.

*Nay bảo người học chỉ cần quán tâm, không tu giới hạnh thì làm sao thành Phật?*

**138. ĐÁP:** Tam tụ tịnh giới là ngăn tâm ba độc thành ra vô lượng nhóm thiện. Vô lượng pháp thiện hội họp nơi tâm nên gọi là tam tụ tịnh giới.

Lục ba-la-mật tức tịnh hóa sáu căn. Người Ấn Độ gọi là ba-la-mật. Người Trung Hoa gọi là đến bờ bên kia. Do sáu căn thanh tịnh không nhiễm theo sáu trần, tức là qua được con sông phiền não, đến bờ Bồ-đề.

**141.** Nên biết chỗ tu giới hạnh chẳng lìa nơi tâm. Nếu tự tâm thanh tịnh thì tất cả Phật độ đều thanh tịnh. Nên kinh nói: “Tâm cấu thì chúng sanh cấu. Tâm tịnh thì chúng sanh tịnh. Muốn đến nước Phật, trước cần tịnh tâm. Tùy tâm mình tịnh, xứ Phật tịnh theo. Ba tụ tịnh giới tự nhiên thành tựu.”

Xin xem số 145, 146.

\*

## MIND

*119. If someone is determined to reach enlightenment, what is the most essential method he can practice?*

120. The most essential method, which includes all other methods, is beholding the mind.

*121. But how can one method include all others?*

122. The mind is the root from which all things grow. If you can understand the mind, everything else is included. It's like the root of a tree. All a tree's fruit and flowers, branches and leaves depend on its root. If you nourish its root, a tree multiplies. If you cut its root, it dies. Those who understand the mind reach enlightenment with minimal effort. Those who don't understand the mind practice in vain. Everything good and bad comes from your own mind. To find something beyond the mind is impossible.

*123. But how can beholding the mind be called understanding?*

124. When a great bodhisattva delves deeply into perfect wisdom, he realizes that the four elements and five shades are devoid of a personal self.



# TÂM

**119. HỎI:** *Nếu có người chỉ cầu Phật đạo thì phải tu theo pháp gì thật là tỉnh yếu?*

**120. ĐÁP:** Chỉ quán tâm. Đó là một pháp tổng nhiếp hết các pháp nên rất là tỉnh yếu.

**121. HỎI:** *Sao nói một pháp hay nhiếp hết các pháp?*

**122. ĐÁP:** Tâm là cội gốc của muôn pháp. Tất cả các pháp chỉ do tâm mà sanh.

Nếu hay liễu được tâm thì muôn pháp đều đầy đủ, ví như cây to có những cành lá và hoa quả đều y nơi gốc sanh ra. Khi sấn sóc ở gốc thì cây sinh sôi nảy nở. Khi chặt cây đào gốc ắt cây phải chết.

Nếu liễu được tâm tu hành thì ít tốn công lực mà dễ thành. Còn không liễu được tâm tu hành thì phí công nhiều mà vô ích. Nên biết tất cả thiện ác đều do tâm mình. Ngoài tâm riêng cầu gì khác trọn không có lẽ ấy.

**123. HỎI:** *Thế nào quán tâm gọi là liễu?*

**124. ĐÁP:** Bồ-tát Ma-ha-tát khi hành thâm pháp bát-nhã ba-la-mật-đa, rõ tứ đại ngũ uẩn vốn không, vô ngã.

**And he realizes that the activity of his mind has two aspects: pure and impure. By their very nature, these two mental states are always present. They alternate as cause or effect depending on conditions, the pure mind delighting in good deeds, the impure mind thinking of evil.**

**Those who aren't affected by impurity are sages. They transcend suffering and experience the bliss of nirvana. All others, trapped by the impure mind and entangled by their own karma, are mortals.**

**They drift through the three realms and suffer countless afflictions, and all because their impure mind obscures their real self.**

Pure mind is awareness, impure mind is unawareness. When the six sense-organs are in contact with six sense objects we become attached and as result we create good/bad karma, subject to sinking into the three realms of suffering.

When King Wu of Liang asked: "What is the meaning of the Supreme Sacred Principle?" the Patriarch replied, "Vast emptiness, nothing holy." "Who is in front of me?" asked the king. "Don't know," replied the Patriarch.

The King could not get to the profound meaning. The Patriarch then left Liang for Northern Wei.

The Supreme Sacred Principle is the ultimate end of the Way, beyond words, beyond any discrimination. It is 'vast emptiness' because it is not the object of six senses or six consciousnesses. It is 'nothing holy' because there is no fixed reality.

**Rồi liễu kiến, tự tâm khởi dụng có hai thứ sai biệt. Một là tịnh tâm, hai là nhiễm tâm.**

**Hai tâm pháp này tự nhiên xưa nay đều có, tuy giả duyên hợp mà hỗ tương đối đãi. Tâm tịnh hằng ưa nhân lành, còn nhiễm thì thường suy nghĩ nghiệp ác.**

**Nếu không thọ nhiễm thì gọi là thánh, xa lìa các khổ đau, chứng được cái vui Niết-bàn. Còn theo tâm nhiễm mà tạo nghiệp ắt chịu trôi buộc, gọi là phàm.**

**Họ chìm đắm trong tam giới, chịu các thứ khổ. Vì có sao? Vì do tâm nhiễm kia che lấp thể chân như.**

Tâm tịnh đồng nghĩa với tỉnh giác và tâm nhiễm là si mê, tức là sáu căn khi tiếp xúc với sáu trần có dính mắc và tạo nghiệp thiện/ác, nên chìm đắm trong ba cõi, chịu các thứ khổ.

Khi vua Lương Võ đế hỏi Tổ Đạt-ma: “Thế nào là đệ nhất nghĩa của thánh đế?” Tổ đáp: “Rỗng thênh không thánh.” Vua hỏi: “Đối diện trẫm là ai?” Tổ đáp: “Chẳng biết.”

Vua không khê hội. Tổ bèn sang sông đến Bắc Ngụy.

Thánh đế đệ nhất nghĩa là cứu cánh của Đạo, ra ngoài ngôn ngữ và siêu vượt phân biệt đối đãi. Rỗng thênh vì đây không phải đối tượng của sáu căn hay sáu thức. Không thánh vì không có thực thể cố định.

Certainly, in front of the King was the Patriarch Bodhidharma in flesh and blood.

But the Patriarch replied “Don’t know” because with his pure mind he lived with the real self or true person which is his suchness-nature, neither born nor dead, not with his impermanent body.

That suchness-nature is indeed the Patriarch, who cannot be realized through words, hence the reply “Don’t know.”

Reasoning and mind-consciousness can never realize this suchness-nature or Original Face, which is also called Dharma Body, True Mind, Buddha, Supreme Sacred Principle.

***8. But if they don’t define it, what do they mean by mind?***

**9. You ask. That’s your mind. I answer. That’s my mind. If I had no mind, how could I answer? If you had no mind, how could you ask? That which asks is your mind.**

**Through endless kalpas without beginning, what ever you do, wherever you are, that’s your real mind that’s your real buddha. This mind is the buddha says the same thing. Beyond this mind you’ll never find another buddha. To search for enlightenment or nirvana beyond this mind is impossible. The reality of your own self-nature, the absence of cause and effect, is what’s meant by mind.**

“Đối trảm” rõ ràng là Tổ Đạt-ma, con người bằng xương bằng thịt.

Nhưng Tổ đáp “không biết” vì tâm của Tổ không nhiễm, nên Tổ sống với con người chân thật là thể chân như bất sanh bất diệt, không sống với con người bằng xương bằng thịt sanh diệt. Thể chân như đó mới chính là Tổ, và vì lời nói không với đến được nên “không biết.”

Lý trí và ý thức “không biết” được thể chân như hay ‘gương mặt xưa nay’ này, còn gọi là Pháp thân, chân tâm, Phật tánh, Thánh để đệ nhất nghĩa.

**8. HỎI: Nếu chẳng lập văn tự thì lấy gì làm tâm?**

**9. ĐÁP:** Ông hỏi ta, tức là tâm của ông. Ta đáp ông, tức là tâm của ta. Ta nếu không tâm, nhân đâu mà hiểu để đáp lời ông. Ông nếu không tâm, nhân đâu mà hiểu để hỏi ta. Hỏi ta, tức là tâm ông.

Từ vô thủy kiếp đến nay, tất cả thi vi vận động, trong tất cả thời nào và tất cả chỗ đều là bản tâm của ông, đều là bản Phật của ông. Tức tâm là Phật cũng lại như thế. Trừ tâm này ra, trọn không có Phật nào khác có thể được. Lìa tâm này tìm Bồ-đề, Niết-bàn trọn không có lẽ phải. Tự tánh chân thật chẳng phải nhân chẳng phải quả. Pháp tức là nghĩa của tâm.

**Your mind is nirvana. You might think you can find a buddha or enlightenment somewhere beyond the mind, but such a place doesn't exist.**

**38. The mind's capacity is limitless, and its manifestations are inexhaustible. Seeing forms with your eyes, hearing sounds with your ears, smelling odors with your nose, tasting flavors with your tongue, every movement or state is all your mind. At every moment, where language can't go, that's your mind.**

**107. Without the mind there's no buddha means that the buddha comes from the mind. The mind gives birth to the buddha. But although the buddha comes from the mind, the mind doesn't come from the buddha, just as fish come from water, but water doesn't come from fish. Whoever wants to see a fish sees the water before he sees the fish. And whoever wants to see a buddha sees the mind before he sees the buddha.**

**Once you've seen the fish, you forget about the water. And once you've seen the buddha, you forget about the mind. If you don't forget about the mind, the mind will confuse you, just as the water will confuse you if you don't forget about it.**

Whoever wants to see a fish sees the water before he sees the fish. And whoever wants to see a buddha sees the mind before he sees the buddha.

Therefore, because our practice is to become Buddha, we should see and be aware of our mind activities – greed, anger, or delusion?

**Tự tâm là Bồ-đề. Tự tâm là Niết-bàn. Nếu nói ngoài tâm có Phật và Bồ-đề có thể được thì không có lẽ phải.**

**38. Tâm lượng rộng lớn và ứng dụng không cùng. Ứng nơi mắt thì thấy sắc, ứng nơi tai thì nghe tiếng, ứng nơi mũi thì ngửi mùi, ứng nơi lưỡi thì nếm vị ... cho đến thị vi vận động đều là tự tâm. Trong tất cả thời chỉ có “ngôn ngữ đạo đoạn” tức là tự tâm.**

**107. Lìa Phật không tâm ấy là nói Phật nơi tâm lưu xuất. Tâm hay sanh Phật, tuy Phật từ tâm sanh, mà Phật chưa từng sanh tâm. Cũng như cá sanh ở nước, nhưng nước không thể sanh nơi cá. Cho nên muốn xem cá, chưa thấy cá mà trước đã thấy nước. Cũng vậy, muốn xem Phật, chưa thấy Phật mà trước đã thấy tâm.**

**Tức biết đã thấy được cá thì phải quên nước, đã thấy được Phật thì phải quên tâm. Nếu không quên tâm thì sẽ bị tâm làm mê lầm. Nếu không quên nước thì sẽ bị nước làm mê lầm.**

Muốn xem cá, chưa thấy cá mà trước đã thấy nước. Cũng vậy, muốn xem Phật, chưa thấy Phật mà trước đã thấy tâm.

Như vậy mục đích tu tập là thành Phật thì trước phải thấy biết tâm của chúng ta đang vận hành như thế nào, là tham, là sân, hay si?

However, when we recognize our greedy, angry, or deluded minds, if we cannot let them go we are still governed by them and create Karma. Only when we drop these poisonous states of mind, will the Buddha within us manifest. So, it is said that the buddha comes from the mind.

**78. Not thinking about anything is zen. Once you know this, walking, standing, sitting, or lying down, everything you do is zen. To know that the mind is empty is to see the buddha. The buddhas of the ten directions have no mind. To see no mind is to see the buddha.**

**79. To give up yourself without regret is the greatest charity.**

**To transcend motion and stillness is the highest meditation. Mortals keep moving, and arhats stay still. But the highest meditation surpasses both that of mortals and that of arhats.**

**People who reach such understanding free themselves from all appearances without effort and cure all illnesses without treatment. Such is the power of great zen.**

*See also 10, 11, 12, 72, 73, 97, 102, 106, 116, 130, 141.*

\*



Nhưng nếu rõ biết tâm tham-sân-si mà không buông bỏ thì vẫn bị tâm đó sai sử dẫn đến tạo nghiệp. Chỉ khi nào buông bỏ tâm đó thì Phật xuất hiện. Cho nên nói Phật từ tâm lưu xuất.

**78. Chẳng nhớ tất cả pháp mới gọi là thiên định. Nếu rõ được lời này thì đi-đứng-nằm-ngồi đều là thiên định. Biết tâm là không gọi là thấy Phật. Vì có sao? Vì mười phương chư Phật đều do vô tâm. Không thấy nơi tâm gọi là thấy Phật.**

**79. Xả bỏ tâm không tiếc gọi là đại bố thí.**

Lìa hết động và định gọi là đại tọa thiền. Vì có sao? Vì phạm phu một bề hướng về động, tiểu thừa một bề hướng về định. Ra khỏi hai lỗi tọa thiền của phạm phu và tiểu thừa gọi là đại tọa thiền.

**Nếu khởi được cái hội này thì tất cả tướng chẳng lìa mà tự hiểu, tất cả bệnh chẳng trị mà tự lành**

*Xin xem số 10, 11, 12, 72, 73, 97, 102, 106, 116, 130, 141.*

\*

## TRUE SEEING

**88. The mind and the world are opposites, and vision arises where they meet. When your mind doesn't stir inside, the world doesn't arise outside. When the world and the mind are both transparent, this is true vision. And such understanding is true understanding.**

The seeing arises where the mind and the surroundings meet. The seeing is the marvelous function or manifestation of our enlightened nature. If our mind stops at this stage, without any further thought, we are aware. At this point the mind and the surroundings are both transparent and pure.

Otherwise if successive thoughts arise in our mind there is attachment which generates craving-anger-delusion that leads us to create Karma.

**89. To see nothing is to perceive the Way, and to understand nothing is to know the Dharma, because seeing is neither seeing nor not seeing and because understanding is neither understanding nor not understanding. Seeing without seeing is true vision. Understanding without understanding is true understanding.**

## CHÁNH KIẾN

**88. Tâm và cảnh đối đãi nhau, cái thấy sanh trong ấy. Nếu trong chẳng khởi tâm thì ngoài chẳng sanh cảnh. Cho nên tâm và cảnh đều tịnh mới gọi là chân kiến. Hiểu được như thế mới gọi là chánh giải (thực hiểu).**

Cái thấy phát sanh khi tâm và cảnh gặp nhau. Cái thấy này là diệu dụng của tánh biết. Nếu chúng ta dừng ngang đây, không khởi niệm tiếp theo thì chúng ta tỉnh giác. Lúc đó tâm và cảnh đều thanh tịnh.

Ngược lại nếu chúng ta khởi niệm tức là có sự dính mắc, từ đó tham-sân-si phát sinh và dẫn đến tạo nghiệp.

**89. Chẳng thấy tất cả pháp mới gọi là được đạo. Chẳng hiểu tất cả pháp mới gọi là hiểu pháp. Vì có sao? Vì thấy cùng chẳng thấy đều là chẳng thấy; hiểu cùng chẳng hiểu đều là chẳng hiểu. Thấy cái không thấy mới gọi là chân kiến. Hiểu được như thế mới gọi là đại giải.**

**90. True vision isn't just seeing seeing. It's also seeing not seeing. And true understanding isn't just understanding understanding. It's also understanding not understanding. If you understand anything, you don't understand. Only when you understand nothing is it true understanding. Understanding is neither understanding nor not understanding.**

“Seeing seeing” is seeing objects, “understanding understanding” is understanding things; both mean seeing and understanding the birth-and-death appearance of all phenomena. This is the function or manifestation aspect. “Seeing not seeing” and “understanding not understanding” means we realize that the true nature of all phenomena is empty. This is the substance aspect.

*See also 86, 87.*

\*

**90. Chân kiến chẳng phải chỉ thấy ở nơi thấy, cũng thấy ở nơi chẳng thấy.**

**Chân giải chẳng phải thẳng nơi giải, mà cũng là giải nơi bất giải. Phàm có chỗ giải đều gọi là bất giải. Phàm không chỗ giải mới gọi là chân giải. Giải cùng bất giải đều không phải giải.**

Thấy nơi thấy tức thấy vật, và hiểu nơi hiểu tức hiểu vật; cả hai có nghĩa là thấy và hiểu tương sinh diệt của các pháp. Đây nói mặt dụng. Thấy nơi không thấy và hiểu nơi không hiểu là nhận ra thực tánh các pháp vốn là không. Đây nói mặt thể.

*Xin xem số 86, 87.*

\*

## MERITORIOUS WORKS

*147. Throughout the sutras the Buddha tells mortals they can achieve enlightenment by performing such meritorious works as building monasteries, casting statues, burning incense, scattering flowers, lighting eternal lamps, practicing all six periods of the day and night, walking around stupas, observing fasts, and worshipping. But if beholding the mind includes all other practices, then such works as these would appear redundant?*

148. The sutras of the Buddha contain countless metaphors. Because mortals have shallow minds and don't understand anything deep, the Buddha used the tangible to represent the sublime. People who seek blessings by concentrating on external works instead of internal cultivation are attempting the impossible.

150. Casting statues refers to all practices cultivated by those who seek enlightenment.

The Tathagata's sublime form can't be represented by metal. Those who seek enlightenment regard their bodies as the furnace, the Dharma as the fire, wisdom as the craftsmanship, and the three sets of precepts and six paramitas as the mold.

## VIỆC CÔNG ĐỨC

**147. HỎI:** Trong kinh nói, Phật dạy chúng sanh phải tu tạo ngôi già-lam, đúc hoặc vẽ hình tượng Phật, đốt hương tán hoa, thắp đèn sáng luôn ngày đêm ngày sáu thời, đi nhiều tháp hành đạo, trì trai, lễ bái - mọi thứ công đức như vậy mới thành Phật đạo. Nếu chỉ quán tâm mà tổng nhiếp hết các hạnh, nói như vậy là hư dối sao?

**148. ĐÁP:** Phật nói kinh dùng vô lượng phương tiện do vì tất cả chúng sanh độn căn yếu kém không ngộ được ý nghĩa thậm thâm, sợ dĩ mượn pháp hữu vi để dụ cho pháp vô vi. Nếu người chẳng tu nội hạnh, duy chỉ cầu bên ngoài mong được phước thì không thể có được.

**150. Nói đúc tạc hay vẽ hình tượng Phật, Bồ-tát là nói tất cả chúng sanh cầu Phật đạo.**

Phải tu các giác hạnh phỏng theo chân dung diệu tướng của Như Lai. Há đúc vàng tạc đồng mà thành sao? Thế nên, người cầu giải thoát dùng thân làm lò hương, dùng Pháp làm lửa, trí tuệ làm thợ khéo, dùng ba tụ tịnh giới, sáu ba-la-mật làm khuôn mẫu để đúc.

**They smelt and refine the true buddha-nature within themselves and pour it into the mold formed by the roles of discipline. Acting in perfect accordance with the Buddha's teaching, they naturally create a perfect likeness. The eternal, sublime body isn't subject to conditions or decay. If you seek the Truth but don't learn how to make a true likeness, what will you use in its place?**

The blessings or merits acquired from building a monastery are good rewards, otherwise the retribution of sin is the bad reward.

But both rewards are causative or karmic phenomena which are birth and death. However, virtue implies the internal cultivation of meditation and wisdom. Here the term blessings means virtues, and only virtues can lead to enlightenment and liberation. This is illustrated in the dialogue between Bodhidharma and King Wu of Liang as follow:

After he arrived in China, before spending nine years in meditation facing the rock wall of a cave near Shaolin temple, Bodhidharma met King Wu of Liang.

King Wu asked the Patriarch Bodhidharma, "I have been printing the scriptures, building temples, and supporting monks. What virtue have I achieved?"

"No virtue is achieved," said Bodhidharma.



**Họ lợc luyện chất chân như Phật tánh nơi mình cho thấm nhập khắp tất cả mô phạm của giới luật, như lời dạy mà vâng làm, không để một chút nào thiếu sót, tự nhiên được thành tựu hình tượng chân dung Phật. Đó là pháp thân cứu kính thường trụ vi diệu không phải những pháp hữu vi bại hoại. Người cầu đạo mà không hiểu ý nghĩa việc đức tạc chân dung như thế thì nương vào đâu mà nói là công đức?**

Tu bỏ già-lam chỉ cho phước báo là quả báo tốt, ngược lại với tội báo là quả báo xấu.

Tuy nhiên cả hai vẫn là pháp hữu vi sinh diệt. Trong khi công đức do công phu tu tập nội tâm hướng về định, huệ. Ở đây chữ phước có nghĩa công đức, và chỉ có công đức mới đưa đến giác ngộ và giải thoát. Điều này được nêu rõ trong đối đáp giữa tổ Đạt-ma và vua Lương Võ Đế như sau:

Sau khi đến Trung Hoa, trước khi ngồi chín năm quay mặt vào vách đá (*cửu niên diện bích*) trong một hang động trên núi Thiếu Lâm, tổ Đạt-ma đã gặp vua Lương Võ Đế.

Vua hỏi Tổ: “Trẫm in kinh, cất chùa và độ tăng có công đức chăng?”

Tổ đáp: “Không công đức.”

In the Platform Sutra, Patriarch Hui-Neng also said, “Merits can not be considered virtue achieved. Virtue is in the Dharma Body, not in the accumulation of merits.” If we practice donations such as printing scriptures, building temples, and supporting monks, from the standpoint of form consequently there is merit. But the source-meaning of giving is to practice equanimity, and if this practice reaches the ultimate level of ‘Three emptinesses in giving’ (*no giver, no gift, no recipient*), meditation and wisdom can as well be achieved, and then we get virtue.

**151. And burning incense doesn’t mean ordinary material incense but the incense of the intangible Dharma, which drives away filth, ignorance, and evil deeds with its perfume. There are five kinds of such dharma-incense. First is the incense of morality, which means renouncing evil and cultivating virtue. Second is the incense of meditation, which means deeply believing in the Mahayana with unwavering resolve. Third is the incense of wisdom, which means contemplating the body and mind, inside and out. Fourth is the incense of liberation, which means severing the bonds of ignorance. And fifth is the incense of perfect knowledge, which means being always aware and nowhere obstructed.**

Ngoài ra tổ Huệ Năng trong kinh Pháp Bảo Đàn đã nói “Không thể đem phước đổi làm công đức. Công đức ở trong Pháp thân, không phải do tu phước mà được.” Nếu gieo nhân bố thí cúng dường như in kinh, cất chùa, độ tăng trên mặt hình tướng chắc chắn có phước báo. Nhưng nghĩa gốc của bố thí là tập tu hạnh xả, và tu xả đến mức rốt ráo, được ‘tam luân không tịch (*người nhận, người cho và của cho là không*)’ sẽ đạt định phát huệ, tức có công đức.

**151. Việc đốt hương không phải là hương hình tướng ở thế gian mà chính là hương vô vi của chánh pháp. Hương này xông lên khiến mùi hôi nhơ của vô minh ác nghiệp thấy đều tiêu diệt. Hương chánh pháp ấy có năm thứ:**

**Một** là hương giới, nghĩa là năng đoạn các ác, tu mọi điều lành.

**Hai** là hương định, nghĩa là thâm tín đại thừa, tâm không thoái chuyển.

**Ba** là hương tuệ, nghĩa là thường nơi thân tâm trong ngoài quán sát.

**Bốn** là hương giải thoát, nghĩa là hay đoạn tất cả vô minh kiếp phược.

**Năm** là hương giải thoát tri kiến, nghĩa là quán chiếu thường sáng suốt, thông đạt không ngại.

**These five are the most precious kinds of incense and far superior to anything the world has to offer.**

**153. For scattering flowers the same holds true. This refers to speaking the Dharma, scattering flowers of virtue, in order to benefit others and glorify the real self. These flowers of virtue are those praised by the Buddha. They last forever and never fade. And whoever scatters such flowers reaps infinite blessings. If you think the Tathagata meant for people to harm plants by cutting off their flowers, you're wrong.**

**Those who observe the precepts don't injure any of the myriad life forms of heaven and earth. If you hurt something by mistake, you suffer for it. But those who intentionally break the precepts by injuring the living for the sake of future blessings suffer even more. How could they let would-be blessings turn into sorrows?**

**154. The eternal lamp represents perfect awareness.**

**Likening the illumination of awareness to that of a lamp, those who seek liberation see their body as the lamp, their mind as its wick, the addition of discipline as its oil, and the power of wisdom as its flame.**

**By lighting this lamp of perfect awareness they dispel all darkness and delusion. And by passing this dharma on to others they're able to use one lamp to light thousands of lamps.**

**Đó là năm thứ hương tối thượng, thể gian không gì sánh bằng.**

**153. Việc tán hoa nghĩa cũng như vậy, tức là diễn nói chánh pháp tán hoa công đức để làm lợi ích cho loài hữu tình và ca tụng tánh chân như khiến cho tất cả trang nghiêm. Hoa công đức này tán thán Phật, cứu kính thường trụ và không thời kỳ nào héo tàn. Ai tán hoa như thế sẽ được phước vô lượng. Nếu nói Như Lai dạy chúng sanh chặt cành bứt nhánh lấy hoa cúng Phật, làm thương tổn đến cỏ cây, điều ấy không đúng.**

**Vì sao? Vì người đã giữ giới thanh tịnh thì vạn tượng sum la trong trời đất đều chẳng xúc chạm. Nếu làm xúc chạm mắc tội rất lớn, huống nữa ngày nay cố tình hủy hoại, phá tịnh giới, thương tổn vạn vật để cầu phước báo thì muốn lợi ích cho mình trở lại thành tổn giảm.**

**154. Đốt đèn lưu ly (*sáng mãi*) là nói tâm chánh giác. Lấy sức sáng của tánh giác dụ như ngọn đèn. Thế nên mọi người cầu giải thoát phải lấy thân làm đài của ngọn đèn, lấy tâm làm tim đèn, giới hạnh là châm dầu cho đèn, và trí tuệ sáng suốt dụ lửa đèn.**

**Đó là đèn chánh giác chiếu phá tất cả vô minh si ám. Và dùng pháp này truyền bá đến mọi người khai thị cho nhau, tức là một ngọn đèn mỗi qua trăm ngàn ngọn đèn.**

**And because these lamps likewise light countless other lamps, their light lasts forever.**

**156. Practicing all six periods of the day and night means constantly cultivating enlightenment among the six senses and persevering in every form of awareness. Never relaxing control over the six senses is what's meant by all six periods.**

**157. As for walking around stupas, the stupa is your body and mind. When your awareness circles your body and mind without stopping, this is called walking around a stupa. The sages of long ago followed this path to nirvana. But people today don't understand what this means. Instead of looking inside they insist on looking outside. They use their material bodies to walk around material stupas. And they keep at it day and night, wearing themselves out in vain and coming no closer to their real self.**

**158. The same holds true for observing a fast. It's useless unless you understand what this really means. To fast means to regulate, to regulate your body and mind so that they're not distracted or disturbed. And to observe means to uphold, to uphold the rules of discipline according to the Dharma.**

**Đèn này qua đèn khác không cùng tận, nên gọi là chong đèn sáng mãi.**

**156. Sáu thời hành đạo nghĩa là nơi sáu căn thường hành đạo. Tu các giác hạnh và điều phục sáu căn không lúc nào lơ lửng, gọi là sáu thời hành đạo.**

**157. Nói nhiều tháp hành đạo, “tháp” tức là “thân tâm.” Phải tu các giác hạnh tuần nhiều thân tâm niệm niệm chẳng dừng, gọi là “nhiều tháp”. Thánh nhân thời quá khứ đều hành đạo này đến được Niết-bàn. Thời nay người đời không hội được lý này, chẳng hành nội tâm, chỉ chấp bên ngoài mà cầu, đem thân chất ngại nhiều quanh tháp thế gian, ngày đêm luống tự nhọc công, đối với chân tánh không chút lợi ích gì.**

**158. Còn trì trai phải hiểu được ý, nếu không thông đạt thì luống nhọc công phu. “Trai” là “tê”, gọi rằng đồng tê tức là nghiêm chỉnh thân tâm không cho tán loạn. “Trì” là giữ và “hộ” là giúp, nghĩa là đối với giới hạnh như pháp mà hộ trì.**

Fasting means guarding against the six attractions on the outside and the three poisons on the inside and striving through contemplation to purify your body and mind.

159. Fasting also includes five kinds of food. First there's delight in the Dharma. This is the delight that comes from acting in accordance with the Dharma. Second is harmony in meditation. This is the harmony of body and mind that comes from seeing through subject and object. Third is invocation, the invocation of buddhas with both your mouth and your mind. Fourth is resolution, the resolution to pursue virtue whether walking, standing, sitting, or lying down. And fifth is liberation, the liberation of your mind from worldly contamination. These five are the foods of fasting.

162. Worship means reverence and humility. It means revering your real self and humbling delusions. If you can wipe out evil desires and harbor good thoughts, even if nothing shows, it's worship. Such form is its real form.

The real form of phenomena is the True Nature or Dharma-nature. The Sutra says, "Only when the person who bows and the object of tribute are both empty, then there is communication with the Way."



Ngoài thì cấm giữ sáu tình, trong thì chế phục ba độc, siêng năng cần mẫn giác sát, thanh tịnh thân tâm. Rõ được nghĩa như thế mới gọi là trì trai.

159. Ăn chay có năm thứ:

Một là Pháp hỷ thực nghĩa là y theo chánh pháp, hoan hỷ phụng hành.

Hai là thiên duyệt thực nghĩa là trong ngoài lóng lạng, thân và tâm vui thích.

Ba là niệm thực nghĩa là thường niệm chư Phật, tâm và miệng tương ưng.

Bốn là nguyện thực nghĩa là trong lúc đi đứng nằm ngồi luôn phát nguyện lành.

Năm là giải thoát thực nghĩa là tâm thường thanh tịnh, không nhiễm theo trần tục.

Ăn năm món này gọi là trì trai.

162. Phàm nói “lễ” tức “kính”, nói “bái” tức “phục”. Có nghĩa cung kính chân tánh và nép phục vô minh gọi là lễ bái.

Nếu hằng diệt ác tình, hằng còn thiện niệm, tuy chẳng hiện lý tướng, vẫn là lễ bái. Tướng ấy tức là Pháp tướng.

Pháp tướng ở đây nghĩa là thực tướng các pháp tức là thực tánh hay Pháp tánh. Kinh có nói: “Năng lễ sở lễ tánh không tịch, cảm ứng đạo giao nan tư nghi.”

The person who bows is the subject and the object is the statue of Buddha or a patriarch; both have empty nature. When we are bowing and realize this emptiness, the communication with the Way will appear, and this communication is inconceivable. Therefore in the act of bowing there is the practice of concentration and wisdom.

**163. The Lord wanted worldly people to think of worship as expressing humility and subduing the mind. So he told them to prostrate their bodies to show their reverence, to let the external express the internal, to harmonize essence and form. Those who fail to cultivate the inner meaning and concentrate instead on the outward expression never stop indulging in ignorance, hatred, and evil while exhausting themselves to no avail. They can deceive others with postures, remain shameless before sages and vain before mortals, but they'll never escape the Wheel, much less achieve any merit.**

The prostration in accordance with the Dharma which has the purpose to express our humility is a practice of breaking our ego, as the Sixth Patriarch chided the monk Fa-ta when, having met him, Fa-ta bowed to him without his head touching the ground:

“If you bow without reaching the ground, how does that compare to not bowing at all?

Năng lễ là người lạy (*chủ thể*), sở lễ là Phật hay Tổ (*đối tượng*), cả hai thể tánh là không. Nếu khi lễ bái chúng ta nhận ra được tánh không này, lúc đó sẽ cảm ứng được với đạo, và cảm ứng này không thể nghĩ bàn. Như vậy trong hành động lễ bái có tu tập định và tuệ.

**163. Thế Tôn muốn khiến cho người thế tục biểu hiện tâm khiêm hạ cũng dùng lễ bái.**

Cho nên thân bên ngoài phải khuất phục để thị hiện cung kính bên trong. Nếu bên ngoài để rõ bên trong, tánh và tướng tương ưng. Nếu không thực hành lý pháp, chỉ chấp cầu bên ngoài, trong thì buông lung theo sân si, thường làm nghiệp ác. Ngoài luống nhọc thân tướng, dối hiện uy nghi, không hổ thẹn với bậc thánh và luống dối kẻ phàm thì không khỏi luân hồi, đâu có thành công đức?

Lễ bái đúng pháp cốt tỏ bày lòng khiêm hạ là một cách tu tập diệt trừ bản ngã, như Lục Tổ quở vị tăng tên Pháp Đạt đến lễ Lục Tổ mà đầu không sát đất:

“Lễ mà đầu không sát đất, chi bằng dùng lễ.

“You must have something on your mind. What have you learned? At present you are conceited about this formal practice. Listen to my verse:

*Bowing is originally to break the banner of pride:  
Why should one’s head not reach the ground?  
When you have ego, faults then occur:  
Forget your achievement, and blessings are  
peerless.”*

**174. The people I meet nowadays are superficial. They think of merit as something that has form. They squander their wealth and butcher creatures of land and sea. They foolishly concern themselves with erecting statues and stupas, telling people to pile up lumber and bricks, to paint this blue and that green. They strain body and mind, injure themselves and mislead others. And they don’t know enough to be ashamed. How will they ever become enlightened? They see something tangible and instantly become attached. If you talk to them about formlessness, they sit there dumb and confused. Greedy for the small mercies of this world, they remain blind to the great suffering to come. Such disciples wear themselves out in vain. Turning from the true to the false, they talk about nothing but future blessings.**

*See also 152, 155, 160.*

\*

“Trong tâm ông ắt có một vật. Vậy ông chứa sự nghiệp gì? Ông trọn không biết lỗi, nghe ta nói kệ:

*Lẽ cốt chặt cò mạn  
Sao đâu không sát đất?  
Có ngã tội liền sanh,  
Quên công phước vô tỷ.”*

**174. Ta thấy người thời nay hiểu biết cạn cợt, chỉ lấy sự tướng làm công phu.**

Hoang phí của báu, phần nhiều làm thương tổn những vật trên bờ dưới nước. Vọng lập tượng tháp, thúc người chứa gỗ gom bùn, tô xanh vẽ lục. Dem hết tâm lực làm tổn mình mê người, chưa biết hổ thẹn thì đến chừng nào mới được giác ngộ. Thấy việc hữu vi thì luôn đắm mắc. Nói đến vô tướng thì ngốc ngốc như mê.

Tham những hạnh phúc thế gian nhỏ nhoi thì làm sao biết được nỗi khổ to lớn sau này. Người tu học như trên luống tự nhọc nhằn, trái với chánh mà lại dối nói là được phước.

*Xin xem số 152, 155, 160.*

\*

## INVOKING BUDDHA

**171. Buddha means awareness, the awareness of body and mind that prevents evil from arising in either. And to invoke means to call to mind, to call constantly to mind the rules of discipline and to follow them with all your might.**

**This is what's meant by invoking. Invoking has to do with thought and not with language. If you use a trap to catch fish, once you succeed you can forget the trap. And if you use language to find meaning, once you find it you can forget language.**

**172. To invoke the Buddha's name you have to understand the dharma of invoking. If it's not present in your mind, your mouth chants an empty name.**

**As long as you're troubled by the three poisons or by thoughts of yourself, your deluded mind will keep you from seeing the Buddha and you'll only waste your effort. Chanting and invoking are worlds apart.**

**Chanting is done with the mouth. Invoking is done with the mind. And because invoking comes from the mind, it's called the door to awareness. Chanting is centered in the mouth and appears as sound. If you cling to appearances while searching for meaning, you won't find a thing.**

## NIỆM PHẬT

171. Phật là giác, gọi là giác sát nơi tâm, chứ khiến khởi ác. Niệm là nhớ, nghĩa là hằng nhớ giữ giới hạnh không quên.

Trộn lẫn nghĩa như thế gọi là niệm. Cho nên biết niệm ở nơi tâm, chẳng ở lời nói. Nhờ nôm được cá, được cá phải quên nôm. Mượn lời tìm ý, được ý phải quên lời.

172. Đã xưng niệm danh Phật thì phải biết niệm đạo Phật. Nếu tâm không thực niệm, thì miệng niệm tên suông,

Ba độc lấy lòng bên trong, nhân ngã đầy bụng thì đem tâm vô minh hướng bên ngoài cầu Phật, công phu luống uổng. Hơn nữa nghĩa lý của tụng với niệm cách nhau xa.

Ở miệng gọi là tụng, tại tâm gọi là niệm. Nên biết niệm từ tâm khởi, đó là cửa giác hạnh. Tụng ở trong miệng là tướng của âm thanh. Chấp tướng mà cầu lý thì chẳng thể được.

**Thus, sages of the past cultivated introspection and not speech.**

The purpose of invoking the Buddha's name is to remember his virtue and reflect it clearly in our behaviour.

The upper part of Chinese character of "invoking" is the character "now" and the lower part is the character "mind", and the term "Buddha" means the enlightened one.

As expressed in Chinese characters, "invoking the Buddha's name" means being aware here and now.

*See also 169, 170.*

\*



**Nên biết chữ thánh ngày xưa tu niệm Phật chẳng phải nói ngoài miệng mà suy cứu nơi tâm.**

Niệm Phật cốt là tâm nhớ giác hạnh của Phật để xét nét lại mình, đừng cho lầm lẫn.

Chữ niệm Hán tự có hai phần. Phần trên có bộ kim (*hiện tại*) và dưới có bộ tâm; chữ Phật nghĩa là tỉnh giác.

Nếu hiểu trên Hán tự thì niệm Phật là sống tỉnh giác ngay đây và bây giờ.

*Xin xem số 169, 170.*

\*

## BATHING

*164. But the Bathhouse Sutra says, “By contributing to the bathing of monks, people receive limitless blessings.” This would appear to be an instance of external practice achieving merit. How does this relate to beholding the mind?*

165. Here, the bathing of monks doesn’t refer to the washing of anything tangible. When the Lord preached the Bathhouse Sutra, he wanted his disciples to remember the dharma of washing.

So he used an everyday concern to convey his real meaning, which he couched in his explanation of merit from seven offerings.

Of these seven, the first is clear water, the second fire, the third soap, the fourth willow catkins, the fifth pure ashes, the sixth ointment, and the seventh the inner garment.

He used these seven to represent seven other things that cleanse and enhance a person by eliminating the delusion and filth of a poisoned mind.

## TẮM RỬA

**164. HỎI:** *Như trong kinh Ôn Thất nói: “Người nào tắm gội cho chúng tăng thì được phước vô lượng.” Đây là bằng vào sự pháp (pháp bên ngoài) công đức mới thành. Nếu dùng quán tâm đâu thể tương ưng?*

**165. ĐÁP:** Tắm gội chư tăng mà được phước vô lượng không phải là việc hữu vi của thế gian. Thế Tôn thường vì các đệ tử nói kinh Ôn Thất, muốn khiến họ thọ trì pháp tẩy dục.

Thế nên mượn việc thế gian tỷ dụ cho chân tông, ẩn nói bảy việc công đức cúng dường.

1. Nước sạch, 2. lửa nấu, 3. thái đậu (*xà-bông*), 4. cành dương, 5. nước tro sạch, 6. câu cao (*dầu thoa*), 7. nội y.

Bảy việc này dụ cho bảy pháp khiến cho chúng sanh gội rửa trang nghiêm, hay trừ độc tâm vô minh cấu uế.

166. The first of these seven is morality, which washes away excess just as clear water washes away dirt. Second is wisdom, which penetrates subject and object, just as fire warms water. Third is discrimination, which gets rid of evil practices, just as soap gets rid of grime. Fourth is honesty, which purges delusions, just as chewing willow catkins purifies the breath. Fifth is true faith, which resolves all doubts, just as rubbing pure ashes on the body prevents illnesses. Sixth is patience, which overcomes resistance and disgrace, just as ointment softens the skin. And seventh is shame, which redresses evil deeds, just as the inner garment covers up an ugly body.

These seven represent the real meaning of the sutra.

When he spoke this sutra, the Tathagata was talking to farsighted followers of the Mahayana, not to narrow-minded people of dim vision. It's not surprising that people nowadays don't understand.

*See also 167, 168.*

\*

166. Một là tịnh giới rửa sạch lỗi lầm như lấy nước sạch gội rửa trần cấu. Hai là trí tuệ quán sát trong ngoài như đốt lửa làm ấm nước sạch. Ba là phân biệt giả trạch, lựa bỏ điều ác, như xà-bông rửa sạch chất dơ. Bốn là chân thật đoạn hết vọng tưởng như cành dương làm tiêu sạch hơi hôi trong miệng. Năm là chánh tín để quyết định không còn nghi ngờ như tro sạch chà sát thân mình không bị gió. Sáu là nhu hòa nhẫn nhục cam chịu như dầu thoa làm trơn láng da bên ngoài. Và bảy là hổ thẹn, hối các ác nghiệp như nội y ngăn che thân hình xấu xí.

Bảy pháp trên là mật nghĩa của kinh.

Như Lai vì các vị đại thừa lợi căn mà nói, chẳng phải vì kẻ tiểu trí hạ liệt phàm phu. Cho nên người thời nay không thể tỏ ngộ.

*Xin xem số 167, 168.*

\*

## THREE BODIES

**111. Buddhas have three bodies: a transformation body, a reward body, and a real body.**

The transformation body is also called the incarnation body. The transformation body appears when mortals do good deeds, the reward body when they cultivate wisdom, and the real body when they become aware of the sublime. The transformation body is the one you see flying in all directions rescuing others wherever it can. The reward body puts an end to doubts. The Great Enlightenment occurred in the Himalayas suddenly becomes true. The real body doesn't do or say anything. It remains perfectly still.

But actually, there's not even one buddha-body, much less three. This talk of three bodies is simply based on human understanding, which can be shallow, moderate, or deep.

**112. People of shallow understanding imagine they're piling up blessings and mistake the transformation body for the buddha. People of moderate understanding imagine they're putting an end to suffering and mistake the reward body for the buddha.**

And people of deep understanding imagine they're experiencing buddhahood and mistake the real body for the buddha. But people of the deepest understanding look within, distracted by nothing.

## TAM THÂN

**111. Phật có ba thân: hóa thân, báo thân và Pháp thân.**

Nếu chúng sanh khi thường làm việc thiện là hóa thân Phật hiện. Chúng sanh tu trí tuệ là báo thân Phật hiện. Chúng sanh giác được pháp vô vi là Pháp thân Phật hiện. Bay đi mười phương tùy nghi mà cứu giúp chúng sanh là hóa thân Phật. Đoạn dứt mê hoặc, ở núi Tuyết thành đạo là báo thân Phật. Không nói không rằng, lặng lẽ thường trụ là Pháp thân Phật.

Nếu luận đến chỗ chí lý một Phật còn không thể được hà huống là ba. Đây nói ba thân căn cứ người trí có thượng, trung và hạ.

**112. Người hạ trí do vọng dấy lên tạo phước lực, nên vọng thấy hóa thân Phật.**

Người trung trí vọng đoạn phiền não, nên vọng thấy báo thân Phật.

Người thượng trí vọng chứng Bồ-đề, nên vọng thấy Pháp thân Phật.

Người thượng thượng trí bên trong chiếu sáng tròn lặng lẽ.

**Since a clear mind is the buddha, they attain the understanding of a buddha without using the mind. The three bodies, like all other things, are unattainable and indescribable. The unimpeded mind reaches the Way. The sutras say, “Buddhas don’t preach the Dharma. They don’t liberate mortals. And they don’t experience uddhaood.” This is what I mean.**

The “three bodies” are based on the three levels of understanding of mortals. But this idea is false.

It is a false seeing because mortals are unenlightened and living in a dream, however the mind of the deepest understanding’s people is silent and clear, thus enlightened.

**40. A material body of the four elements is trouble.**

**A material body is subject to birth and death. But the real body exists without existing, because a tathagata’s real body never changes. The sutras say, “People should realize that the buddha-nature is something they have always had.” Kashyapa only realized his own nature.**

\*



**Sáng tâm tức là Phật, chẳng đổi tâm mà được Phật trí. Biết ba thân cùng với muôn pháp đều không thể chấp, không thể nói. Tức là tâm giải thoát, thành tựu đại đạo.**

**Kinh nói: “Phật chẳng nói Pháp, chẳng độ chúng sanh, chẳng chứng Bồ-đề” là ý này vậy.**

Sở dĩ chia ra ba thân Phật là căn cứ trên ba trình độ sai biệt của chúng sanh. Cái thấy đó là vọng thấy.

Vọng thấy là thấy trong mê vì người bậc hạ, trung và thượng chưa giác ngộ; trong khi bậc thượng trí tâm tịch và chiếu tức chứng Bồ-đề.

#### **40. Sắc thân tứ đại tức là phiền não.**

**Phàm là sắc thân phải chịu sanh diệt. Pháp thân thì thường trụ, nhưng không chỗ trụ. Pháp thân Như Lai thường không biến đổi. Kinh nói: “Chúng sanh nên biết Phật tánh vốn tự có.” Ngài Ca-diếp chỉ là ngộ được bản tánh.**

\*

## STRANGE SCENES

**53. But when you first embark on the Path, your awareness won't be focused. You're likely to see all sorts of strange, dreamlike scenes.**

**But you shouldn't doubt that all such scenes come from your own mind and nowhere else.**

The Buddha said that to practice is to swim against the current. Our effort should be continuous and our work beyond the ordinary. The ordinary is the worldly, meaning the attachment to six sense objects. Because we swim against the worldly current there is friction between for and against the current, and this friction generates the illusory or dreamlike images, sounds, and feelings, that our Master call "strange phenomena." The patriarchs used stronger terms, such as "demonic scenes" to name these strange phenomena, so that we would not dwell on them.

To practice is to return to a balanced mind permanently and become Buddha right at that very moment, not looking forward to new or strange events.

There is a Zen saying: "See Buddha, kill Buddha; see Mara, kill Mara."

## HIỆN TƯỢNG LẠ

**53. Người sơ phát tâm thần thức thấy đều bất định, [nếu] trong mộng chợt thấy cảnh lạ.**

**Không cần phải nghi, chính là tự tâm sinh khởi không phải từ bên ngoài.**

Phật nói tu là lợi ngược dòng. Vừa là phải nỗ lực liên tục, vừa làm một việc phi thường, không theo thường tình. Thường tình có nghĩa theo thói đời, tức là dính mắc với sáu trần. Vì ngược dòng như thế nên trên mặt tâm sinh lý cơ thể phản kháng, và sự ma sát giữa xuôi theo và đi ngược dòng đời sẽ phát sinh những ảo ảnh, ảo thanh hay ảo giác gọi là hiện tượng lạ. Những hiện tượng lạ này chư Tổ dùng danh từ mạnh hơn là ma cảnh khiến chúng ta biết sợ không dám trước.

Tu là trở về bình thường, ngay đó tỉnh giác thành Phật, chớ không phải tìm cầu hiện tượng lạ.

Nhà thiền có câu “Gặp Phật giết Phật, gặp ma giết ma.”

During sitting meditation, while our stream of consciousness is in the transformation process, we often see false visualizations of Bodhisattvas or Maras and get stuck there, which is called “a demonic side effect.” When seeing these unreal visions, whether of Buddha or of Mara, we should let go of them, because they are false. However, practitioners, when realizing their own true nature, might laugh or cry; but these are only the manifestations of their mind right at that moment, not a strange event.

Zen master Su Ngan in Doan Nham spent his days sitting on a carved stone, like a dull man. From time to time, to be aware of the Master, he called himself “Master,” then replied to himself, “Be watchful! Don’t let yourself be deceived by anyone.” This “anyone” is simply our wandering thoughts and strange scenes arising during practice.

*See also 50, 54, 55, 56, 57.*

\*

Khi ngồi thiền tâm thức biến chuyển, có khi gặp những hình ảnh Bồ-tát hay những cảnh ma quái, nếu kẹt trong đó tức bị “tẩu hỏa nhập ma.” Gặp những hình ảnh không thật này, dù là Phật dù là ma, đều phải buông bỏ vì đó là ma cảnh. Các hành giả khi kiến tánh có thể khóc cười, đó chỉ là phản ứng tự nhiên lúc bấy giờ, không phải hiện tượng lạ.

Trong nhà Thiền có thiền sư Sư Ngạn ở Đoan Nham để nhắc nhở mình luôn luôn nhớ ông chủ, suốt ngày ngồi trên thạch bàn như kẻ ngu, thỉnh thoảng tự gọi: “Ông chủ”, rồi tự đáp: “Tĩnh tĩnh chớ bị người lừa!” Người đây không ai khác lạ mà chính là những vọng tưởng và hiện tượng lạ trong lúc công phu.

*Xin xem số 50, 54, 55, 56, 57.*

\*

# STORIES

## 1. FURUNA SONJA

When Furuna Sonja, a disciple of the Buddha, was preparing to go far away to spread the Buddha's teachings, the Buddha asked him, "Where you are going they have no culture. They will kick you and strike you and spit in your face. Is that OK with you?"

His disciple said, "I think about it like this: Even if they hit me and kick me and spit on me, they will not take my life."

Then the Buddha said, "They might even take your life; is that still all right with you?" At that his disciple said, "At that time I will think like this: They are liberating me from my body, the physical source of my great suffering and grief."

The Buddha said, "Then go there. If you have confidence and resolution like this, there is no mistake."

## 2. HOSHIN KOKUSHI

A story is told about a large temple called Zuiganji in Sendai, and about the person who became the first abbot there, Hoshin Kokushi.

In the nearby area of Makabe there was a castle, and in the castle a servant by the name of Heshiro was responsible for taking care of the daimyo's geta - the lord's footwear.

# TRUYỆN

## 1. TÔN GIẢ PHÚ-LÂU-NA

Khi Tôn giả Phú-Lâu-Na, một đệ tử của Phật chuẩn bị đi xa để truyền bá Phật pháp, Phật hỏi ông: “Nơi ông đến giáo hóa, người ta không có văn hóa. Họ sẽ đá, đánh và nhổ vào mặt ông. Vậy ông có chịu được không?”

Tôn giả nói: “Con nghĩ rằng, nếu họ có đánh, đá và nhổ vào mặt con, họ vẫn chưa lấy mạng con.”

Phật hỏi, “Họ có thể lấy mạng ông, ông nghĩ sao?”

Tôn giả đáp rằng: “Nếu họ làm như thế, con nghĩ sẽ giúp con thoát khỏi thân xác đầy khổ đau và phiền não này.”

Phật bảo tôn giả: “Vậy ông hãy đi đến đó. Nếu ông tự tin và quyết tâm như vậy, ta tin rằng ông sẽ thành công.”

## 2. QUỐC SƯ PHÁP TÂM

Chuyện kể về một ngôi chùa lớn ở Sendai tên là Thụy Nham tự, và vị trụ trì đầu tiên là Pháp Tâm Quốc Sư.

Trong khu vực lân cận Makabe có một tòa lâu đài của viên lãnh chúa, và người hầu cận tên Heshiro có nhiệm vụ chăm sóc đôi giày của lãnh chúa.

One night, Heshiro accompanied the daimyo as he went out for the evening. But when the daimyo reached his destination, Heshiro was not allowed to go inside with the daimyo because he was only a servant. It was a very cold night in Makabe. As was the custom, the daimyo left his shoes outside as he entered the building. Because he did not want the daimyo to have to put cold geta on his feet, Heshiro warmed the shoes in his coat. Just before the daimyo was ready to leave, Heshiro returned the geta to the building's entrance. When the daimyo came out and found that his geta were warm, he was furious and accused Heshiro of having sat on them. The daimyo was irate at Heshiro's kindness; everything had gotten turned around. He was so furious he threw the geta at Heshiro, who grabbed them and ran away.

Heshiro went to Kyoto, where he remained enraged at his miserable situation, thinking only about what he could do to get back at the daimyo. They were both equal as human beings on this earth, so why should he have been put into such a miserable position?

He decided to become ordained, because that was the one way he could get the daimyo to bow down to him.



Một đêm, Heshiro theo lãnh chúa đi ra ngoài. Nhưng khi đến nơi, Heshiro không được phép vào trong nhà cùng với lãnh chúa vì ông chỉ là một người hầu. Ở Makabe trời về đêm rất lạnh. Theo phong tục, lãnh chúa tháo giày để ngoài cửa trước khi vào nhà. Vì không muốn lãnh chúa phải mang giày lạnh khi ra về, nên Heshiro sưởi ấm đôi giày trong áo khoác của mình. Trước khi lãnh chúa chuẩn bị ra về, Heshiro đặt đôi giày lại nơi ngưỡng cửa. Lãnh chúa bước ra và cảm nhận giày của mình vẫn còn ấm, ông nổi giận và buộc tội Heshiro đã ngồi lên giày của ông. Lãnh chúa đã tức giận trước lòng tốt của Heshiro; sự việc đã bị hiểu lầm. Quá tức giận, ông ném đôi giày vào Heshiro. Người hầu cận chỉ kịp chụp lấy và bỏ chạy.

Heshiro đi đến Kyoto, lòng nặng ưu phiền về số phận khốn khổ của mình, trong tâm chỉ nghĩ một chuyện duy nhất là làm thế nào để trả thù lãnh chúa. Lãnh chúa cũng là con người như ông, vậy tại sao ông phải lâm vào tình trạng khốn khổ như thế?

Ông quyết định đi tu, vì chỉ còn cách đó ông mới buộc lãnh chúa phải đánh lễ ông.

In those days one had to go to China to become ordained, so Heshiro stowed away on a ship. When he arrived in China, he went to a dojo on Kinzan Mountain, but he could not understand a word that was said there. He could not read, either-having been only a servant he had never learned any kanji. This troubled the Kinzan roshi. Heshiro was a very enthusiastic student, and the roshi wanted to do something for him. Then the roshi had an idea. He drew a huge circle with a big J in the middle and asked Heshiro what it was. Heshiro did zazen day and night trying to figure out what the circle and the J meant. He had been deeply injured by the daimyo's insults, and he trained desperately-harder than anyone else.

Maybe there was no meaning in that circle with the J in it, but through his deep efforts he reached enlightenment doing zazen on this drawing. That one deep thought of anger and revenge at the daimyo brought him to this great understanding; finally he was able to drop it all, to lose all sense of inner and outer, his whole sense of self and other, earth and heavens, until, like a huge explosion, it all fell away.

He could not understand the drawing, but everything around him appeared illumined. After that he returned to Kyoto and to the temple of Myoshinji.

Thời đó, muốn xuất gia phải đến Trung Quốc, nên Heshiro trốn trên một chiếc tàu đi Hoa Lục. Đến nơi, ông vào một thiền viện trên núi Kính Sơn, nhưng ông không hiểu được ngôn ngữ ở địa phương. Ông lại không biết chữ vì thân phận hầu cận không được đi học Hán tự. Điều này gây không ít khó khăn cho vị thiền sư. Heshiro là một thiền sinh tu tập nhiệt tâm, nên thiền sư muốn giúp ông. Thiền sư có sáng kiến vẽ một vòng tròn với chữ J lớn ở giữa và hỏi Heshiro nghĩa là gì. Heshiro tọa thiền ngày đêm, cố gắng tìm ra ý nghĩa của vòng tròn với chữ J. Ông đã tổn thương nặng nề vì sự nhục mạ của lãnh chúa nên khổ luyện miên mật hơn những thiền sinh khác.

Có lẽ vòng tròn với chữ J không có ý nghĩa gì, nhưng qua nỗ lực tột bậc, ông đạt ngộ khi tọa thiền dựa trên đề mục này. Lòng phẫn nộ và thù hận lãnh chúa mãnh liệt đã đưa ông đến chứng ngộ; cuối cùng ông đã có thể buông bỏ tất cả, nội tâm và ngoại cảnh, ta và người, đất và trời, cho đến khi, giống như một sự bùng nổ lớn, tất cả đều sụp đổ.

Tuy ông không hiểu hình vẽ, nhưng mọi thứ chung quanh ông đều sáng tỏ. Sau đó, ông trở về Kyoto và đến chùa Diệu Tâm.

Zuiganji, the temple in Sendai, which was near Makabe, had just been made into a dojo of the Myoshinji line, and Heshiro was sent there to establish it as a training monastery. A great ceremony was held in his honor as the new abbot. All the royalty lined up along the path to the entrance of the hondo, where Heshiro was to offer a poem expressing his understanding, as is customary at such times.

The daimyo had forgotten Heshiro's face, of course. The abbot's poem was about having climbed Mount Kinzan in China, having done many years of practice and finally realizing true understanding, and then coming down from Kinzan to this faraway place of training.

It was about how our physical bodies are made up of the Five Elements, of sadness and joy, so that if we look at them through awakened eyes we need no property, no fame or great name. We can see that they have no meaning and rise out of emptiness. He concluded by saying that now the Buddha Nature had returned to open this new dojo and bring sentient beings to enlightenment.

After that it was time for the daimyo to do prostrations to Heshiro, who was now the daimyo's teacher. Heshiro laid out grass on a tall tray, and on the same tray carefully laid out those very same geta that the daimyo had thrown at him.

Ngôi chùa Thụy Nham ở Sendai, gần Makabe, mới chuyển thành một thiền viện thuộc hệ phái Diệu Tâm, và Heshiro đã được cử tới đó để thiết lập thành một tu viện chuyên tu. Một buổi lễ lớn được tổ chức để tấn phong vị tân trụ trì. Hoàng tộc xếp hàng dọc theo đường vào Pháp đường, nơi vị trụ trì Heshiro, theo phong tục thời ấy, phải đọc bài kệ nói lên việc chứng ngộ của mình.

Lãnh chúa tất nhiên đã quên Heshiro. Bài kệ của trụ trì nói việc ông lên núi Kính Sơn ở Trung Quốc, trải qua nhiều năm tu tập, và cuối cùng đạt ngộ, và sau đó từ Kính Sơn đi đến thiền viện này.

Bài thơ nói về thân do năm yếu tố hợp thành, biết buồn biết vui, do đó nếu chúng ta nhìn ra với đôi mắt tỉnh thức thì sẽ không cần danh và lợi. Chúng ta nhận ra thân không có ý nghĩa và bản chất là Không. Heshiro kết luận bây giờ tánh Phật trở về đây khai mở thiền viện mới này để đưa chúng sinh đến giác ngộ.

Sau đó, lãnh chúa đến đánh lễ Heshiro, bây giờ là thầy của mình. Heshiro bày một nhúm cỏ trên một chiếc mâm cao, và trên mâm cẩn thận đặt đôi giày trước đây lãnh chúa đã ném vào ông.

The daimyo entered, but still he did not understand what had happened. The new abbot came down off his cushion and bowed to the daimyo, saying that although the daimyo had probably forgotten who he was, he-who was formerly Heshiro-had not been able to forget. Then he described the incident of the geta in detail, and told the daimyo that those same geta were on the tray before him.

He told how he had trained with all his energy just so he could get the daimyo to bow to him, but when he thought about it carefully, it was thanks to the daimyo's anger that he had gone into training at all. If it had not been for that, he would have remained the daimyo's servant for the rest of his life.

If the daimyo had not been furious at him, he would never have become abbot that day. He bowed in thanks to the daimyo. The daimyo was, of course, astonished at hearing all of this.

\*

Lãnh chúa đi vào, nhưng vẫn không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Sư trụ trì bước xuống chỗ ngồi và cúi đầu xá lãnh chúa, nói rằng có lẽ lãnh chúa đã quên Sư, Sư--trước đây là Heshiro--đã không quên Ngài. Sau đó, Sư kể lại câu chuyện về đôi giày và đôi giày này đang ở trên mâm trước mặt Ngài.

Sư nói rằng sư đã tu luyện hết sức mình chỉ vì muốn lãnh chúa phải đánh lễ sư, nhưng khi nghĩ kỹ lại thì nhờ có cơn giận của lãnh chúa mà sư đã đi vào đạo. Nếu không như vậy thì sư sẽ phải làm tôi tớ cho lãnh chúa suốt đời.

Nếu lãnh chúa đã không tức giận thì sư sẽ không bao giờ trở thành sư trụ trì ngày hôm nay. Sư cúi đầu tạ ơn lãnh chúa. Lãnh chúa, tất nhiên, rất sững sờ.

\*

# MỤC LỤC

## **CHÁNH VĂN**

NHỊ CHŨNG NHẬP.....	13
HUYẾT MẠCH LUẬN .....	21
NGỘ TÁNH LUẬN .....	75
PHÁ TƯỚNG LUẬN.....	113

## **GIẢNG GIẢI**

NHỊ CHŨNG NHẬP.....	161
TỰ TÁNH.....	171
TAM GIỚI.....	181
TAM ĐỘC.....	187
SÁU BA-LA-MẬT.....	195
TAM TỰ TỊNH GIỚI.....	199
TÂM .....	201
CHÁNH KIẾN.....	211
VIỆC CÔNG ĐỨC.....	215
NIỆM PHẬT.....	231
TẮM RỬA.....	235
TAM THÂN.....	239
HIỆN TƯỢNG LẠ.....	243
TRUYỆN.....	247